

Tuyển tập truyện ngắn cuộc sống
Song ngữ Việt - Anh
NGUYỄN QUANG THÂN

Giữa những điều bình dị



First News

VHSG

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA SÀI GÒN



LỜI GIỚI THIỆU

Nguyễn Quang Thân, sinh năm 1936 tại Sơn Lễ, Hương Sơn, Hà Tĩnh, viết văn từ năm 1957, là tác giả của năm cuốn tiểu thuyết (*Lựa chọn*, *Chú bé có tài mở khóa*, *Một thời hoa mẫu đơn*, *Ngoài khơi miền đất hứa* [đã dịch và in ở Pháp năm 1998] và *Con ngựa Mãn Châu*), một số kịch bản phim, nhiều tập truyện ngắn, truyện cho thiếu nhi v.v.

Đặc biệt, ông còn được độc giả biết đến nhiều trong thể loại truyện ngắn. Truyện *Người không đi cùng chuyến tàu* của ông ra đời năm 1980 được xem là một khởi đầu sớm cho sự nở rộ của thể loại truyện ngắn thời kỳ đổi mới. Sau đó là *Vũ điệu cái bô* và gần đây nhất, *Gió heo may* cùng nhiều truyện khác đã góp phần khẳng định thành công của ông trong thể loại này. Truyện ngắn của ông đã xuất hiện trong hơn 10 tập riêng cũng như rất nhiều tuyển tập in chung gồm nhiều tác giả. Một số truyện trong đó đã được dịch sang tiếng Anh, Pháp, Nga, Hindu. Truyện của ông cũng đã nhận được nhiều giải thưởng văn học trong nước.

Sau thành công của tập truyện ngắn song ngữ *Những tâm hồn lạc* gồm nhiều tác giả, First News cùng với Nhà xuất bản Văn Hóa Sài Gòn xin hân hạnh giới thiệu với quý độc giả thêm một tác phẩm văn học Việt Nam bằng song ngữ. Đó là tập truyện ngắn ***Giữa Những Điều Bình Dị*** đang hiện diện trên tay bạn.

Có thể nói, hai dịch giả có uy tín Rosemary Nguyen, Mạnh Chương lựa chọn dịch 5 truyện ngắn này là do những yêu cầu khác nhau, trong những thời gian khác nhau, nhưng đều gặp nhau một điểm: đó là họ đã có mắt xanh chọn dịch được những truyện khá tiêu biểu và đa dạng về nội dung cũng như phong cách của Nguyễn Quang Thân. Phong cách đa dạng đó rất dễ nhận ra trong những truyện có tính dự báo đầy chua chát và kỳ quái như *Vũ điệu cái bô*, *Thanh minh* đến lối phân tích tâm lý nhân vật rạch ròi đến nghiệt ngã trong *Chân dung* hay thâm trầm tình người và gợi cảm hứng lãng mạn như *Gió heo may*, *Người đàn bà đợi ở bến xe*.

Chúng tôi mong rằng, tác phẩm song ngữ này ngoài việc giúp các bạn người Việt cũng như nước ngoài nâng cao kỹ năng ngôn ngữ qua tác phẩm văn học Việt nguyên bản và các bản dịch tiếng Anh tin cậy, sẽ một lần nữa mang đến cho bạn đọc năm truyện ngắn của một nhà văn Việt Nam quen biết.

First News

INTRODUCTION

Nguyễn Quang Thân was born in 1936 at Sơn Lễ, Hương Sơn, Hà Tĩnh, and has been writing since 1957. He is the author of 5 novels (*The Choice*, *The Little Boy Who Could Open Any Locks*, *The Time of the Peony*, *Cast Off from the Promised Land* (translated and published in France in 1998), and *The Manchu Horse*), as well as several film scripts and numerous collections of short stories and children stories.

He is particularly well-known for his short stories. His story *The Man Who Missed The Train*, which was published in 1980, was considered to be an early manifestation of the flowering of the short story genre in the period of renovation. Later on, *The Waltz of the Chamber Pot* and most recently, *Autumn Wind*, as well as many other stories, has contributed decisively to his success in this genre. His short stories have appeared in 10 collections of Mr. Nguyen's work, and have been included in many multi-author collections. Several of them have been translated into English, French, Russian and Hindu. His work has received numerous literary awards in Vietnam.

After the success of the *The Lost Souls*, a multiauthor collection of short stories in parallel translation, First News together with Sai Gon Culture Publisher are proud to introduce to our readers yet another bilingual volume of Vietnamese literature: ***In And Amongst Simple Thing***, this collection of short stories that you are holding in your hands.

It must be said that, while these 5 short stories were selected by two reputable translators Rosemary Nguyen, Mạnh Chương for different reasons and during different time periods, they are similar one respect: they are all representative of the diversity of Nguyễn Quang Thân's subject matter and style. The style diversity of his range is easily seen, from the bitter, eerily prophetic stories *The Waltz of the Chamber Pot* and *Thanh Minh* to the almost brutal clarity of psychological analysis of his characters in *The Portrait*, to the abundant humanity and romantic inspiration of *Autumn Wind* and *A Woman at the Bus Stop*.

It is our earnest hope that this bilingual collection, in addition to helping all Vietnamese and foreigners, to improve their language skills by reading these original Vietnamese stories along with reputable English translations, will once again introduce to the reading public 5 short stories from this well-known author.

First News

THANH MINH

“Thanh minh là trong sáng.”

(Từ điển tiếng Việt đời Hùng Vương thứ 16.)

Sau khi bố tôi mất thì tôi ngại về N. lắm. Bạn cũ của tôi ở đó vốn đã ít mà mỗi tháng lại tán mác một nơi. Còn bạn bè của bố tôi thì khỏi nói. Lúc bố tôi còn sống họ đăng ký đến thăm hỏi rìch ràng ngày đêm, giờ tưởng họ đã theo bố tôi về thế giới bên kia hết. Mẹ tôi sống cô đơn ở N. Một thời gian, ăn xong chỉ ngậm tăm chờ người quen đến tán chuyện gẫu cho vui mà không thấy. Tôi đón bà về Hà Nội. Trong toa tàu linh kinh đồ đạc của nhà tôi, mẹ tôi ngán ngẩm nói: "Bố mày thật bạc phước!". Khuôn mặt Phật của bà buồn thiu. Bà biết tôi đang cáu vì xin mãi không được một chuyến xe tải, ông nào cũng lịch sự nhưng đều từ chối, trong đó có cả một ông đã từng mang giúp bố tôi con voi sứ nặng một tạ từ Bangkok về. Sau lần chứng minh khả năng vận tải bẩm sinh này, ông ấy được cất nhắc lên giám đốc một công ty có hàng trăm đầu xe.

Sau ngày giỗ bố tôi, tôi lặn một mạch. Năm nay không hiểu sao mẹ tôi nhắc: "Thanh minh là anh phải về N. vài ngày. Xem mồ mà bố anh ra sao". Tôi vốn ngại về N. liền thoái thác: "Mồ bố người ta đổ bê tông cốt thép, việc gì mẹ phải lo!". Tôi xin giải thích: việc chôn cất, cải táng, cả táng bia bằng đá hoa cương đều do "người ta", tức là cơ quan nhà nước chu tất, mọi thứ đều tương xứng với cương vị của bố tôi. Trước khi nghĩ việc bố tôi đã đứng ra tổ chức đám tang cho người phó rất chu đáo làm ai cũng cảm động. Gia đình ông ấy không mất xu nào, còn dư ra mấy triệu đồng tiền phúng viếng, họ xây được một cái nhà to. Đám tang bố tôi đã sẵn có cái mẫu ấy để làm, sau khi quyết toán xong các khoản, mẹ con tôi lên được cái ti vi màu bảy hệ.

Tuy tôi nói thế nhưng mẹ tôi vẫn không yên tâm. Bà bứt rứt như có điều gì bí mật chưa tiện nói. Cuối cùng bà bảo tôi: "Kiểm này, anh có nhớ ông Hoàng không?".

Tôi gật đầu: "Có mẹ ạ, cái lão mà bố vẫn gọi là Hoàng-bóc-xơ, chuyên gia đâm đá ấy phải không?".

Mẹ tôi nói: "Đúng đấy, sau khi bố mày thay áo được hai tháng, ông ấy đưa đơn kiện khắp nơi. Ông ấy nói thời gian kháng chiến chống Pháp bố mày với ông ấy cùng bị tù, bố mày có trót khai báo gì đó".

Tôi nói: "Thì bây giờ bố chết rồi, mẹ quan tâm làm gì!".

Mẹ tôi chép miệng: "Khốn nỗi, ông ấy yêu cầu tổ chức tỉnh ủy đưa bố mày xuống khu B, bố mày không đủ tiêu chuẩn nằm khu A như hiện nay. Bác Bình vừa cho tao biết hôm nọ đấy".

Tôi ôm đầu chạy ra ban công, thái dương tôi giật liên hồi, phía sau trán đau như búa bổ. Bà trời tháng giêng âm đạm trên cao, nhưng giờ đã ấm lên ít nhiều. Trời oi, không biết đến bao giờ những chuyện này bùng tha cuộc đời tôi. Cả một thời học sinh sống với bố mẹ tôi ở H. không đêm nào mà tai tôi không đầy ắp những chuyện đấu đá, tranh giành. Tôi không liên quan gì, nhưng cái tai non trẻ của tôi cứ phải nghe. Sự hiện diện của ông Hoàng-bóc-xơ, vô hình nhưng thường trực, ám ảnh những giờ phút rỗi rãi của bố tôi, đầu độc cả đời tôi nữa. Lấy vợ, về Hà Nội ở, rồi bố tôi mất, tương đã thoát thân. Nào ngờ, đời chó thật!

Tôi quay vào nhà, mẹ tôi nói ngay: "Khốn nỗi ông Hoàng bây giờ lại có thể lực, ông ấy bầy bố mày xuống khu B dễ như bỡn. Mẹ lo lắm". Tôi đáp không suy nghĩ: "Được rồi, thanh minh này con về". Nói xong, tôi biết là mình có đi thanh minh thì cũng chỉ để mẹ vừa lòng, thấp cho bố nén hương. Chứ nếu lão ấy quyết bầy bố tôi xuống khu B thật thì tôi làm được cái gì nào. Thôi, ít ra thì

cũng thăm người quen cũ và xa được cô vợ lắm điều vài ngày.

Quả thật, tôi chán vợ, chán nơi làm ăn và chuyện khu A khu B mờ mịt này quá lắm rồi.

*

Những người chết của thành phố N. chắc chắn là đông hơn người sống, nằm trên một dãy đồi bên kia sông. Mỗi ngày thanh minh, phà đông nghịt. Trên phà, xe đạp, xe máy Nhật dất bánh vào nhau. Những người ăn mày tàn tật lê lét dưới chân người đứng như nêm cối, kêu gọi tình thương, nhắc người ta đừng quá chăm chú đến mờ mịt người chết mà quên người sống.

Một cái gì như móng chân con mèo cào cào vào chân tôi. Tầm lưng cánh phàn của một ông béo áp vào ngực làm tôi không cựa quậy nổi. Mãi rồi tôi cũng đẩy được ông ta tiến lên phía trước bằng cả hai cánh tay cứng trắng của tôi rồi cúi xuống. Tôi nhìn thấy một em bé cụt chân ngồi bệt xuống sàn phà như chiếc bao tải nát, giương đôi mắt không hồn nhìn tôi:

- Lạy chú, chú cho cháu mấy hào làm phúc...

Đạo này tiền mất giá từng ngày nên dân chúng thường ăn bớt một hai con số không cho dễ tính toán. Tôi cố nghĩ xem em bé định xin tôi bao nhiêu? Máy trăm, mấy ngàn hay chỉ mấy chục? Tôi móc túi lấy hai trăm tiền lẻ đưa cho nó. Bỗng ông béo đã quay lại từ lúc nào chộp lấy tay tôi:

- Khoan, đồng chí, đây là vấn đề xã hội to lớn, ta phải có cái nhìn vĩ mô để giải quyết. Đồng chí đừng cho như vậy, đó là kiểu bố thí tư sản, chúng nó quen đi, không chịu làm ăn gì nữa. Cho như thế là làm hư chúng nó.

Tôi thấy lạnh sống lưng. Tôi nhận ra ông Hoàng. Nhưng ông không nhận ra tôi, con trai kẻ thù chính trị của ông. Tôi sửng người vì phát hiện đó, không hồn vía nào chú ý đến bài học từ thiện có tính vĩ mô của ông nữa, lách xe đạp để rời ông ra, sợ ông nhớ lại mà nhận ra tôi chẳng? Tôi quả là không muốn dây vào con người này. Chỉ định bụng từ trước là đến thắp nén hương trên mộ bố rồi về Hà nội ngay vì đang vướng một vụ làm ăn. Máy thằng chúng tôi đang tính một mảnh bịp thằng X., giám đốc một công ty dịch vụ. Nó mới học hết lớp 5, lại hám gái. Chúng tôi tính lấy của nó hai chục triệu "trong vòng pháp luật" rồi sau đó nó tính toán vào đâu hay vào tù thì kệ nó. Say sưa vì lần đầu tiên sử dụng mảnh bịp kỹ sư kinh tế, năm thằng kỹ sư xúm lại thịt một thằng lớp 5 là ăn chắc, tôi sẽ mặc lão Hoàng-bóc-xơ, cứ để ông ta giành nhau với lũ sâu đất cái xác của bố tôi. Còn linh hồn bố tôi thì không biết đang ở đâu.

Tôi len lỏi một lúc thì đến được đầu mũi phà.

Trước mặt tôi là một mái tóc.

Vâng, độc giả có thể bắt bẻ là tại sao tôi phân biệt được một mái tóc trên chuyến phà thanh minh chật chội này. Nhưng quý độc giả đã từng yêu chưa? Nếu đã từng rồi thì điều đó không có gì lạ. Bởi vì, có một ngày chủ nhật, trong một góc rừng thông kín đáo ở bờ biển, cô gái này đã gói đầu lên đùi tôi còn tôi thì say mê làm chuyện điên rồ là đếm từng sợi tóc của mái tóc ấy. Lúc đầu tôi tưởng sẽ làm xong công việc ấy trong một giờ. Nhưng Bụt không hiện ra nên suốt ngày chủ nhật hôm đó tôi chỉ đếm được có một nhúm tóc, cột lại chỉ nhìn hơn cái bút bi.

Mối tình của tôi tan vỡ vì bố tôi phá. Mà bố tôi đã phá cái gì thì nhất định phải thành công. Chi trong bốn năm ở tỉnh N. ông đã cơ bản phá xong rừng, đình chùa và di tích lịch sử. Tất nhiên không phải tay ông cầm búa và rìu, nhưng ông là chỉ huy trưởng của các chiến dịch "Thay trời làm mưa" rồi "Bất rừng làm ra sản gạo" rồi "Chống mê tín dị đoan" và dòn tượng Phật, hạc thờ, rùa đá thành một mớ đồ tiết kiệm nhà cửa. Tôi đoán linh hồn ông đang ở địa ngục là vì thế. Vậy là vì bố tôi phá mà tôi đã vĩnh viễn không thực hiện được giấc mơ chung sống với nàng. Cũng như tôi đã không bao

giờ biết được tóc nàng có bao nhiêu sợi.

Từ phía sau, tôi chăm chú nhìn mái tóc quá quen thân, nghe nàng nói chuyện với người bạn cùng đi, tự an ủi có lẽ mình không đến nỗi thất đức nên mới có cuộc gặp gỡ "ngâm ngùi tình xưa" giữa ngày thanh minh này.

Cô bạn gái cùng đi hỏi:

- Vậy là mẹ cậu vẫn chưa được kiện?

- Mẹ tao chạy ba năm trời nay, nhưng đâu vẫn hoàn đấy - Nàng đáp giọng buồn.

- Tao tính thôi quách cho xong.

- Tao cũng nghĩ thế. Nhưng mẹ tao không chịu. Nhục lắm mày ơi!

Cũng may là chuyến phà đã cập bờ bên kia. Chiếc xe đen bóng chói mũi lên trước. Tôi thấy ông Hoàng hối hả len qua đám người, làm ngã một thằng bé, rồi chui vào xe. Một làn khói nhẹ như khói thuốc lá đẩy ông và chiếc xe đi như bay. Chắc là ông cũng đi thanh minh.

Lên phà, cô bạn cùng đi với nàng bước lên trước. Một người đàn ông cao tuổi chừng đang hoạt động bí mật, tên tò chờ cô ta. Chắc là họ hẹn nhau đi thanh minh, thăm mộ người vợ cũ của ông ta hay người chồng đã quá cố của cô ta. Ấy là tôi đánh bạo đoán thế. Đàn ông tóc bạc đang có giá, rở rá cập lại còn dùng bên hơn cả đồ ni lông.

Vậy là chi còn nàng bơ vơ trên phà. Trong rổ xe nàng có một bó hương chùa to và một gói hoa. Nụ thiên lý thò ra ngoài lá chuối như mắt cua bể. Tôi đạp dần lên cho kịp nàng. Nàng đi thăm mộ ai? Chắc là bố nàng. Vậy là bác Thiết chết rồi mà cả nhà tôi không ai hay.

Bác Thiết nguyên là lái xe cho bố tôi. Trước giải phóng 1955, bác lái xe ở tòa thị chính. Ông điềm đạm, nói được tiếng Pháp, ăn mặc lịch sự và thông thạo đường ngõ thành phố. Nhìn ông ngồi trước tay lái ai cũng nghĩ rằng ông đã sinh ra cùng chiếc xe, hợp đến nỗi như ông là bộ phận nào đó của chiếc xe vậy. Bố tôi nhận ông làm lái xe cho mình. Tổ chức phản đối. Không thể tin con người đã từng lái xe cho địch mà lại còn biết tiếng Pháp. Giá như xe chở đá đổ kè bờ sông thì một nhẽ, đằng này... Họ bảo bố tôi: "Đây là vấn đề bảo vệ sinh mệnh cách mạng. Phải cảnh giác!". Bố tôi nói: "Tôi thì lo cho sinh mệnh của tôi trước đã". Thấy vấn đề không lớn mà bố tôi lại kiên quyết nên sau khi điều tra kỹ, người ta đồng ý cho bố tôi sử dụng bác Thiết. Hỏi đó bố tôi chưa phải là "cóp" to nên việc này cũng đã cho qua. Ai cũng biết bố tôi là người hay sợ: sợ vi trùng, sợ sấm sét và tai nạn. Nghĩa là sợ chết. Cho nên nếu ông Hoàng bảo ông có khai báo gì đó trong tù thì có lẽ cũng không oan.

Bác Thiết có cô con gái đầu lòng tên là Hương. Hương thua tôi ba tuổi. Vì tính nghiêm khắc bác bác của bố tôi nên Hương ít khi đến nhà chúng tôi. Tôi thường ngồi lên xe đạp bác Thiết để về nhà Hương chơi. Bác coi tôi như con trai mình. Vì đã qua tuổi chơi đồ hàng nên tôi thường đến nhà Hương đọc sách. Bác Thiết mua nhiều sách lắm. Từ lớp hai, lớp ba, Hương đã đọc hết sách trong nhà. Tôi rất lấy làm lạ vì bố không mua cuốn sách nào. Ông cũng không hề đọc một cuốn sách nào. Ông nói những cuốn sách cần đọc thì ông đã đọc ở trường Đảng cả rồi, in rô-nê-ô không mất tiền mua. Ông còn nói có người không đọc sách bao giờ mà vẫn cai trị được non một tỷ người. Vân vân. Ít khi tin lời bố nên tôi vẫn đọc sách đều đều ở nhà bác Thiết. Đầu tiên tôi đọc để có chuyện nói với Hương. Có lần Hương bảo tôi: "Anh có biết không, Giăngvan- Giăng nằm trên giường của giám mục mà không ngủ được là vì nệm êm quá. Hay thật!". Tôi không biết Giăng-van-Giăng là ai. Sau đó tôi mượn Hương cả 4 tập Những người khôn khổ rồi ngón một mạch. Té ra trên đời, ngoài những thứ hệ trọng mà bố tôi vẫn say mê còn nhiều điều lý thú như sách chẳng hạn. Đó là phát kiến của tôi ở tuổi hai mươi.

Cuối năm học lớp 10, tôi tỏ tình với Hương. Lúc đó Hương mới mười bốn tuổi. Chủ nhật, chúng tôi ra biển chơi và tôi ngồi đếm tóc Hương trong niềm khát vọng của khám phá, sáng tạo. Giá như tôi có thể cam đoan mái tóc nàng có bao nhiêu sợi. Chỉ có thể thôi. Tôi chưa dám hôn Hương, chỉ chạm nhẹ vào người Hương tôi đã run bắn lên như giã.

Nhưng tình yêu của chúng tôi không được suôn sẻ. Chúng tôi còn bé tí. Và lại, hoàn cảnh mỗi đứa một khác nhau. Chủ nhật tôi muốn rủ Hương đi chơi thì cô ấy còn phải xếp hàng đong gạo. Có lần tôi bỏ tiền ra mua lại một hòn gạch xếp lót đầu giầy cho Hương. Hương không chịu, nói: "Anh mua một mạng người rẻ quá, tội chết!". Hương vẫn bướng bỉnh và cụ non như vậy. Tôi buồn, cảm thấy Hương cao cả, xa vời như bầu trời khó với.

Một lần khác, Hương đón tôi dọc đường, nói: "Anh Kiêm, anh nhờ bác mua hộ em hai tập Đỏ và Đen".

Tôi ngạc nhiên: "Sao lại nhờ bố anh? Cụ có đọc sách bao giờ đâu!".

Hương cho biết: "Người ta thông báo chỉ bán cuốn này cho cán sự 5 trở lên thôi. Bác thì thừa tiêu chuẩn mua".

Trong nhà chỉ có bố tôi đủ tiêu chuẩn mua sách. Tôi nhờ. Bố tôi gạt phất: "Vê! Mà có phải cán sự 5 đâu mà đòi. Tao không mua!". Tôi đành chịu. Không mua được sách cho Hương tôi thấy mình không đáng một đồng xu. Hai tuần liền tôi không dám gặp Hương. Tôi biết Hương cũng buồn lắm. Buồn vì không biết đến bao giờ được đọc cuốn sách cấm đối với dân thường và những người trình độ chính trị non kém. Bao giờ Hương mới là cán sự 5, có lẽ phải kiếp sau! Bức tường vô hình ngăn cách ấy làm chúng tôi xa nhau dần. Giá như Hương bớt kiêu hãnh đi thì còn dễ. Đàng này...

Một lần khác, bố tôi nhận được giấy mời đi xem phim Chiến tranh và Hòa bình. Giấy ghi hai chỗ ngồi. Chắc là cho mẹ tôi. Nhưng mẹ tôi không đi. Bà không bao giờ xuất hiện giữa đám đông bên cạnh bố tôi. Bà chưa một lần ngồi vào chiếc xe con vẫn đón bố tôi đi về. Ông thư ký Ủy ban đưa cho bố tôi tám giấy mời của vợ chồng ông ấy nữa. Tôi nhận thấy hễ có dịp là ông này nhường ngay các thứ cho bố tôi mặc dù bố tôi chẳng thiếu thứ gì. Bố tôi bảo bác Thiết: "Tôi nay anh cho cái Hương cùng đi, đến đây đón tôi một thể".

Chúng tôi đi xe đến rạp. Hương ngồi cạnh tôi trên ghế sau trong bộ quần áo đẹp nhất, mặt mở hội như cô Lộ Lem ngồi xe hoa về cùng với Hoàng Tử. Chúng tôi đã cùng nhau đọc cuốn tiểu thuyết này rồi. Bây giờ được đi xem phim thì sung sướng nào hơn. Nhưng khi đến rạp, tôi sững người khi đọc thấy tám biển viết bằng phấn: *Phim dành cho cán sự 4 trở lên. Vé bán về cơ quan*.

Bố tôi nói: "Thế là hỏng rồi!".

Tôi nói: "Đây là giấy mời, mình cứ vào bố ạ". Bố nói: "Giấy mời cũng phải giữ nguyên tắc. Bố với con ở lại, để hai cha con bác Thiết về".

Thực ra tôi ở lại xem cũng là sai nguyên tắc. Nhưng đây là giấy mời không mất tiền nên bố tôi mới hào phóng gia ơn cho tôi. Đêm ấy, lần đầu tiên tôi nhìn thấy Hương khóc. Mắt tôi cũng nhòe đi, hai bố con chúng tôi ngồi xem một lúc thấy màn ảnh toàn bá tước, công tước nhảy nhót, tiệc tùng, bố tôi ngáp. Sau cái ngáp thứ ba thì ông bảo tôi về. Sau này tôi cứ ân hận tại sao lúc đó tôi không ở ngoài rạp để cùng về nhà với Hương. Hồi đó tôi chỉ là một thằng tình nhân con nít. Tôi chưa biết, yêu có nghĩa là không có quyền vào rạp xem một cách khốn nạn như thế, để lại người yêu và bố cô ta nhục nhã ở ngoài cửa. Tôi chỉ là một thằng tham vật, một con chó chỉ biết ve vẩy đuôi mà không biết gầm gừ.

Gặp lại Hương sau tôi hôm ấy tôi thấy nàng gầy rạc đi. Tôi biết rõ, ngoài những giấc mơ tình dục của tuổi dậy thì, chúng tôi không cùng buồn khổ, không có một giấc mơ chung. Bác Thiết thì

vẫn bình tĩnh như mọi khi, điềm nhiên chấp nhận hoàn cảnh đã an bài. Bác có lần nói với tôi: "Ông già cậu vào tù ra tội bao năm, ưu tiên thế chứ nhiều nữa cũng chưa xứng". Tôi biết bác thương bố tôi thực lòng. Không những thương mà còn nể trọng nữa.

Chúng tôi vẫn chơi thân với nhau, nói là yêu thì hơi quá. Càng ngày tôi càng thấy không thể thiếu Hương. Tôi muốn được thấy, được nói chuyện với Hương ngày ngày. Giá như tôi có thể bỏ nhà đến ở với vợ chồng bác Thiết. Nhưng đó chỉ là một giấc mơ táo bạo của một con chó chỉ biết vẫy đuôi và có thói quen lượn tiếc cái cũ.

Thế rồi bố tôi lên cấp to hơn. Việc đầu tiên người ta bắt ông làm (hay chính ông đề xuất, tôi không rõ) là thay lái xe. Ông gọi bác Thiết đến nói thẳng thừng: "Bây giờ thì tôi phải xa anh! Tôi rất buồn. Nhưng biết làm thế nào được?". Bác Thiết hiểu hết. Bác biết rõ mình không đủ tiêu chuẩn lái xe cho một ông sếp cỡ bố tôi hiện nay. Hôm ấy tôi cũng có mặt trong phòng khách. Tôi không biết bố tôi có nói thực lòng không. Ông buồn hay ông tiếc?

Bởi vì bác Thiết giúp bố tôi được nhiều việc lắm. Có lần, một nghệ nhân đến trình bố tôi phác thảo một tác phẩm khắc gỗ Nguyễn Trãi viết Bình Ngô Đại Cáo dưới một mái hiên. "Dạ trình", nghệ nhân nói, "Tôi sẽ chạm gỗ hoa văn theo phong cách bia Vĩnh Lăng...". Lúc nghệ nhân đã ra về, bố tôi hỏi bác Thiết bia Vĩnh Lăng là cái gì. Bác Thiết nói cho bố tôi nghe một lúc về bia Vĩnh Lăng. Bố tôi nói: "Thì ra thế. Được. Tôi sẽ duyệt cho ông ấy làm mái hiên theo phong cách bia Vĩnh Lăng, trợ cấp nửa triệu". Khi phải tiếp khách nước ngoài hay đi huấn thị cho giới khoa học và trí thức, chính bác Thiết đã tận tình giúp bố tôi chọn màu cà vạt hay giày da phù hợp với quần áo. Bố tôi cầu nhàu: "Rắc rối quá! Bọn này thật khó thương!". Tôi không hiểu bố tôi ám chỉ bọn nào.

Thế là từ nay bác Thiết không còn có dịp phục vụ bố tôi nữa. Bác còn nói là bác có phục vụ bố tôi tận tụy bao nhiêu cũng chỉ là cái móng tay so với công đức của bố tôi. Giờ đây nét mặt bác vẫn vui vẻ cam chịu như bố tôi vừa cho quà. Bác nói: "Tôi cũng già rồi. Tham việc con cháu nó cười cho. Tôi xin anh nghỉ hẳn". Ba ngày sau bác lấy giấy tờ về nhà, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một cục vì thâm niên quá ít. Bố tôi biếu bác một cái lọ hoa gò bằng vò đại bác rất đẹp người ta cho ông, nghe nói cái vò đạn này đã bắn rơi chiếc máy bay thứ 300 của Mỹ. Bác mừng lắm, để ngay lên bàn thờ.

Việc thứ hai bố tôi làm sau khi lên chức là tặng đưa con trai yêu quý của bố một trận đòn. Giữa lúc cả nhà đang vui vẻ, bố tôi bảo tôi nằm xuống nền nhà đá hoa, tụt quần ra. Rồi ông lấy trong hộc bàn làm việc một cái roi mây. Chắc là ông tậu nó từ lâu lắm mà chưa có dịp dùng đến. Ông dằn roi vào đít tôi. Cứ mỗi roi là một câu: "Mới nứt mắt mà đã yêu với đương! Đây, yêu với đương! Từ nay tao cấm cửa con đĩ! Mà mà lơ rờ đến nhà nó là tao giết". Bài học đạo đức của bố tôi tuy ngắn nhưng có đủ lý thuyết lẫn thực hành nên tôi thấm lắm.

Tôi không được đến nhà Hương thì tôi đến đâu? Sống với tôi không còn ý nghĩa gì nữa. Cái câu "cấm cửa con đĩ" không biết sao mà đến tai Hương. Hương viết cho tôi một lá thư có mấy chữ: "Từ nay đừng ấy đừng có bao giờ gặp mặt tôi nữa". Tôi uống ba mươi lăm viên thuốc ngủ nhưng người ta cứu được. Khỏe ra, tôi bỏ học, bỏ nhà, trốn đi. Tôi lên trung du đóng gạch mộc cho người ta, cơm ba bữa, tiền công ba ngàn một ngày. Được hai tháng, tương là êm. Tôi không quên trận đòn, cũng không muốn về nhà nữa. Vậy mà bố tôi cũng tìm ra tôi. Máy chú công an hình sự đưa xít-đơ-ca đến bắt tôi về. Một chú bảo: "Cậu làm khổ chúng tôi quá lắm. Hai tháng nay lo đi tìm cậu mà mấy đám cướp phát sinh!".

Tôi bỏ gần hết một học kỳ mà vẫn được thi tốt nghiệp. Thầy hiệu trưởng nói với cô giáo chủ nhiệm: "Mừng quá, phải khao đi. Thăng Kiềm nó chịu thi là phúc cho trường mình". Tôi không hiểu vì sao mình đỗ rất cao. Rồi tôi vào một trường trung cấp, tất nhiên là ở địa phương. Được một học kỳ bố tôi gọi về bắt đi làm. Làm được sáu tháng thì tôi được cơ quan cho đi thi đại học hàm thụ. Tôi quên hết những điều vốn chưa hề nhớ, nhưng vẫn đỗ. Rồi tôi tốt nghiệp đại học. Cái số tôi nó thế. Nếu bố tôi không mát thì tôi đã bảo vệ xong luận án tiến sĩ ở một nước nào đó. Nhưng cũng tại

số. Mà tôi cũng chẳng tiếc.

Tôi nhớ lại những chuyện đó trong khi có dịp bút lên để kịp Hương. Tôi gọi. Hương quay lại:

- Anh đi thanh minh à? - Hương nói, tinh bơ.

- Vâng. Còn em?

- Em cũng đi thanh minh. Bỏ em cái táng, đưa sang đây hơn ba năm rồi.

Thế là ai rồi cũng phải chết. Tôi im lặng, đạp xe bên cạnh Hương. Con đường nhựa làm sống lại một cảnh trong truyện Kiều. Ngựa xe như nước, áo quần như nêm. Xe Nhật và áo quần Thái Lan. Những người không có quần áo và xe đẹp thì ở nhà. Chắc người chết cũng thông cảm cho họ. Con anh phá sản tại anh ngu. CAPSTAN, loại thuốc người giàu đang mê hút, không để lại gì cho con cháu, chúng nó bỏ mặc ngày thanh minh cũng đáng đời.

Mấy quả đồi trở nên sặc sỡ nhờ quần áo của những người tảo mộ. Khói hương bay bay như sương lam chiều. Nét mặt ai cũng thành kính và thâm buồn. Ngôi mộ muôn đời vẫn là ngôi mộ, cột mốc buồn sang thế giới bên kia. Mong rằng dưới đó những cuộc đời sẽ tan biến vào nhau để nhào nặn lại thành những cá tính khác hài hòa trong cõi vĩnh hằng. Hận thù, nợ nần được xóa, chỉ còn lại tình yêu. Nhà độc tài bị coi thường, kẻ tham lam ngoan cố thành những con lừa thồ vàng bạc mà không biết dùng để làm gì. Biết đâu bố tôi lại đang lái xe cho bác Thiết và mong là không bị cho thối việc ngang xương. Ôi, miền đất hứa an bằng chỉ dành cho những kẻ đi tản dăm trả giá bằng cái chết và không có đồ la gửi về nhà. Oái oăm thay!

Tôi bước cạnh Hương, len lỏi giữa các mộ phần. Tôi hỏi:

- Hình như bác gái đang có chuyện gì lôi thôi? Có cần anh giúp đỡ gì không?

Tôi nhớ lại cuốn Đỏ và Đen từng biến mình thành miếng giẻ rách. Tôi muốn gỡ lại chút danh dự bị những quy định ngặt nghèo tước mất một cách cay đắng thời trẻ con.

“Anh không giúp được đâu. Ba năm nay mẹ em chạy cho bố lên khu C tức là khu cán bộ mà không được. Người ta cứ bắt nằm ở khu D là khu nhân dân. Bố em lái xe cho bố anh mấy năm trời như thế thì phải là cán bộ chứ không thể là nhân dân được” - Hương cười buồn, tiện tay nhổ một búi cỏ cạnh cái bia.

Ngực tôi đau nhói. Những đám mây tháng hai che kín bầu trời bắt đầu ửng dần. Sau ngày thanh minh trời sẽ trong sáng trở lại, không như miếng giẻ ướt ngày đêm nữa. Ngôi mộ bác Thiết xây sơ sài giữa đám mộ nhân dân. Người đến viếng thưa thớt hơn những khu khác. Xung quanh bác là ai đây? Một ông đạp xích lô, một bà bún chả, một cô điếm hay thằng nhóc nào đó đi cướp của giết người bị tử hình? Các ông các bà sẽ chở xe, bán bún, làm chuyện dâm ô và ăn cướp của ai nếu những người có máu mặt đi nằm chỗ khác? Ai sẽ lãnh đạo các ông bà đây?

Hương đốt hương cắm lên mộ bác Thiết, chia đều cho mấy nắm xung quanh rồi kéo tôi bước ra. Cô chỉ một ngôi nằm lẻ loi phía ngoài:

- Đây là mộ thằng Tâm tướng cướp, bị bắn cách đây năm năm. Nó có ngờ đâu ông giữ nghĩa trang nhờ nó mà giàu. Ai đưa hài cốt đến cái táng ông ta đều bắt đặt bên cạnh mộ nó. Lại phải lót tay ít tiền mới được chôn chỗ khác. Mẹ em cũng mất cho ông ấy mấy ngàn.

- Ta thấp cho nó mấy que hương đi. - Tôi nói.

- Tỳ anh.

Tôi cảm hương lên nắm đất nhỏ, bây giờ đã thành cái máy làm ra tiền nuôi béo người coi nghĩa trang. Hương nói ông ta đã gửi tiền về quê xây nhà và cưới vợ cho con. Cái chết là mầm của sự sống đâu phải là câu nói liêu của các triết gia.

Hương đi trước tôi. Chúng tôi đi qua khu C, khu B rồi đến khu A của cái nghĩa trang bạt ngàn, nơi yên nghỉ hậu trường của cả một sân khấu trước đây âm ỉ, náo loạn là thế. Đôi vai Hương vẽ một đường cong nhỏ nhoi, thân thuộc. Tôi những muốn ôm ghì lấy đôi vai ấy. Niềm mơ ước day dứt suốt một đời. Bỗng bùng lên trong tôi một ý muốn mạnh mẽ. Tôi sẽ đưa Hương đi. Lên trung du đóng gạch mộc hay vào Đồng Nai vỡ một miếng đất đỏ trông đào lộn hột hay cà phê. Chúng tôi sẽ sống một cách khác và chết một cách khác. Em! Dù được sống một cuộc đời khác đi, chỉ một ngày thôi rồi chết cũng được. Và chúng tôi sẽ được chôn một cách khác.

Mộ bố tôi vẫn nằm yên chỗ cũ chưa ai đụng đến. Chúng tôi thắp hương. Tôi nhỏ mấy dây cỏ gọi là. Hương rắc nốt chỗ hoa còn lại lên mặt bê tông lạnh lẽo.

- Cho đến lúc chết bác vẫn cầm cửa em. - Hương nói.

- Bố anh còn cầm người ta đủ thứ. Nhưng bây giờ thì không cầm được ai nữa rồi.

Ngồi cạnh mộ bố tôi, lòng chúng tôi yên tĩnh trở lại. Tôi biết Hương đã tha thứ. Tôi cũng đã tha thứ. Thế hệ nào cũng phải biết tha thứ cho cha ông mình. Biết ơn và biết tha thứ là những đứa con có hiếu. Tôi định nói với Hương về dự định vừa bất chợt nghĩ ra. Nhưng tôi lại thấy ông Hoàng. Ông đang đi với người giữ nghĩa trang phía xa. Cái bụng ông thật đồ sộ. Tôi nghĩ đại, ngày nào đó không biết con người kia làm sao lại chịu khiêm tốn ép cái thân xác vĩ đại nhường ấy vào trong cái hộp bê tông bé nhỏ này. Nhưng dù muốn hay không thì cũng phải thế. Không ai từ chối được một thời trang cuối cùng của cuộc đời. Ông Hoàng đang chỉ chỉ trỏ trỏ. Người giữ nghĩa trang thì luôn gật đầu. Rồi ông lên xe, chiếc xe đen hồi nãy. Người giữ nghĩa trang đi lại phía chúng tôi. Tôi mời ông một điếu ba số. Ông hút một hơi dài, khỏe khoắn rít như người ta hút thuốc lào. Ông vui vẻ nói chuyện tào lao, rồi khoe:

- Tôi cai quản bốn mươi lăm ngàn nhân khẩu, quanh năm sống với ma.

Tôi hỏi ông:

- Cái ông hồi nãy đi thăm mộ ai hả bác?

- Thăm mộ ông ấy chứ còn của ai! - Ông đáp - Ba năm trước ông ấy duyệt mãi mới chọn được một chỗ đẹp lắm. Năm nào cũng sang kiểm tra xem chúng tôi có chôn ai vào cạnh ông ta không.

Tôi nói:

- Chắc bác cũng moi được của ông ấy chút ít.

Ông cười:

- Ừ thì, làm nghề gì ăn nghề ấy...

Dọc đường về tôi cố đi chậm lại để được một mình ngắm đôi vai thân yêu của tôi. Hương thủng thảng kể về cuộc sống. Cửa hàng uốn tóc của nàng đông khách, sống được. Tôi thì cứ chực nói ra ý

định bỏ vợ, đi Đồng Nai trồng cà phê cùng với nàng. Nhưng tôi chưa biết nói vào lúc nào. Ngực tôi căng mọng những toan tính tương lai. Bồng Hương dừng xe lại:

- Anh Kiêm, giúp em việc này được không?

- Hương nói đi.

- Anh lo cho em một chỗ làm cơ quan. Chẳng lẽ em cứ nhân dân mãi thế này sao? Chi phí bao nhiêu em chịu.

Hương nhìn tôi, nháy mắt, vê vê hai ngón tay rồi cười nịnh. Tôi thấy ngực mình nổ toác ra, thành trống không. Lâu đài của mộng tưởng quá khứ và cả tương lai nữa đổ sụp. Tôi chào Hương, rẽ đại vào con đường rải đá giữa một cánh đồng lạ. Tôi ngồi xuống một hòn đá cạnh đường. Tôi khóc. Cánh đồng lúa con gái rập rờn trong gió. Có lẽ chỉ có những cây lúa là chịu yên phận làm nhân dân. Nhân dân vĩ đại và trường cửu.

Tôi về Hà Nội trên chuyến tàu tối hôm đó. Gặp chiến hữu ở sân ga. Nó hốt hoảng báo tôi một tin động trời. Cái thằng giám đốc lớp 5 mà năm tháng kỹ sư chúng tôi định làm thịt để lấy hai mươi triệu đã cho chúng tôi leo cây. Nó xoay ngược toàn bộ thế cờ và bây giờ chính chúng tôi chứ không phải nó đành móc túi ra mỗi thằng ba triệu để nộp cho nó. "Thằng cáo già - chiến hữu tôi nói. - Nộp đi cho xong. Quân tử bao giờ mà chẳng thua bọn lưu manh".

Tôi chỉ còn biết van lạy mẹ tôi để trả tiền cho canh bạc cháy túi. Bà đưa tôi chẵn ba triệu, nói: "Đây là tiền phong bao đi họp của bố mày trong mấy năm. Bố mày không tiêu, bảo tao cất để sau này cho mày làm vốn".

THANH MINH⁽¹⁾

"Thanh Minh is purity."

(From a Vietnamese dictionary published during
the reign of King Hùng Vương the 16th.)

After my father passed away, I was more than a little reluctant to return home to N. My old friends there weren't many to begin with, and by now they had dispersed, each in a different direction. As for my father's friends, there's no point in even mentioning them, while my father was still alive, they practically tripped over each other to be first in line to visit with their incessant questioning day and night; now, one might imagine that they have to be the last man followed my father over to that world on the other side. My mother managed to live with the loneliness in N. for a time. After meals she would sit, chewing on a toothpick and waiting for a familiar face to appear with some friendly conversation to pass the time, but no one came. I finally went to pick her up and bring her back to Hanoi. In a train car overloaded with our family furniture, my mother said despondently, "Your father truly was born under an evil star!" Her sweet, round Buddha-face was despondent. She knew that I was in a bad mood because I had been pleading and cajoling and still had not been able to arrange for a truck. They all were polite but all refused, even the gentleman who had once helped my father transport a hundred-pound porcelain elephant back from Bangkok and had been rewarded for this splendid demonstration of his 'God-given talent for transport' with a promotion to the directorship of a company and direct control over hundreds upon hundreds of trucks. Every year, after joining my mother for the family's observance of my father's death, I would always make my getaway and stay away for as long as possible...I didn't understand at first why this year my mother prompted me, "This

Thanh Minh festival you must visit N. for a few days. To see how your father's grave is doing." Being reluctant to do this, I immediately cast about for excuses. "Father's grave? They poured concrete and reinforced it with steel, what are you worried about?" Perhaps I should explain: the tasks of burial and reburial⁽²⁾, of building a proper grave, even the granite memorial-stone, were all undertaken with all due solicitousness by 'them'-in other words, the government.

Everything was carried out in a manner befitting a man of my father's status. Before his retirement, my father had once taken the lead in arranging a funeral for an underling and had carried it off with exquisite care, leaving not a dry eye in the house. The deceased's family didn't have to put out a penny, and even came out of it several million dong⁽³⁾ richer from the funeral offerings. They built a new house, a big one. So it was that my father's funeral had a prototype to follow. After settling all the expenses, I and my mother were able to upgrade ourselves to a color TV with 7 channels.

But my mother wasn't comforted, despite my reassurances. She fidgeted nervously, as though harboring some secret whose time had not yet come to tell. Finally, she asked me, "Kiểm, do you remember Mr. Hoàng?"

I nodded. "Sure I do, mother. That old fellow that father used to call 'boxer' Hoàng because he was always sparring with somebody, right?"

"Right," My mother replied. "Two months after your father's reburial, Hoàng started shooting off complaints in every direction. He claims that during the period of resistance to the French, he was imprisoned together with your father, and your father sort of gave in and talked about something or another."

"Well, father's dead, why should you care about that now?" I said.

My mother wet her lips. "Unfortunately, he's demanding that the provincial committee move your father down to Area B. He says your father is not eligible to be buried in Area A⁽⁴⁾, where he is now. Uncle Bònh just let me know about this the other day."

I pressed my hands to my head and ran out onto the balcony. My temples were throbbing, and a hammer was pounding away just behind my forehead. The January sky was high and bleak, although the breeze had warmed up somewhat. God above, how much longer until these problems released their stranglehold on my life? Throughout my student years in my parents' home in N., not a night had passed that my ears weren't filled to the brim with stories of power struggles and rivalries. These did not concern me, but once they had found their way into my inexperienced, young ears I couldn't help but to think about them. The presence of 'boxer' Hoàng, invisible but constant, had dogged my father even during his free time and then poisoned my life as well. I had married, moved to Hanoi, and my father had died; just when I thought I had escaped, something like this happens. A dog's life, this!

When I went back into the house, my mother was waiting for me. "It's just our bad luck that Mr. Hoàng has a good deal of power these days. It'll be child's play for him to pry your father out of Area A and kick him down to Area B. I'm really worried." I replied without thinking. "Fine, I'll go home this Thanh Minh festival." As soon as the words escaped my lips, I knew that if I went to the Thanh Minh festival, it would be only to make my mother happy and to light a few joss sticks for my father. Even if that old wretch did want to demote my father to Area B, what could I do about it? At any rate, at least I would have the chance to visit a few old acquaintances and get away from my busybody wife for a few days.

No doubt about it, I was sick and tired of my wife, sick and tired of my job, and very

extremely sick and tired of worrying about graves and plots and A or B or what have you.

The dead outnumber the living in my home city of N., where they lie on a row of hills just over the river. During the Thanh Minh festival, the ferry is crowded to overflowing. On the ferry deck, bicycles and Japanese motorcycles are jammed together in a mass of interlocking tires. Crippled beggars lie wedged between the feet of the passengers, who themselves are wedged like sardines in a can, and appeal to their sense of compassion, reminding them to not be so solicitous of their family's graves that they forget the living.

Something that felt like a cat's claw was scratching at my leg. A fat man with a back as wide as a door was crushing against my chest, making it impossible for me to wriggle away. I had to use both of my arms and all of my strength to push him away before I was able to bend down. I saw a child with amputated legs sitting on the bare deck of the ferry, looking like a ragged gunny-sack. The child looked at me with wide, soul-less eyes.

"I beg you Uncle, give your little nephew here a few, and god will bless you for it."

The currency has been losing its value recently, so people usually leave off the zeroes for easier figuring. I tried to guess how much the child was asking for - a few hundred, a few thousand, or merely a few tens? I reached into my pocket, pulled out two hundred in change, and handed it to the child. Suddenly the fat man, who had at some point turned back again, grabbed my hand.

"Just a moment there, comrade! This is a massive social problem; we have to look at things on a macro scale in order to find a solution. Don't give handouts like that, my friend, that's the way the capitalists do it. These bums will get used to it, and then they won't ever get a job. Giving like that just spoils them!"

I felt a chill run down my spine. I recognized Mr. Hoàng. But he did not recognize me, the son of his former political enemy. The realization froze me where I stood, like a statue with no heart left for listening to his lesson on macro-scale charity. Worried that he might suddenly remember and recognize me, I began to edge my bicycle away in order to put some distance between us. I really didn't want to get involved with this person. I had already decided that I was here only to light a few joss sticks on my father's grave and then return to Hanoi as fast as possible to take care of that little business matter I was involved in. Several of us were plotting a scheme involving X., the director of a service company. The rube had only a 5th grade education and a weakness for girls into the bargain. We were planning to relieve him of twenty million 'within the confines of the law'; then whatever he did after that, whether arrange an escape or go to prison, was up to him. I was drunk on the prospect of using that fragile little economic engineer's diploma of mine for the first time-five engineers closing in for the kill on a 5th-grade dropout was a sure success - and I was determined to forget about old 'boxer' Hoàng. Let him spar with the earthworms over my father's body. As for my father's spirit, who knew where it was now?

It took me a few moments of pushing through the crowd to arrive at the bow of the ferry.

In front of me was a head of hair.

Yes, I know, the reader might well question as to how I was able to recognize one head of hair amidst the veritable forest of hair that riding this crowded Thanh Minh ferry. But dear reader, have you ever loved? If you have, you shouldn't find this strange at all. Because there was one certain Sunday, in one certain corner of a hidden pine forest by the sea, that this very

girl had laid her head on my thigh while I immersed myself in the lunatic work of counting every hair on her head. At first I had thought it would only take an hour to complete the task. But Buddha did not appear⁽⁵⁾, so I spent an entire day at it and was only able to count a pinch of hair which if tied together would be just slightly thicker than a ball-point pen.

Our love ended because my father destroyed it. And when my father set out to destroy something, he always succeeded. In just four years while living in N. province, he managed to destroy for all intents and purposes the province's forests, temples, and historic sites. Naturally it wasn't his own hand that wielded the hammers and hatchets, but he was the commander of the campaigns to 'take the place of heaven and make rain'⁽⁶⁾, then to 'compel the forests to bring forth cassava and rice'⁽⁷⁾, then on to the 'war on superstition' by rounding all the statues of Buddha, the ceremonial cranes, and the stone tortoises and piling them together in one temple in order to free up the other temples for housing. Perhaps his soul was in hell now for these acts. Certainly because of my father's destruction, I lost forever the opportunity to realize my dream of living together with her. Just as I would never know how many strands of hair are on her head.

I remained standing behind her and immersed myself in studying this achingly familiar head of hair while listening to her chatter with a woman who appeared to be her traveling companion. The comforting thought occurred to me that perhaps I was not an altogether unvirtuous person; for if I were, surely I wouldn't be treated to such a bittersweet reunion as this during Thanh Minh.

The woman asked, "So your mother hasn't won her case yet?"

"My mother's been hard at it for three long years now but hasn't been able to change a thing," she replied, her voice sad.

"I figure she should give up on it, just to have it done with."

"That's what I think too. But my mother won't leave off. It's downright humiliating, that's what it is!"

Fortunately, the ferry was docking on the far bank. A shiny black car nosed its way to the front. I saw Mr. Hoàng push hastily through the crowd, knock down a little boy, then slide into the car. A trail of exhaust, as fine as cigarette smoke, appeared and seemed to propel him and the car on their way as gently as though flying. No doubt he was also going to the Thanh Minh festival.

Once the ferry docked, the woman moved on ahead. An older gentleman with an air of secrecy about him was shamefacedly waiting for her. Probably they had made a date for the Thanh Minh festival, to visit the grave of his ex-wife or of her deceased husband. That was what I took the liberty to guess, at any rate. White-haired men seem to be in great demand these days; just as people are realizing that an old bamboo basket, if mended well, is more durable than a plastic bag.

So she was left behind, alone and forlorn, on the ferry. In her bicycle basket there was a bundle of large joss-sticks and a bouquet of flowers. Little pergalaria buds peeked out of their banana-leaf wrapping like tiny crab's eyes. I picked up my pace in order to catch up with her. Whose grave was she going to visit? It had to be her father's. So Uncle Thiét⁽⁸⁾ had died and no one in my family knew about it.

Uncle Thiét had been my father's chauffeur. Before the liberation of 1955, he had been a driver for City Hall. He was exquisitely composed, spoke French, always dressed properly, and

was well-versed in the streets of the city. Everyone who saw him sitting behind the wheel couldn't help but to think that he had been born in a car; he fit so perfectly that he seemed to be a part of the car itself. My father hired him to work as his chauffeur. The Party objected. You couldn't trust anyone who had driven a car for the enemy in the past, and not only that, he knew French too. If he was driving a dump truck full of rocks to shore up the riverbank it would be one thing, but this... They told my father, "This is a matter of protecting the very life of the revolution. We must be vigilant!" My father replied, "Me, I'm going to worry about protecting my own life first." Seeing that it actually wasn't a serious problem, and that my father was not going to change his mind, they ran a thorough investigation and finally agreed to allow my father to use Uncle Thiét. At the time my father was not yet a bigwig so it was easy to overlook. And everybody knew that my father was a highly-strung person - afraid of germs, afraid of thunder, and afraid of accidents. In other words, afraid of dying. That was why if Mr. Hoàng claimed that my father had blabbed something or another while in prison, it probably wasn't entirely unjustified.

Uncle Thiét's oldest child was a daughter named Hương. Hương was three years younger than I. Because my father was so severe and overbearing, she rarely came to our house. I usually sat on the back of Uncle Thiét's bicycle and he carried me to their house to spend free time. Uncle Thiét treated me like his own son. Since I was past the age of playing with toys, I would go to Hương's house to read books. Uncle Thiét had bought an enormous quantity of books. Hương had read them all by the second or third grade. I thought it very odd that my father had never once bought a book, nor did he ever read a book. He said that he had already read all the books he needed to read back at the Party Academy, and those were mimeographed so he didn't even have to put out any money. He also said that there were people who had never read a book in their lives but were able to rule over close to a billion people notwithstanding⁽⁹⁾. Etcetera, etcetera. I didn't often believe what my father said, so I continued to read books regularly at Uncle Thiét's house. At first, I read in order to have something to talk to Hương about. Once Hương told me, "Can you imagine, Jean Val Jean lay on the bishop's bed and couldn't sleep because the mattress was so soft? Beautiful!" I had no idea who Jean Val Jean was. After that, I borrowed all four volumes of 'Les Misérables' from Hương and devoured them in one sitting. That was how I found out that, besides all those terribly important issues that my father had a passion for, there were other pleasures to be had in this life. Like books, for example. It was a revelation for me as a teenager.

At the end of my tenth-grade year, I declared my love to Hương. At the time, she was only 14 years old. That Sunday, we went to the beach and I sat and counted Hương's hair in a frenzy of desire and discovery. If only I could have known how many strands of hair graced her head, that would have been enough. I didn't yet dare to kiss Hương, even a lightest brush against her body was enough to send me into a deep tremble, like a snipe's.

But our love was not to enjoy smooth sailing. We were still just children, and what's more, we lived in two different worlds. Come Sunday, when I wanted to go out, Hương had to stand in line to buy rice. One time, I put out the money to buy a brick⁽¹⁰⁾ which reserved a place for her at the head of the line. Hương refused it, saying, "You buy a living, breathing body for a pittance like that - it's a sin, that's what it is!" She was always like that, stubborn and old beyond her years. I was despondent. I felt that Hương was far above me, as distant as the heavenly vault, unreachable.

Another time, Hương met me on the street, and asked, "Kiêm, can you ask your father to buy me the two-volume set, The Red and the Black?"

I was surprised. "Why do you want me to ask my father for that? When has the old man ever read books?"

"They announced that this book would only be sold to cadres of level 5⁽¹¹⁾ on up," she told

me, "Your father more than qualifies for that."

In my house, my father was the only one sufficiently qualified to buy books. I asked him. My father summarily dismissed the idea. "Showoff! You think you are a level 5 cadre, to be demanding such things? I won't buy it!" I gave up. Being unable to buy the book for Hương made me feel eminently worthless. For two weeks in a row, I didn't dare to see her. I knew that Hương was sad too. Sad because she didn't know when she would be allowed to read this forbidden book - forbidden, at any rate, to common citizens and those political acumen was not yet up to snuff. How long would it take for Hương to become a level 5 cadre? - Probably not until her next life! An invisible barrier separated us and gradually opened up a chasm between us. If only Hương hadn't been so proud, there might have been a chance. But as it was...

Another time, my father received an invitation to a screening of the film 'War and Peace.' The invitation reserved two seats. No doubt one seat was intended for my mother. But my mother wouldn't go. She never appeared in public with my father. She hadn't even once sat in the car that picked my father up every day at work. Then the Committee Chairman gave my father invitation reserved for him and his wife as well. I had noticed that this man took every opportunity to pass along perks to my father, although my father certainly was not lacking in anything. My father told Uncle Thiét, "You can bring your Hương along this evening. Come pick us up and we'll all go together."

We drove to the theater. Hương sat next to me in the back seat, wearing her prettiest outfit and a festive expression as though she were Cinderella sitting in the wedding-coach with her Prince. We had together read this novel long before; now, what could be more delightful than seeing the film? But when we reached the theater, I froze when I read the chalk-lettered sign: This film is restricted to cadres of level 4 on up. Tickets are on sale at government offices. "Well, so much for our plans!" my father said.

"These are invitations, father, why don't we just go ahead and go in." I said.

"Invitations still have to be used according to rules," my father said. "You and I will stay, and Uncle Thiét and his daughter can go home."

Actually, it was against the rules for me to stay. But these were free invitations, so my father in his munificence decided to bestow his favor on me. That night was the first time I saw Hương cry. My eyes blurred as well. I and my father sat and watched the film for a while but, seeing that the screen was filled with nothing but earls and dukes bobbing and dancing and feasting on lavish banquets, my father yawned. After his third yawn he dragged me home. Afterwards, I was always to regret that I had not stayed outside the theater and gone home with Hương. I was just a kid trying to be a lover back then; I hadn't yet learned that love means one has no right to go in and watch a film in so despicable a manner, when one's lover and her father stand disgraced outside the door. I was petty, greedy child; a dog who knows only how to wag its tail, and doesn't know how to growl.

When I saw Hương again after that night she was noticeably thinner. I understood only too well that, outside of our lusty pubescent dreams for each other, we did not share the same miseries or nourish the same dreams. Uncle Thiét was as self-possessed as always, impassively accepting the situation that fate had determined for him. Once, he told me, "Your old man was in and out of prisons for so many years, they could give him even more privileges than he has now and it still would not be all that he deserves." I knew that Uncle Thiét was sincerely fond of my father. Not only that, he even respected him.

Hương and I were still close friends after that, although it would probably be an exaggeration to say that we were in love. More and more, I felt that I must never lose her. I had to see her, to

talk with her every day. At times I wished I could run away from home and move in with Uncle Thiết and his wife. But such thoughts were nothing more than the foolhardy wishes of a dog that is far too attached to its kennel to ever take action.

Then my father was promoted. The first thing they made him do (or perhaps he took the initiative himself, I don't know) was to replace his chauffeur. He called Uncle Thiết in and, without beating around the bush, said, "I must let you go. I'm quite unhappy about it. But what else can I do?" Uncle Thiết understood only too well. He understood that he was not qualified to act as chauffeur for a man of my father's new status. I was there in the sitting-room that day, but I couldn't tell if my father was speaking sincerely or not. Was he unhappy, or was he just unwilling to part with a good thing?

For Uncle Thiết had been helpful in many various ways. Once, a craftsman had submitted to my father his sketch for a work of carved wood portraying Nguyễn Trãi sitting on a covered verandah and writing his famous Bình Ngô Đại Cáo.⁽¹²⁾ "If it please you sir, may I submit..." the craftsman had said. "The roof of the verandah will be carved with designs in the style of the Vôn Lùng stele..." After the craftsman had left, my father turned to Uncle Thiết and asked what the Vôn Lùng stele was anyway? Uncle Thiết expounded for a few minutes on the Vôn Lùng stele. "So that's what he was talking about," my father said. "Fine. I'll approve his plan to carve the verandah roof in the Vôn Lùng style, and disburse half a million in funds." Whenever he had to receive foreign guests or expound Party instructions to scientists or intellectuals, it was none other than Uncle Thiết who would conscientiously help my father choose a tie or dress shoes of the right color to match his clothes. My father would fuss, "What a waste of time! I don't know why I put up with this rabble!" I never did understand what rabble my father was referring to.

And now Uncle Thiết would no longer have the opportunity to serve my father. Also, he had said that no matter how much devoted service he rendered to my father, it was only a fingernail's worth compared to my father's virtuous contributions to the public. So even on that day his expression was as cheerful and impassive as though my father had just presented him with a gift. He said, "I'm getting old anyway. If I'm greedy and try to work too long, my children and grandchildren will laugh at me. I request permission to be relieved of duties entirely." Three days later he picked up his paperwork and went home. His social security plan paid out all his benefits in one small lump sum because he had so little seniority. My father presented him with a beautiful vase that had been fashioned from an artillery shell. Uncle Thiết was most pleased, and immediately made a place for it on the family altar.

The second thing my father did after being promoted was to present his beloved son with a magnificent beating. While the whole family was still celebrating, my father told me to lie down on the decorative tile floor of our house and pull down my pants. Then he took a rattan whip from his desk drawer. No doubt he had invested in it some time before but had never yet had the opportunity to use it. Now, he pasted me in the rear with it. With every stroke came the cry: "Still wet around the ears and already in love! Well, love, schmove! From now on I bar that slut from our door! And you - if you go lollygagging around her house, I'll kill you!" My father's lecture on morality, though short, took the integrative approach of including both theory and practice, so I absorbed it thoroughly.

But if I couldn't go to Hương's house, where would I go? My life had no longer held any meaning for me. Somehow, I don't know how, the phrase 'I bar that slut from our door' reached Hương's ears. She wrote me a note with the curt message: "From now on a certain party needn't ever see me again." I took thirty-five sleeping pills, but they were able to save me. As soon as I recovered, I dropped out of school and ran away from home. I went up to the midlands and worked as hired labor making coarse bricks for three meals and three thousand in wages a day. After two months, I figured I was safe. I hadn't forgotten the beating, and had no desire to return home ever again. Even so, my father was able to track me down. Several fresh-faced security

police from the criminal division drove up with a sidecar to take me home. One of the young men told me, "You've really made life miserable for us. For the past two months we've been chasing around looking for you, and in the meantime the robber gangs have been breeding like flies!"

I had missed almost an entire semester but was still allowed to sit for my graduation exam. I heard the schoolmaster say to the head teacher, "What a relief! We'll have to treat ourselves to dinner for this one. Our school is just lucky that Kiêm agreed to sit for the test." I couldn't understand how I had managed to pass with such high marks. Next I entered a community college - a local one, naturally. After just one semester, my father pulled me out to go to work. Six months later, my office arranged for me to study by correspondence course. By this time, I had most definitely forgotten all that information that I had never really learned in the first place, yet still I passed. Then I graduated from university. Such was my fate, I guess. If my father had not died, no doubt I would have successfully defended my doctoral thesis in some foreign country by now. But that was fate too. And I don't regret it, either.

These were my thoughts as I pedaled faster to catch up with Huong. I called her name. Huong turned.

"You're going to visit the graves?" she said, blithely.

"Yes. And you?"

"I am too. My father was exhumed and brought here over three years ago now."

Well, everyone has to die sometime. I was silent as I pedaled alongside Huong. Along the asphalt road, it looked like an enactment of a scene from *The Tale of Kiiuu*. 'Horses and carriages poured out like water, clothing packed in as though wedged.' Except that now it was Japanese motorcycles and imported Thai clothing. Anybody who did not have fancy clothing and bicycles stayed at home. The dead surely did not reproach them for it. If your children are bankrupt it's your own fool fault because you didn't leave anything behind for them; it's only fair that they should neglect your grave.

The surrounding hills were gaudy with the festive clothing of people cleaning and decorating the graves. Smoke from the joss-sticks, the color of an evening fog, drifted lazily in the air. Every face wore an expression of reverence and mourning. A grave, though an eternity may pass, is still a grave - a somber boundary-post marking a passage into that world on the other side. One can only hope that, down there, our individual lives will dissolve into one another, to be re-formed into new and different entities which will be more suitable to that eternal world. Hatred and debt will be erased, leaving only love. Dictators will be despised. Greedy, obstinate people will be changed into gold and silver pack-asses, useless creatures with which nobody will know what to do. Who knows, maybe over there my father is driving a car for Uncle Thiét and hoping that he won't be forced to retire suddenly in his prime. Ah, this tranquil promised land, where the only people allowed in are those evacuees who have dared to pay for their visa with their death, and then aren't even able to send money home.⁽¹³⁾ Inexplicable!

I walked beside Huong as we threaded our way between the graves. I asked, "It seems that Auntie is having some kind of trouble? Do you need me to help with anything?"

I remembered the book 'The Red and the Black' that had once turned me into a worthless, tattered rag. I wanted to salvage a modicum of self-respect that the severe regulations of my childhood had so bitterly ripped from me.

"There's nothing you can do, Kiêm. For the past three years my mother has been trying to arrange for my father to be moved to Area C - that's the area reserved for cadres - but no luck.

They just keep saying that he has to stay in Area D, the area for the masses. What with my father being a chauffeur for your father all those long years, he's got to be a cadre, right? There's no way he could be construed to be just one of the masses." Hương smiled sadly and listlessly pulled up a clump of grass that was growing by the gravestone.

A stabbing pain cut through my chest. The clumps of February clouds that were sealing off the sky were slowly beginning to redden. The sky would clear up again after the Thanh Minh festival; now, it was as though a soggy rag covered the sky day and night. Uncle Thiết's grave had been summarily built amidst a sea of the masses' graves. Visitors were scarcer here than in the other areas. Who were Uncle Thiết's neighbors here? A cyclo-driver, an old noodle-seller, a prostitute, or maybe some wretch who killed a man in the course of a mugging and got the death penalty for it? Who will they drive around now, who will they sell their noodles to and service the lusts of, who will they mug and rob if those with health and wealth all go to their rest in other areas? Who will lead them?

Hương lit some joss-sticks and stuck them into Uncle Thiết's grave, then divided up the remaining joss-sticks and spread them evenly around the surrounding mounds. When she finished she pulled me away and pointed out another grave, this one lying forlorn and alone some distance from the others.

"That's the grave of old 'Oink' Têm, the robber chief who was shot to death five years ago. He never imagined that the keeper of the graveyard would get rich thanks to him. Anyone who brings bones here for reburial, he tells them they have to bury their loved ones right next to Têm's grave here. So they have to grease his palm with a little money before he allows them to dig their graves someplace else. My mother had to cough up several thousand for him too."

"Let's light a few joss-sticks for him." I said.

"Up to you."

I stuck the joss-sticks into the little mound which was now a money machine able to support the graveyard-keeper in high style. Hương said that he had sent money back to his home village to build a new house and marry off his son. It just goes to show that the saying, 'Death is the seed of life' is more than just a philosopher's chance guess.

Hương led the way. We passed Area C, then Area B, then finally came to Area A of that wide expanse of graveyard that seemed to go on forever; the restful backstage area lying in wait behind the noisy, chaotic stage of life. Hương's shoulders traced a delicate and familiar curve through the air. I wanted to clasp those shoulders to me, and along with them the dreams that had haunted me throughout a lifetime. Suddenly a fierce desire exploded within me. I would take Hương away. We would go up to the midlands to make coarse bricks, or go to Đồng Nai and pioneer a piece of that red-earthed land to plant cashews or coffee. We would live differently and die differently. Darling! If we could live a different life, even for just one day, we would be able to die happy. And we would be buried differently too.

My father's grave was still resting peacefully at its original spot; as of yet, no one had touched it. We lit josssticks. I went through the motions of pulling up a few blades of grass. Hương scattered the last of her flowers over the cold concrete surface of the grave. "Right up until his death, he still barred me from your door." Hương said.

"My father barred people from doing a lot of things. But he can't bar anybody anymore."

As we sat next to my father's grave, our hearts quieted. I knew that Hương had forgiven all. I had forgiven all, too. Every generation must learn to forgive. Gratitude and forgiveness are

indispensable companions to filial piety. I decided to tell Hương about the plan that had suddenly presented itself to me. But just then I saw Mr. Hoàng. He was walking some distance away with the graveyard-keeper. His stomach was truly impressive. I couldn't help but to wonder how, when the time came, that man would suffer the indignity of squeezing a corpse of such glorious proportions into a tiny concrete grave. But, like it or not, it was inevitable. Nobody can scorn the final haute couture that crowns every life. Mr. Hoàng was pointing and gesturing. The graveyard-keeper nodded his head repeatedly. Then Mr. Hoàng got into a car, the same black car as before. The graveyard-keeper walked in our direction. I offered him a 555-brand cigarette. He took a long, healthy drag on it, making a squealing noise like someone smoking a waterpipe. After cheerfully dispensing with a few random remarks, he bragged, "I administer forty-five thousand human units here. All year round I live with ghosts."

I asked him, "That man you were just with? Whose grave was he visiting, Uncle?"

"Visiting his own grave, who else?" he replied. "Three years ago he inspected hundreds of sites before finally deciding on a really beautiful site here. Every year he comes to check on it and see if we've buried anyone next to him."

"No doubt you've managed to coax a little something out of him?" I said.

He laughed. "Well, whatever profession you find yourself in, that's what you gotta live by, right?"

On the road back home, I tried to lag behind a little in order to better feast my eyes on those beloved little shoulders of mine. Hương talked impassively about her life. Her hair styling shop was busy, enough to live on anyway. I teetered on the verge of telling her about my intention to leave my wife and go to Đồng Nai with her to grow coffee. But I hadn't yet found the right time to say it. My chest felt full to bursting with all my plans for the future. Suddenly, Hương stopped her bicycle.

"Kiêm, will you help me with something?"

"Whatever you ask, Hương."

"Can you set me up with a job in a government office? I mean, I just can't go on being just one of the masses forever, can I? However much it costs, I'll cover it."

Hương looked at me, then winked and gave an obsequious smile. I felt my chest burst into a thousand pieces, leaving only a gaping, empty hole. The palace built around my vain imaginings of past and future had collapsed. I said good-bye to Hương, then turned randomly off onto a gravel road that ran through an unfamiliar field. I sat down on a rock by the road. I cried. In the field, the newly-sprouting rice plants undulated in the wind. Perhaps these rice seedlings are the only ones who are satisfied with their fate of being one of the masses, I thought. The glorious and everlasting masses...

I returned to Hanoi on the evening train. One of my fellow conspirators met me at the station. In a panic, he told me the earth-shaking news. That damned director with his fifth-grade education, the one that five of us engineers had planned to butcher in order to get our hands on twenty million, had taken us for a ride. He had turned the tables on us and now it was us, not him, who had to dig into our pockets and come up with three million a head to pay him off. "The old fox," my comrade said, "Just pay him the money to get it over with. That's how it always is - the noblemen always lose to the rogues."

The only thing left for me to do was to beg my mother for the money to settle up this gambling spree that had left me with a hole burned in my pocket. She handed me an even three million, saying, "This is several years' worth of your father's envelope-money⁽¹⁴⁾ that they'd give him at meetings. Your father never spent it, just told me to put it away so later on you can have it for capital when you're starting out."

(Translated by Rosemary Nguyen – Seattle – USA)

CHÂN DUNG

Họa sĩ Phát tỉnh dậy lúc trời vừa sáng. Đầu ông đau nhức. Đêm qua ông vừa mơ thấy mình ngồi trên một cỗ xe ngựa, thứ xe ngựa vẫn thường thập thò ở cửa ô vào chạng vạng tối rồi biến mất lúc phỏ lên đèn để trốn phạt vi cảnh. Cái đuôi ngựa biến thành bút vẽ chạy trốn trước mặt ông, nổi khùng và cười cợt. Còn ông và con ngựa thì cứ đối chỗ cho nhau sau mỗi chặng đường dài. May thay, sau khi rửa mặt xong thì ông thấy nhẹ mình, cơn mộng mị đã hòa tan vào thứ nước nhờ nhờ trong cái chậu nhỏ.

Ông điem qua công việc ngày hôm nay. Tám giờ, đến dự khai mạc phòng tranh của nữ họa sĩ B. Tuy không giữ chức vụ gì trong chính quyền hay Hội Mỹ thuật, nhưng những dịp như thế này ông vẫn được mời để khích lệ những tài năng trẻ. Chín giờ, một cô bạn gái ít tuổi hơn ông rất nhiều, một cô bạn tâm tình - xin nhắc lại, cô bạn tâm tình, nhưng đã gây cho ông nhiều tai tiếng không hay - đã hẹn ông đi vẽ ở một nơi nào đó mà cô ta giữ bí mật đến phút chót. Có thể là một ngôi chùa hay chỉ là cái quán cà phê cách nhà ông khoảng mười bước. Tùy theo cảm hứng thất thường của cô ta. Giá như hôm nào khác thì có thể viện cớ từ chối cuộc hẹn này, nhưng hôm nay, sau khi đã dự khai mạc phòng tranh của nữ họa sĩ B, thì không thể được. Ông tin vào linh cảm trong sáng của mình, nhưng mãi mãi, mỗi lần nhìn thấy mái tóc ngắn óp sát vào đầu rất đúng một của cô ta, ông vẫn thấy tim mình se lại, trái tim độc thân run rẩy suốt một đời người.

Buổi chiều ông đã hẹn vẽ chân dung cho Huấn, một người bạn.

Có thể nói buổi hẹn này là một sự kiện trong đời họa sĩ Phát. Ông ít khi vẽ chân dung cho ai. Thành ra, mỗi lần ông vẽ về ai thì giới họa sĩ đông đảo trong thành phố ngóng chờ một tác phẩm giá trị nữa của người họa sĩ bậc thầy sẽ ra đời. Cũng vì một bức chân dung mà ông đã khổ sở bao nhiêu năm. Đó là chân dung "cô bạn tâm tình" ít tuổi. Ông đã quen cô trước đó khá lâu, đã bao lần im lặng ngắm khuôn mặt trẻ trung nao lòng người ấy, ông đã tưởng mình đếm được hết những sợi tóc đen nhánh, ngắn cũn cỡn óp sát một mái đầu xinh tròn. Rồi ông cầm lấy bút vẽ. Bức chân dung làm mọi người sững sốt và nhanh chóng nổi tiếng. Cô gái thì lặng người đi. Cô kể lại rằng, lúc nhìn thấy nó lần đầu tiên cô muốn quỳ xuống phỏ mặc cuộc đời mình cho người họa sĩ đứng tuổi. Nhưng may mà cô đủ trấn tĩnh lại được. Ai cũng ngạc nhiên vì sao cô lại không yêu ông, người cô hằng hâm mộ. Tuổi tác cách biệt chưa lấy gì làm đáng, vả lại, điều đó cũng chẳng có ý nghĩa gì. Chỉ có cô gái thì mới hiểu vì sao cô không yêu ông. Làm sao người ta có thể yêu một người quá hiểu mình, hiểu đến mức có thể vẽ lên những run rẩy mong manh nhất của tâm hồn cô lên tấm vải.

Cô đi lấy chồng đột ngột. Người họa sĩ thì biết trước điều bất hạnh của mình, bởi vì, cô gái bằng xương bằng thịt của ông đã chết, chỉ còn bức chân dung là đang sống, bây giờ ông chỉ còn run rẩy trước bức vẽ ấy nữa mà thôi: "Tôi vẽ chân dung lên miếng da lừa của đời tôi". Đúng vậy, mỗi lần vẽ chân dung cho ai là ông đang lấy cuộc sống của mình thổi vào màu và vải.

Vậy mà chiều nay, ông sẽ vẽ chân dung cho Huấn.

- Thưa bác, nước đã sôi rồi ạ.

Đưa cháu gái đặt lên bàn trước mặt ông phích nước có cái nút nhựa màu đỏ chói, cái nút phích làm vui lên cả căn phòng.

- Cháu để bác pha trà cho. - Ông nhìn cháu âu yếm. - Cháu đi học cho kịp giờ. Nhớ ăn sáng đầy nhé.

- Dạ.

- Nhớ ăn sáng đầy nhá. - Ông dặn vói ra cửa khi chỉ còn vọng lại tiếng dép của đứa cháu bước xuống cầu thang.

Cái nút phích và tiếng nước reo trong lò bếp làm vui xưởng vẽ, còn đứa cháu gái, cái con Đức đáng thương là niềm vui không bao giờ cạn của chính đời ông.

Bố Đức là kỹ sư, em trai ông. Nó đi một mạch từ xưởng lắp vô tuyến vào chiến trường B2 và không bao giờ trở về nữa. Mẹ Đức đi lấy chồng hai năm sau ngày miền Nam giải phóng. Ông khóc em trai vói đôi mắt ráo đờ đẫn. Rồi nung nấu hy vọng làm nó sống lại trong một bức chân dung. Ông đã thử nhưng nhiều lần thất bại. Rõ là ông không thể vẽ chân dung qua trí nhớ như một số họa sĩ khác. Đối với ông, vẽ là dùng ánh sáng của trái tim mình soi sáng người được vẽ. Ngược lại, ánh sáng của tâm hồn người mẫu đã giao thoa cùng cái nhìn của họa sĩ mà làm nên bức tranh. Sự thật hiện ra, màu và vải bồng có linh hồn, những đường nét ước lệ bề ngoài giả dối, cái hình thể vẫn dùng để ăn, để uống, để nói những lời ngon ngọt hay cay độc rơi xuống. Sự thật của đám mây chính là cơn mưa.

Họa sĩ Phát bước lại cửa sổ. Đức đang đi một cách nhẩn nhục trên hè phố bên kia vì quá sợ những chiếc xe máy mới tinh đang vút trên đường. Ông nghĩ rằng chân dung đứa cháu mồ côi sẽ là bức vẽ cuối cùng của đời ông. Dù là một người khiêm tốn, ông vẫn tin rằng tài năng của ông cộng với nỗi đau của đứa cháu sẽ làm bức chân dung cuối cùng ấy bất tử.

Ông không thể chớp mắt một chút vào giữa trưa, dù buổi khai mạc phòng tranh và cô bạn tâm tình đầy quyền lực đã làm ông quá mệt. Ông căng lại toan, rửa bút, đặt lên bàn những lưỡi dao có cán bằng chất dẻo màu ngà. Ông đóng rồi mở mấy cái cửa sổ, kéo lê cái ghế mây trên sàn từ chỗ này đến chỗ kia mà vẫn chưa tìm ra được chỗ nào ưng ý để Huấn sẽ ngồi vào đó. Ông không hề đặt cho mình một nguyên tắc nào về ánh sáng khi vẽ. Ông cứ kéo cái ghế, đến một chỗ nào đó ông liền ấn nó xuống như ấn một đứa trẻ vào chỗ trong lớp học. Lúc đó, căn phòng nhỏ bề bộn - cái xưởng vẽ - đã hoàn toàn đổi khác, chan hòa một thứ ánh sáng khác, một bầu không khí khác. Cành phượng già nua vẫn thường rủ xuống cửa sổ như được ban linh hồn, sột soạt. Ông ngồi trước giá vẽ chờ Huấn tới, trầm ngâm trong cảm giác êm dịu của sáng tạo.

Ông nghe tiếng xe từ đầu phố. Một chốc sau, Huấn vào. Anh chưa một lần nào ngồi xe đến tận nhà bạn mà thường là đi bộ một quãng. Họa sĩ Phát không hiểu vì sao anh lại làm thế và ông thấy mình quá thật vọng về trong đối xử với người đời.

- Anh! - Huấn mở cửa tự nhiên, chào khê.

- Mời ngồi. - Ông Phát chỉ vào cái ghế mây.

Nghe tiếng một con ong lạc vào phòng đang vỗ cánh.

Huấn ngồi vào ghế. Anh chỉ thua họa sĩ Phát một hai tuổi nhưng trẻ hơn nhiều. Khuôn mặt anh dài dài, mái tóc rủ về một phía, vừa đủ phủ lên đuôi con mắt một bóng râm nhẹ, mơ hồ. Trên miệng Huấn bao giờ cũng có một nụ cười hòa nhã với hai hàm răng nhỏ và trắng. Huấn hơi bối rối vì cái ghế mây đang muốn giẫy giụa dưới thân hình bắt đầu mập ra của anh. Đây là lần đầu tiên anh ngồi cho họa sĩ vẽ chân dung mình, anh không biết để đôi bàn tay với những ngón tay dài và trắng như tay con gái vào đâu. Trông anh lúng túng như một con mèo muốn thu mình lại nhỏ nhất trước khi vồ một con chuột lớn.

Anh muốn bắt chuyện, muốn nói vài câu xã giao mà anh quen miệng khi tiếp xúc với giới của anh. Nhưng ông Phát chỉ nhìn anh và tần mẩn gọt bút chì. Có thể ông không cần dùng đến bút chì, nhưng ông vẫn gọt cái lõi chì thật nhọn. Ông chăm chú gọt, chăm chú nhìn bạn mình và nhớ lại tình

bạn giữa hai người. Vài chục năm đã qua. Hồi đó cả hai cùng ngồi một bàn, dưới một mái trường, cùng được thầy Hoàng yêu mến. Rồi thầy Hoàng biến mất trước ngày cách mạng tháng Tám nổ ra. Bạn bè cũng mỗi người một nơi trong con bão của chiến tranh và cách mạng. Tình cờ con lóc lại xô cả ba người trở lại thành phố quê hương lúc mỗi người đã có riêng phận mình. Thầy Hoàng trở thành cán bộ cách mạng chuyên nghiệp, phụ trách một cơ quan lớn trong thành phố. Huấn đi theo con đường của thầy. Do khả năng tháo vát, mềm mỏng, được thầy dìu dắt và tin cậy, anh thăng tiến khá nhanh và trước đây vài tháng vẫn làm ông phó cho người thầy cũ. Gần đây, Huấn lại đạt được đỉnh cao trong chức vụ mới. Thầy Hoàng mất đột ngột. Huấn lên thay. Mọi người ngỡ ngàng, cả cơ quan như mồ côi trước cái chết của thầy, nhưng không ai ngạc nhiên gì về việc Huấn được ngồi vào chiếc ghế bỏ trống ấy.

Riêng họa sĩ Phát, khi nghe tin người thầy cũ mất thì hết đổi bàng hoàng và ân hận vì đã không vẽ được một bức chân dung cho con người mà ông hết lòng quý mến. Ông cũng trách mình là đã ít đến thăm thầy, nào ông có ngờ được bước chân thân chết thường nhanh hơn mọi dự định của người đời. Mọi sự không hay không phải, chỉ vì quá miệt mài với nghệ thuật! Vì vậy, khi Huấn mời ông đến thăm ngôi nhà mới được phân phối sau ngày anh lên chức và ngó ý có một bức chân dung để treo trong phòng ngủ, ông nhận lời ngay. Ông cảm thấy việc làm này có thể chuộc được phần nào sự vô tâm trước đây với những người thân cũ. Ông cũng biết rằng, một bức chân dung có chữ ký của ông là kỷ niệm có thể làm ấm lòng bạn bè, nếu một người bạn tốt, một người tốt như Huấn thì ông đâu tiếc gì thì giờ và chút tài mọn! Ông vui mừng khi nghe tin Huấn lên thay vị trí của thầy Hoàng, vui mừng thật lòng, tuy ông không quan tâm lắm đến cái thang biểu giá trị ấy. Ông đã có chút thành công trong nghệ thuật và cũng mong bạn bè trong các lĩnh vực khác đạt được điều họ xứng đáng được hưởng. Mong đừng ai bị oan trái, bị bỏ quên trong cuộc đời bận rộn, chật chội này.

Vậy mà sau ngày thầy Hoàng mất, không phải ai cũng nghĩ như ông. Lần đầu tiên lọt vào tai ông những lời bóng gió, phải rồi, đó là một buổi chiều buồn bên "cô bạn gái tâm tình" trong quán cà phê. Ở bàn bên cạnh, hai người nào đó đang trầm ngâm, to nhỏ về cái chết của thầy Hoàng và việc lên chức của Huấn. Cô bạn gái bám ông, nhắc ông lắng nghe, nhưng ông uống một hớp hết ly cà phê và đứng dậy. Cái thói quen ghen tỵ thường mọc nhanh như cỏ trên mặt đất, hơi đâu.

Giờ đây kỷ niệm thuở học trò đang sống lại và ông vẫn gọt cái bút chì không bao giờ dùng đến của ông. Ông im lặng, gọt bút chì, ngắm bạn và nói thầm với bạn những câu tốt đẹp không thành lời.

Và ông bắt đầu vẽ.

Ông quệt phông, đi những nét đầu tiên. Từ đó là một sự câm lặng hoàn toàn. Chỉ có tiếng thờ háp hồi như họa sĩ đang đánh vật với một con rắn vô hình nào đó, đóm lửa của điều thuốc lá thỉnh thoảng lại rít lên khe khẽ. Lưỡi dao và bút vẽ lướt trên vải như một hơi thở nhẹ, ông vẫn nói đùa rằng người họa sĩ vẽ chân dung chỉ khác thợ cắt tóc ở chỗ không nói chuyện trong khi làm việc. Im lặng, đó là ánh sáng, là suy tư, là cuộc đời người mẫu in dấu với muôn vàn rối rắm phức tạp. Cả lớp ánh sáng trong căn phòng này cũng đã đổi khác rồi, đã được pha trộn cùng với phản quang của tấm vải với những nét màu còn ướt với những đường nét gấp khúc. Khuôn mặt Huấn cũng đang biến đi, đường nét làm nên khuôn mặt ấy vỡ vụn, biến sang một hình thể khác, lên dần trên tấm vải. Nó đang hiện dần lên dưới mắt ông, nó bắt đầu động cựa và phát ra thứ ánh sáng của riêng nó, cái quán cà phê một buổi chiều sa mù che phủ, cô bạn gái bám vào tay ông, mặt cô hơi biến sắc, tiếng to nhỏ của hai người ngồi bàn bên cạnh, mắt họ mờ ảo lẫn lộn trong khói thuốc lá, ở trong quây bà chủ quán than phiền về con mèo, tiếng ruồi vẫy vo quanh lọ đường... lúc đó ông đã đứng dậy và bước ra cửa, hai người đàn ông nhìn theo, chắc là họ đâu có biết ông quen Huấn.

Ông lùi lại mấy bước, nhìn chéch ngang khuôn mặt đã hình thành trên giá vẽ.

Ông bàng hoàng. Cái gì đang ở trước mặt ông đây? Đúng là Huấn. Huấn đang nhìn ông chứ không phải ai khác. Nhưng sao lại có những nét này? Cái vật đen này ở đâu ra? Và con mắt phải của Huấn như bị vỡ ra từ bên trong, từ đó chảy xuống một vệt màu xám làm gò má bị bóng rợp lên,

chính cái vệt màu xám này đã làm thịt da trên má bị thối rữa. Ông vạt vĩa pha một vệt dầu màu lam, ông hy vọng, ông đưa một đường dao đề lên, giá như vệt xám ấy là nước mắt? Nhưng không có nước mắt trên khuôn mặt ấy, thứ nước chất lọc từ lòng trắc ẩn và nhân hậu. Tia nhìn độc địa từ con mắt bên phải của Huấn càng làm nửa mặt bên trái tối lại, có một chuyện cổ tích mẹ kể ngày xưa, xa lắm rồi, về con quý nhốt trong nhà, ông đã lỡ tay mở nhầm nút hũ và con quý bước ra, đang nhảy múa trên bức chân dung vừa hình thành. Ông lấy bàn tay phải bóp mạnh vào cổ tay trái như để trừng phạt nó (ông vẫn dùng tay trái để vẽ). Nhưng vô hiệu, chẳng cứu vãn được cái gì. Ông lấy hai bàn tay ôm mặt, quãng con dao có cái cán bằng nhựa màu ngà xuống sàn, mệt mỏi ngồi xuống cái ghế thấp vẫn dùng ngồi uống trà.

Ông đẩy nhanh cái bàn nhỏ đựng đồ trà và kéo theo chiếc ghế đến sát chỗ Huấn ngồi.

- Uống nước đi, nghỉ một chút.

Huấn có vẻ sốt ruột, nhưng anh tế nhị không nhìn vào bức vẽ dở dang, vả lại bây giờ nó đang bị thân hình to lớn, cái lưng hơi gù của họa sĩ che khuất. Anh cầm lấy cái chén trà nguội tanh.

- Mãi đến giờ mình vẫn chưa quen được chuyện thầy Hoàng mất. - Ông Phát chợt nói.

- Biết làm thế nào được? - Huấn khẽ nhún vai.

- Thật không ngờ.

- Tất cả mọi người chỗ chúng tôi đều không ngờ.

Hai người cùng uống trà, nghe được tiếng trà chảy nhẹ nhàng trong cốc. Và nụ cười không thành tiếng của Huấn nở ra, kéo dài mãi ra rồi mờ đi trước mắt họa sĩ, nụ cười mới dễ mến và gây cảm giác tin cậy làm sao. Ông Phát đứng dậy, lùi một bước về phía sau, nhặt con dao lên. Ông cạo lớp sơn chưa khô bên phải khuôn mặt với cứ chỉ dứt khoát của bàn tay nổi những đường gân và mạch máu hẫy còn nhịp của tim và hơi thở. Vệt màu xám biến mất ở chỗ con mắt bị vỡ bây giờ là một khoảng trống. Trộn một gam màu mát hơn, ông đi những đường dao mềm mại, không rời mắt khỏi khuôn mặt và nụ cười của Huấn, ông tái hiện lại những đường nét với sự hồi hộp lan dần. Ông miệt mài đến nỗi chiều xuống lúc nào không hay. Khi vạt nắng tắt trên cửa sổ, ông vội lùi lại mấy bước, nhìn chéch ngang khuôn mặt đã thành hình trên giá vẽ.

Cả người ông run lên. Có phải chính mắt ông vừa nhìn, tay ông vừa vẽ đấy không, hay là một ai khác? Vẫn đôi mắt như cũ, cái nhìn sắc lạnh của mắt trái, mắt phải vẫn vỡ ra, và vệt xám ông cố tình xóa đi, che lấp đi trên gò má thối rữa của người chết đuối bây giờ lại hiện ra tuy có mờ ảo hơn, nhờ vậy đó đạt đến mức tinh tế mà bất kỳ họa sĩ bậc thầy nào cũng mong muốn. Con quý nhảy múa trên bức chân dung bây giờ lại có vẻ ngạo mạn hơn vì ông đã chạy chữa, đã làm hết sức mà không xua nổi nó.

Trong giây lát ông hiểu rằng bức chân dung đã quá thành công, ông không phạm sai lầm gì về nghệ thuật bố cục và ánh sáng. Ông đã vẽ đúng cái cần vẽ: sự thật về một con người.

Bây giờ thì chẳng biết trách cứ ai ngoài tài năng thiên bẩm rất hiếm khi hiện ra với ông toàn mỹ như lần này. Cường lại sự thật là một trọng tội, ông hoảng hốt lấy tấm vải mềm vẫn dùng để lau tay phủ kín bức chân dung, ông biết rất hiếm người thích nhìn sự thật của chính mình.

Buồn bã và mệt mỏi, ông ngồi xuống ghế. Huấn đứng dậy, nụ cười có hiện trên môi, anh bước lại gần bức chân dung. Họa sĩ Phát khoát tay: "Đừng, chưa xong!" và trước đôi mắt ngỡ ngàng của bạn, ông nhắc tấm toan ra khỏi giá, úp vào tường.

Đưa cháu gái họa sĩ đặt lên bàn một phích nước mới đun, bỏ thêm chè vào ấm, phòng vẽ

thoang thoảng mùi nhài dịu ngọt. Huấn đưa tay kéo Đức vào lòng mình, vuốt mái tóc mềm nhưng ken dày của nó.

- Ô, cháu tôi, mới đó mà... - Anh nói với nụ cười dịu dàng.

Đức nép người vào anh, đôi mắt sáng ngời của nó đầy tin cậy và cảm thông. Nó nhìn bác nó như muốn nói với ông: "Bác ơi, bác Huấn tốt làm sao, dịu dàng làm sao, bạn của bác người nào cũng tốt...". Chính cái nhìn ông Phát vừa đọc được ý nghĩ ấy đã làm ông bối rối, mất hẳn sự tự tin ông vừa có lúc nãy, sự tin tưởng vào cái khoảnh khắc mà thiên tài đã hạ cánh xuống đôi bàn tay ông. Bởi vì, làm sao cái con người ông thường nghĩ tới với những kỷ niệm dịu dàng, cái nụ cười ngọt ngào kia lại có thể hiện ra trên tấm vải như thế được. Có sự phản trắc nào đây? Hay chính ông đã phản bội bạn mình, hay đôi bàn tay khó bảo bắt đầu xơ cứng của ông đã phản ông?

- Cậu có nhớ trăm ngày thầy Hoàng, đúng vào ngày nào không? - Ông hỏi.

- Hai mươi ba tháng chín này. - Huấn trả lời qua loa, anh đang nóng ruột muốn nhìn qua bức chân dung của mình một tý. Rồi anh sẽ treo nó trong phòng ngủ, nó sẽ tâm sự với anh mỗi sáng, mỗi chiều, đó là một giọt mật thêm vào cái bình hạnh phúc trọn vẹn của anh.

- Kể ra thầy mắt hơi sớm, một tài năng và một tâm hồn hiếm có. - Họa sĩ nói.

- Nhồi máu cơ tim. Cũng là bình thường ở cái tuổi của thầy. Người ta đã làm giám định pháp y rất kỹ. - Huấn nói nhanh.

Ông Phát nhớ lại buổi chiều ấy ở quán cà phê, hai người đàn ông ngồi cạnh thì thầm, cô bạn gái tâm tình thì bám vào cánh tay ông đau nhói. Nhưng ông không nhớ được gì hết, ông chỉ nhớ là lúc đó bà chủ đang than phiền về hạnh kiểm của con mèo. Hình như những lời lẽ âm mưu của người đời không lọt được vào tai ông.

- Thầy có bị xúc động gì không? - Ông hỏi Huấn.

- Theo tôi thì không. Cả cấp trên lẫn cấp dưới đều kính trọng thầy.

- Thầy đã chết. - Ông Phát nói một câu gần như vô nghĩa, ông chữa lại. - Một con người độ lượng và bao dung.

Và ông khóc với đôi mắt ráo. Nước mắt ông chảy đầu đó trong lòng ông.

- Thế này nhé - ông nói tiếp - ngày mai cậu đến Chung, nhờ anh ta chụp hộ một cái portrait, cỡ vừa thôi.

Ông nói rằng ông cần một bức ảnh chụp của Huấn để hoàn thiện bức vẽ. Chung là người bạn thân của cả hai người, là một trong những nghệ sĩ nhiếp ảnh hiếm hoi biết đưa nghệ thuật nhiếp ảnh lên ngang tầm hội họa.

Họ uống trà và trao đổi mấy câu về người nghệ sĩ nhiếp ảnh, và bức chân dung Người Mẹ của Chung được giải thưởng cao tại một cuộc thi quốc tế. Một tờ báo nước ngoài dạo đó viết: "Tác giả bức chân dung đã biết chọn thời điểm mà tất cả tâm hồn sâu thẳm của người mẹ Việt Nam hiện ra bên ngoài cái vỏ bình thường của khuôn mặt, đó là điều chi những thiên tài hội họa mới có...". Chính vì nhớ lại những lời đánh giá này mà ông Phát muốn có bức ảnh chụp của bạn ông.

Họa sĩ bước xuống đường. Từ lâu ông ít khi đi xe đạp. Trong những chuyến đi về xa, ông thường đi xe hàng, sau đó đạp xe ngựa hay dò dọc về một vùng quê hay một công trường ở nơi hẻo lánh nào đó. Trời chưa hết nóng mà đã nghe thấy bước chân nhẹ nhàng của mùa thu. Gió thổi trên đường phố, một thứ gió pha trộn heo may và nam nồm, mát dịu nhưng làm da mặt hơi se lại. Trong gió, đường phố bao la hơn, gió tạo ra những lăng kính bụi làm mặt trời trở thành đóa úa và những ngôi nhà cao lùì xa như đưng phải chân mây. Cái áo giac và sự xa vời ấy làm mọi người xao xuyên, thấp thòm chờ đợi mùa thu. Trong không gian có cái gì chưa được xác định rõ của buổi giao mùa làm họa sĩ thảng thốt. Lá cây đã bớt xanh tươi nhưng chưa trở vàng, những thảm cỏ trong vườn hoa không còn vẻ mơn mớn dễ dãi, da những cây phượng bên đường nứt nhỏ li ti màu xám. Mấy ngày nay ông Phát cảm thấy tâm trạng bất yên. Có lúc ông nghi ngờ tài năng của mình, lúc khác ông thấy mình hơi tàn nhẫn. Bức chân dung của Huấn vẫn được cất kín trong tủ, ông không giờ ra lần nào vì không giây phút nào ông không bị nó ám ảnh. Cuối cùng ông tìm đến nhà Chung. Ông tin chắc rằng Chung sẽ không từ chối chụp chân dung cho Huấn và có lẽ bây giờ công việc phỏng tôi đã xong. Thật lạ khi một họa sĩ có biệt tài về chân dung lại quan tâm đến một tấm ảnh chụp như thế.

Khác với căn gác hẹp và cao của họa sĩ Phát, nhà nhiếp ảnh có một cơ ngơi to rộng hơn với vườn cảnh, mấy gian nhà một tầng lợp ngói mũi cồ xưa, những lối đi giữa vườn rải xi than màu lam nhạt. Chung kê một bộ bàn ghế mây giữa sân, pha trà mời bạn. Ông Phát không buồn nhắc chén trà thoảng mùi nhị sen, hỏi:

- Ông cho tôi xem tấm ảnh của Huấn.

- Chưa xong đâu. - Chung đáp.

Ông Phát nhìn vào mắt bạn, biết chắc là Chung vừa nói dối. Ông hỏi hộp nhìn về bối rối của Chung. Mặt Chung tái xanh, vẻ tự tin, bật thiệp vốn có của người nghệ sĩ nhiếp ảnh không còn nữa, anh lúng túng, chán chường như một ca sĩ lừng danh vừa hát sai bài hát tù của mình trước những người hâm mộ.

- Ông nói dối. - Ông Phát khẳng định. - Cho tôi xem đi. Tôi cần xem mà.

Không chống chọi nổi đôi mắt nhìn như xuyên suốt của người họa sĩ nổi tiếng, Chung hạ giọng:

- Tôi làm hỏng bức ảnh rồi.

- Những nghệ sĩ thiên tài thường không phán xét được tác phẩm của mình đâu, chính Goethe đã nói như vậy đấy. Cho tôi xem bức ảnh. - Ông Phát nằn nì.

Họ vào nhà. Chung rút trong tập giấy ra một bức ảnh cỡ vừa. Ông Phát tưởng như tìm mình đang đứng lại. Trong tay ông, bức ảnh như được chụp lại từ tấm chân dung màu dầu đã làm ông mất ăn mất ngủ mấy hôm nay. Vẫn con mắt như vỡ ra, cái má thối rữa và vết đen không phải nước mắt mà là bóng tối âm u phủ lên một nửa khuôn mặt, một khuôn mặt tội đồ - ông Phát nghĩ - bóng tối và tội đồ, tội đồ, những ý nghĩ này vừa mới chợt hiện ra trong đầu ông.

- Anh là một nhà nhiếp ảnh thiên tài. - Ông đặt tấm ảnh lên mặt bàn, lặng lẽ nhìn Chung.

Nhà nhiếp ảnh không biết rằng đó cũng là câu ông Phát tự khẳng định mình sau mấy ngày vật vã trong hoài nghi và do dự.

- Tôi đã làm hỏng khuôn mặt tử tế và nụ cười của anh ta. - Chung bối rối.

- Thật tiếc, nụ cười ngọt ngào... - Ông Phát tiếp. - Nhưng anh là một thiên tài. Anh đã một lần nữa chọn thời điểm đáng thềm muốn. Có những điều chỉ có nghệ thuật mới làm nổi, mới diễn đạt nổi.

- Dừng chế giễu tôi, tội nghiệp, anh Phát ạ.

- Không, anh đừng nghĩ thế, người ta thường nói Van Gogh thiếu người mẫu nên ông hay tự họa chân dung mình. Tôi cho rằng không phải như vậy. Mà bởi vì ông muốn tự thú. Thôi, tôi về đây.

Họa sĩ ra khỏi nhà bạn như chạy trốn. Đứa cháu gái mồ côi, đóm lửa cho chặng cuối con thuyền đời của ông đang đợi ông ở nhà, có lẽ bữa cơm trưa đã dọn.

Cuối cùng, bằng cách nào đó, Huấn cũng đã xem được bức chân dung màu dầu và tấm ảnh của mình. Cả người bạn họa sĩ của anh và nhà nhiếp ảnh đều nói rằng không hiểu vì sao họ lại có thể làm ra một tác phẩm hỏng đến thế, họ xin lỗi anh và hứa sẽ làm lại một cái khác, trong một dịp khác.

Huấn buồn bã về nhà. Anh không ăn cơm, ngồi vào bàn và thấy lòng trống rỗng. Bất chợt gió lùa qua cửa sổ thổi tung một tờ giấy đánh máy trên mặt bàn. Huấn cầm lên xem, thấy lưng mình lạnh ngắt, mồ hôi túa ra dưới chân tóc.

Anh bật diêm, châm lửa đốt tờ giấy. Nhưng không khí ẩm ướt đầu thu và những ngón tay run rẩy đã phản anh: không một que diêm nào cháy lên được. Huấn đành dứt tờ giấy vào chỗ cũ rồi lấy một cuốn từ điển dày cộp đê lên. Vẫn chưa yên tâm, anh lại đê lên một chồng sách nữa.

Anh thường đánh máy thư từ, tài liệu làm hai bản và tờ giấy vừa bay ra là bản lưu của một lá thư nặc danh đã dẫn đến cơn nhồi máu cơ tim của người anh vừa thay thế.

Bỗng chốc anh hiểu ra và có lẽ anh là người duy nhất hiểu được cặn kẽ vì sao bức chân dung lại như vậy.

Hải Phòng. Đêm 6.12.1985

A PORTRAIT

Phát woke up at the break of dawn. He had a headache. He had dreamt he was sitting alone in a horse cart, the one which used to be seen appearing at the city gate when it was dusk, and disappearing when the city was lit up to avoid being fined for traffic offence. The horse's tail turned into paint and ran away right before his eyes, flying into a rage and making jokes. He kept changing positions with the horse after each length of road. Fortunately, after washing his face, he felt relieved and the dream dissolved into the offwhite water in the small washbasin.

He reviewed the work to be done today. At eight, attend the inaugural ceremony of an art gallery of woman painter B. He did not hold any post in the administration or in the Fine Artists' Association, but on occasions like these he was invited to encourage the younger generation. At nine, a girl much younger than he, a close friend with whom a platonic relationship had created a lot of scandals, had made an appointment to go and paint somewhere that she would keep secret to the last minute. It could be a pagoda or a coffee house about a stone's throw away from his house. It depended on her whim. He could refuse such appointments on certain days, but not today, after attending the opening ceremony of the art gallery of B. He believed in his transparent presentiment, as always, each time he saw that short, neat, fashionable hair, he felt his heart wring.

In the afternoon, he had promised to paint a portrait of Huấn, a friend of his.

It could be said that this was a special event in Phát's life. He rarely did portraits. Whenever he did, the art circle in the city expected another work by a master. But an earlier portrait he had done had brought him abject misery. Though it was not long since he had made friends with her, he had looked many times in silence at that heart-stirring young face. He thought he could count all those shining black strands of short hair that embraced that round, beautiful head. Then he took the brush up. The portrait surprised many and quickly became famous. The girl herself was stunned. When she first saw her portrait, she wanted to kneel down and abandon her life to the middle-aged artist. Fortunately, she was able to pull herself together. Everybody was very surprised that she did not love this man she so greatly admired. The age difference was not so great, and besides it was of no significance at all. Only the girl understood why she did not love him. How could one love a man who had understood her so well, to such a degree that he could depict the frail trembling of her soul on the canvas?

She got married unexpectedly. The painter knew in advance his unhappiness. For him, the girl in flesh and bone was gone, only the portrait was still living, and now he trembled only in front of the painting. "I have painted the portrait on the patch of the donkey's hide of my life". It was true that each time he did a portrait for someone, he breathed life into hues.

Yet, this afternoon, he would paint the portrait of Huán.

"Uncle, the water is boiling."

His niece placed a vacuum flask on the table, its red lid making the room more pleasant.

"Let me prepare tea," he looked at his niece with affection. "Please go to school on time. Do remember to have breakfast."

"Yes, uncle."

"Remember to have breakfast," he told her again, and only the sounds of her sandals on the staircase were heard.

The lid of the flask and the sound of boiling water in the kitchen made the studio more cheerful, and the niece, poor Đức, was the unending joy of his life.

Đức's father, his younger brother, was an engineer. He went straight from his wireless goods assembly line to the battlefield B2 in the South and never returned home. Đức's mother married again two years after the south was liberated. He cried for his brother with dull, dry eyes. His mind burned with the idea and hope of painting a portrait. But it was clear that he could do it through memory like some other artists. For him, to paint was to use his heart's light to enlighten the object.

So the truth emerged, the soul appeared in color on the canvas, the false outer conditioning lines, the form used to eat, drink, speak honeyed or bitter words. The truth of a cloud was really the rain.

Phát walked towards the window. Đức was walking carefully on the pavement across the street, nervous about the brand-new motor cycles speeding to and fro on the road. He thought that the portrait of an orphan niece would be the last of his life. As modest as he was, he still believed that his talent, together with the misery of his niece, would make that last portrait immortal.

He could not take a nap at noon although the opening of the art gallery and his sentimental, energetic girl friend had made him very tired. He put out the canvas, cleaned the brushes, put the knives with the ivory-colored plastic handles on the table. He closed and then opened some windows, dragged some rattan chairs on the floor from this place to that place without finding the spot he wished Huán to sit on. He followed no particular lighting principle when he painted. He only pushed the chair deep into a space, as though pushing a child into a classroom. That moment, his studio, a small, messy room, changed completely, flooded with a different light, a different atmosphere. The branch of an old flamboyant tree drooped against the window as always, rustling as though bestowed with a soul. He sat in front of the easel to wait for Huán, deeply absorbed in the soft feeling of creativity.

He heard the sound of the machine at the beginning of the street. A moment later, Huán walked in. He had never driven his motorcycle to his friend's house. It was a short walk, usually. Phát could not understand why he had done that and he found that he himself had become very clumsy and awkward.

- "Hello!" Huán opened the door with a soft greeting.

"Please, sit down," Phát indicated the rattan chair. A stray bee was buzzing around in the room.

Huán sat on the chair. He was only one or two years younger than Phát, but looked much younger. His face was a little long, his hair fell on one side, just long enough to cover the corner of one eye like a shade. On Huán's face there was always a friendly smile with small, white teeth. He was a little confused as the rattan chair seemed to struggle under his body which had started to get fatter. This was the first time he had posed for a portrait, so he did not know where to place his hands with their fingers as pale and slender as a girl's. He looked like a cat which wanted to huddle further into the smallest form before it sprang upon a big mouse.

Huán wanted to engage in small-talk as he usually did with his own circle of friends, but Phát only looked at him and meticulously sharpened a pencil. He probably did not need to use a pencil, but he sharpened it attentively and studied his friend's face attentively while remembering their friendship. A few decades ago, they had sat at the same desk in the same class, both loved by their teacher, Hoang. Hoang suddenly disappeared before the August Revolution broke out. The storm of war and revolution took them to different places, returning to their native city with different fates. Teacher Hoang became a professional revolutionary cadre in charge of an important agency in the city. Huán followed the teacher's path. He was resourceful, flexible and was led and trusted by the teacher, and his promotion was a little faster, becoming his teacher's deputy a few months ago. Recently, Hoang had died suddenly, and Huán was appointed to the vacant position. While the whole faculty was stunned and felt orphaned at Hoang's death, nobody was surprised that Huán was asked to take over.

Phát was greatly saddened by the death of his former teacher, and regretted very much that he had not painted a man who he greatly loved and admired. He blamed himself for not visiting the teacher often, but could not tell that death always walked faster than man. He had been totally absorbed in his work. When Huán invited him to visit his new house just allotted to him on his recent promotion and expressed his wish to have a portrait done of him for the bedroom, Phát agreed immediately. He felt this could compensate for his neglect of close friends in the past. He also knew that a portrait with his signature would be a keepsake that could help warm up the hearts of friends, and for a good friend like Huán, he would never regret expending his modest talent and time. He was very glad on hearing about Huán's promotion to the post of teacher Hoang, really glad, though he did not pay much heed to that prestigious post. He had earned some success in the art world and wished that his friends in different fields could also attain all that they deserved to enjoy. He wished nobody would suffer retribution or be forgotten

in this busy, narrow life.

Not everybody shared the artist's sentiments. One melancholy afternoon when he was at a cafe with his girlfriend, there were two people at the next table in hushed conversation about the death of teacher Hoang and the promotion of Huán. His girlfriend motioned him to listen, but he finished his coffee in one gulp and stood up. Envy grew rapidly like wild grass, and he did not care for it.

The memory of school life resurfaced as he continued to sharpen the pencil he never used. He sharpened it in silence, looking at his friend and silently sending kind words his way.

Then he started painting.

As he worked on the first strokes, the silence deepened. There was only the sound of dying gasps as though the artist was in the coils of an invisible snake, and the end of the cigarette blinked as he smoked. Knife and brush glided over the canvas like a breath of air. He always joked that the portrait artist was different from the hairdresser only in that he did not talk while he worked. Silence, which was the light, the contemplation, the model's life engraved with innumerable involved complexities. The light in the room changed as it mixed with the reflections from the wet colors and folded lines on the canvas. Huán's face was also disappearing, the lines making up his face breaking into pieces, taking on another form, gradually emerging out of the canvas. It began moving and emitting its own light, that coffee house in the misty afternoon, his girlfriend pinching his hand, her face changed, the low voices of the two people sitting at the next table, their eyes dimly visible through the smoke of the cigarettes... Inside the bar the owner was complaining about her cat, the flies were buzzing around a pot of sugar... The instant he stood up and walked to the door, the two men looked at him, they could have not known that he knew Huán.

He walked a few steps backwards squinting at the face that had appeared on the easel.

He was amazed. What was in front of him? It was definitely Huán. Huán was looking at him, nobody else. But why were there these lines? Where was this black spot? Where? And the right eyes of Huán seemed to have broken from inside out, and from there oozing out, a grey line that had made the cheek burnt and swollen, and the skin and flesh disintegrate. He took pains to mix the royal blue color; he would use the blade of the knife to press it... That grey line, could it have been tears? But there were no tears on that face, the tears distilled from altruism and kindness. The poisonous look from the right eyes of Huán had made the left side of the face darker. He had released by mistake a locked up evil spirit from a story his mother had told him. The spirit was dancing on the portrait that had just been finished. He clutched his left hand tightly with his right as if he wanted to punish it (he used his left hand to paint). But to no avail. Nothing could save it. Exhausted he sat on a low stool, threw the knife with its ivory plastic handle on the floor, and covered his face with his hands.

Then he quickly pushed the small table with a tea set on it and pulled a chair very close to where Huán was sitting.

"Please have some tea. Just relax for a moment."

Huán seemed nervous, but tactfully did not look at the unfinished picture. Besides it was now hidden from view by the slightly hunched back of the artist. He sipped the cool tea.

"Until now I have not been able to forget the death of teacher Hoang," Phát suddenly said.

"How can we?" Huán shrugged his shoulders a little bit.

“It was quite unexpected.”

“All the people in my office were quite taken aback.”

The two men were sitting over their cups of tea, the sound of tea flowing gently into their throats could be heard. Huán's silent laughs rang out for a long time before his smile, so affection-ate and trustful, returned slowly to his face. Phát stepped back a little and picked the knife up.

He scratched the layer of the oil paint on the right side of the face that had not yet dried with a determined action, the veins on his hand bulging and pulsing with the beat of his heart and breath. The grey line disappeared in the broken eye, leaving an open space. By mixing a little cooler color, he used the knife to adjust the sketches gently, his eyes closely following the face and the smile of Huán, and he made all the lines reappear with an even greater excitement. He was immersed in his work when evening came without notice. When the patch of sunlight was dying out on the window, he hurriedly stepped back, looking askance at the face already formed on the easel.

His whole body was trembling. Was it his eyes that had observed this and his hand that had painted it, or someone else's? Still the same eyes, the cold, sharp look of the left eye, the right eye was still broken, and that grey line, which he had intentionally rubbed out from the rotten cheek of a drowned man, had now reappeared, even though it was dimmer, achieving a degree of subtlety that any master artist would wish for. The evil spirit that danced on the portrait had become more arrogant, all his efforts at driving it away had been futile.

In an instant he understood that he had been successful. He had not made any error in arranging the background or lighting. He had painted what needed to be painted - the truth about a man.

There was nobody to blame now, except the innate talent which had seldom appeared in such a perfect manner as this time. Going against truth was a serious crime, he was so terrified that he quickly took the piece of soft cloth which he used to clean his hands to cover the portrait. There is hardly anybody who likes to see the truth about him.

In sadness and fatigue, he sat down again on the chair. Huán stood up, a smile still on his lips, and walked closer to the portrait. Phát gestured, "Oh, no, not yet finished!" and before the surprised eyes of his friend, he took the piece of cloth off the easel and turned it against the wall.

His niece brought a flask of newly boiled water, added some more tea into the teapot, and the gentle, sweet perfume of jasmine spread in the studio. Huán pulled Đức into his lap, caressing her soft, but thick hair.

“Oh, my niece, just a short time ago, and now...,” he said with a tender smile.

Đức leaned against him, her bright eyes full of confidence and sympathy. She looked at her uncle as if wishing to say to him: "Uncle, Huán is so kind, so gentle, your friends are all good." It was that look Phát had just read that made him confused and lose the self-confidence, the confidence in the moments of talent that had appeared in his hands. Was it talent that made a man he had always thought about with gentle memories, a man with that sweet smile, appear so different on that canvas? Was there any evil treachery? Had he betrayed his friend, or was it his obstinate, sclerotic hands that had betrayed him?

“Do you remember the exact date of the 100th day death ceremony of teacher Hoang?”

"23rd of this September," Huán answered perfunctorily, he was so anxious to have a glance at his portrait. He would hang it in the bedroom and it would have heart to heart talks with himself each morning, each afternoon, it was like a drop of honey falling into his pot of happiness to make it complete.

"As a matter of fact, our teacher died a little young, a rare talent and soul."

"Cardiac arrest. It is quite a normal thing to happen at his age. A very careful legal medical examination has been undertaken," Huán said quickly.

Phát recalled that afternoon at the cafe, the two men speaking to each other in a low voice, his girlfriend pinching his hand, inflicting a sharp pain. But he could not remember any- thing, only that at that moment the owner of the cafe was complaining about the moral conduct of her cat. It seemed that the words and dark plots of the men would not be able to reach his ears.

"Was the teacher upset about anything?" He asked Huán.

"I don't think he was. All the senior and jun- ior officials showed their respect to him."

"He was already dead," a sentence which was almost meaningless, so Phát corrected himself. "A generous and lenient man."

And he cried with dry eyes. The tears were falling somewhere inside him.

"Now, tomorrow you should go to Chung and ask him to take a middle-sized photo of yourself."

He explained that he needed a photo of Huán to perfect his painting. Chung was a close friend of both, one of the rare photographers who could raise the art of photography on par with painting.

They drank tea and exchanged some com- ments about their friend whose portrait of *Mother* won a major prize at an international photo competition. A foreign paper at that time wrote: "The author of the portrait knows how to choose that point in time when the deep soul of the mother of Vietnam appears on a common face, this is something that only a great artist can do..." Phát remembered this evaluation, so he asked for a photo taken by his friend.

The artist walked down the street. He had not used a bicycle for years. On official trips to places far away, he took a bus to the nearest point avail- able, completing his journey by horse cart or boat. The hot spell was not yet over but the gen- tle onset of autumn could be felt. A mix of the north-eastern and southern winds, cool but drier on the skin, was fanning the streets. The streets seemed larger with the wind creating a kaleidoscope of dust, making the sun yellow red and the high buildings look far away as if they were touching the horizon. The mirage and the far away felling made people anxious in their wait for autumn. In the air there was something that did not clearly define the change of season, mak- ing the artist fitful. The leaves on the trees were less green, but not yet turning yellow, the grass carpets in the flower garden were no longer young and fresh, the bark of the flamboyant trees on the street were sporting tiny grey cracks.

For the last few days, a feeling of annoyance had nagged Phát. At times he doubted his skill, at others he felt he was a little cruel. The por- trait of Huán was still kept hidden, and he had not taken it out because he did not want it to haunt him any more than it already did. Finally he went to see Chung.

He firmly believed that Chung would not refuse to take a photograph of the portrait of Huán and it was time now to prepare the dark room for that purpose.

Unlike Phát, the photographer had a spacious property with a garden, some single storey houses roofed with ancient tiles, and paths running around garden, paved with light blue clinker. Chung arranged a set of rattan chairs and a table in the middle of the yard and prepared tea. Phát did not want to lift the cup of lotus flavored tea.

“Please give me the photo of Huán.”

“Not yet finished.”

Phát looked into his friend's eyes, feeling sure that he was lying. Chung's confusion excited him. His face was pale, the self confidence of a photographer-artist was missing. He looked confused and tired like a famous singer who had just sung a song out of tune before an adoring audience.

“You are lying. Let me see it. I need to see it.”

Unable to struggle against the penetrating eyes of the famous artist, Chung lowered his voice:

“I have spoiled that photograph.”

“Artists of genius are usually not able to assess their own work, Goethe once said. Let me see the photograph.”

They went into the room. Chung pulled from of a bunch of papers a medium sized photograph. Phát thought his heart had stopped. The photograph in his hand seemed to be one with the portrait that had cost him his appetite and sleep for the last few days. Still the eye that wanted to be broken, the rotten cheek and the black line; not the tear, but the pitch darkness that covered over the half of the face, the face of solitary confinement, Phát thought, darkness and solitary confinement, the ideas coming unbidden.

“You're a photographer of genius,” he put the photo on the table.

The photographer did not know that with these words Phát reaffirmed his own talent after some days of wrestling in doubt and hesitation.

“I have spoiled that kind, smiling face of his,” Chung was confused.

“It is quite a pity, that sweet smile, but you are a genius. You have again chosen the desired moment in time. There are things which only art can do, can express.”

“Do not mock me, it is bad for me, Phát.”

“No, don't think so. It is said that Van Gogh lacked models, that's why he often painted portraits of himself. I don't think that's right. He did it because he wanted to confess. I've got to go now.”

The artist walked out of the house as if he was running away. The orphaned niece, the spark shining for the last part of the road for his life, was waiting for him at home, and maybe lunch was

already prepared.

Finally, one away or another, Huán was also able to see his oil-paint portrait and his photograph. The artist and photographer, his friends, said that they did not understand why they had created such bad works, and were sorry about it. They promised to create other works later.

Huán sadly returned home. He did not eat dinner. He sat by the table and found his heart empty. Suddenly the wind came in through the window and blew a typed page on to the table. Huán took it, feeling his back very cold and sweat soaking the roots of his hair. He struck a match to burn the piece of paper. The damp air of early autumn and trembling fingers betrayed him. No match-stick would burn. Huán had to put the paper back to its previous place, and then place a very thick dictionary on it. Not reassured, he put another pile of books on it.

He usually typed two copies of letters and documents, the paper that was blown away was the file copy of an anonymous letter that had led to the heart attack of the man he had just replaced.

Suddenly he knew that he was probably the only person who could understand why the portrait was like that.

Hai Phong. On the night of 6 December, 1985

(Translated by Manh Chuong - Hanoi)

GIÓ HEO MAY

Ít nhất thì mỗi năm một lần, những người vợ góa, dù đã được bà con họ hàng nhà chồng tặng bằng khen "tiết hạnh khá phong" cũng phải bồi hồi trong giây lát. Đó là một ngày tháng Mười, trời đang mát mẻ bỗng se lạnh vào sáng sớm. Nhưng rồi nắng hừng lên. Bắt đầu là một giải vàng hoe trên ngọn cau và trong phút chốc tràn ngập đồng lúa sắp gặt, cây cỏ trong khu vườn. Sau đó một mùi thơm ngai ngái, lạ mà quen, không thể nói đó là mùi gì, nhưng rõ ràng nó hiện hữu trong mũi ta, trong hồn ta. Một chút gió đi qua khu vườn, lúc đầu len lén như hơi thở. Nhưng rồi mạnh dần lên và những cây chuối, cây na thức dậy.

Đúng lúc đó, người vợ góa lấy chiếc chăn bông vẫn cất trong gác xếp từ đầu hè ra phơi. Vì chăn nặng nên chị phải khó khăn lắm mới vắt được qua dây thép, trong khi đó bụi bay mù lên, thứ bụi lẫn mùi cứt gián và lá hương nhu, hoa kim ngân cất phơi từ ngày Tết Đoan Ngọ. Và chị đã làm rơi chăn xuống đất.

Tôi cam đoan với quý độc giả là, trong ngày hôm đó người vợ góa nào cũng làm rơi cái gì đó xuống đất, đúng lúc ngọn gió đầu mùa thổi qua vườn. Chỉ riêng làng Kê Đồng, một làng hẻo lánh dưới chân núi Thiên Nhân có mười ba người vợ góa trẻ có chồng chết vì bệnh xơ gan thì năm người làm rơi chăn bông khi đưa ra phơi, ba người đánh vỡ chiếc ấm pha trà duy nhất trong nhà, vốn dĩ những cái ấm này chẳng mấy khi được sờ đến từ ngày chồng họ chết, lúc vỡ ra thì ba cái ấm còn nguyên một nắm bã chè mốc kết lại như cứt chim ở trong, cái thứ tư có một chiếc răng sứt, gãy chân, mặt răng lõ chỗ vết sâu đen đúa, người vợ góa nhớ lần anh chồng nát rượu súc miệng làm văng chiếc răng sâu ra, anh ấy nhỏ cái răng vào ấm pha trà, bốn người còn lại thì làm rơi cả bốn ổ gà ấp xuống đất khi họ tìm cách đào những quả trứng sắp nở. Mùi trứng ung thổi thoảng tiên gây chút hoang loạn trong bốn ngôi nhà tranh trống vắng. Nhưng rồi gió heo may mỗi lúc một thổi mạnh đã kịp xua cái mùi ghê tởm ấy đi.

Trong nhà thờ xứ đạo xôi đỗ này có bà xơ Jean Ái, ta hãy gọi như dân làng là xơ Gian, nghe nói quê tận xứ Huế, xứ sở mà bà đã hai chục năm nay không về từ ngày theo mẹ bề trên đi tu. Bà xơ Gian Ái tuy không thể gọi là góa phụ cũng đánh vỡ một cái gì đó khi đi qua khu vườn mệnh mông của nhà thờ đúng lúc ngọn gió tai quái thổi qua. Đồ vật bà làm vỡ là cái hộp sơn mài cha xứ giao cho để dùng khi có kẻ liệt hay đám cưới. May sao, cái hộp bằng gỗ nên không vỡ đôi mà chỉ sứt một miếng nắp, bà làm cách nào cũng không dính nó lại được. Một tuần sau ngày câu chuyện này xảy ra, bà đứng trong bụi xung tội với Cha. Cha chỉ nói: "Con có nhớ là khi bước vào vườn Ghêtsê-mani, gặp một ngọn gió thổi đến từ đồi Sọ, Người cũng làm vỡ một cái hộp gỗ. Người sẽ tha tội cho con". Xơ Gian hiểu và im lặng.

Trong số bốn bà góa làm vỡ ấm pha trà có chị Chát Sang. Bà xơ Gian bảo chị Sang là một bà góa may mắn bởi vì từ ngày anh chồng chị biết uống rượu thì làng Kê Đồng nổi tiếng nghèo và ngoan đạo có thêm bốn lò nấu rượu lậu bằng sắn thái khô, bắp hạt và dây khoai lang băm nhỏ, khi đưa bán có pha thêm vài giọt thuốc trừ sâu Vôphatôc cho rượu tăng độ, thì mỗi năm nhà thờ chỉ còn được cúng một trăm mười ba bắp ngô so với năm trăm bắp trước đó, vì ngô và sắn đã đổ hết vào chai, nhiều người bỏ lễ trọng bởi không thể nào đứng dậy mà đi được.

Còn tình cảnh chị Sang thì khỏi nói. Người ta thường gặp chị đi trên đường, tay bao giờ cũng cầm một cái chai. Và hình ảnh đặc trưng ấy biến mất sau ngày anh chồng chết. Bà Gian tuy đã hơn hai mươi năm hầu hạ Chúa và tâm hồn bà thấm đẫm tiếng chuông nhân ái của nhà thờ cũng nói với chị Sang rằng, tuy anh chồng chị không làm lễ rửa tội nhưng anh ấy vẫn được về hầu bên mình Chúa. Đáng lẽ chị phải là một người đàn bà hạnh phúc, chị có quyền được hưởng hạnh phúc ấy khi ra đường với những đứa con kháu khỉnh, thông minh, tay dặt trẻ chứ không phải cầm một cái chai. Gọi anh ấy về với mình là Chúa đã lấy đi cái chai trong tay chị và đó là lòng lành vô biên vì chính Người, trước khi lên đồi Sọ để chịu cực hình đã từng cầu xin Đức Chúa cất hộ mình cái chén đắng

mà không được. Người đã phải uống trọn cái chén đắng ấy cho xơ, cho chị và cho mọi người anh em nên hiểu thế nào là rượu đắng và Người đã cất hộ chị không phải chỉ một cái chén mà là cả một cái chai. Và, xơ Gian nói thêm, nếu anh ấy được hầu hạ bên mình Chúa thì khi anh ấy yêu cầu, chính Người sẽ ra đường, tay cầm một cái chai. Người cứu rỗi chị bằng mồ hôi của Người, đi mua rượu cho người nghiện rượu như đã từng chia má trái cho người đã đánh mình bên má phải, như từng chữa bệnh cho kẻ liệt nghèo hèn, hôi hám.

Đương nhiên chị Sang không hiểu Người là ai, chị cũng không phải dân đi đạo nên chẳng bao giờ được cha xứ dạy dỗ để hiểu những tích đạo mà xơ nói. Từ nhỏ chị chỉ tin có tích truyện Tấm Cám, chị tin cảnh cái vồng bị chặt đứt, có người này xui người khác tắm bằng nước sôi và hũ mắm muối bằng thịt người. Bởi vì mẹ chị đã kể cho chị nghe đến hàng trăm lần chuyện đó hồi nhỏ, lớn lên, chị cũng được nếm qua cuộc đời khổ nạn của cô Tấm. Một hôm trong cơn say anh chồng đã chặt đứt đôi cái vồng chị đang nằm, lần khác, khi nghe vợ nói nhà chị còn nồi cháo hoa ăn tối thì anh vừa chửi vừa chặt phăng ngón tay út của mình quẳng vào nồi, sau đó bắt chị ăn bằng hết hai bát cháo và miếng thịt. Lớn lên, chị theo mẹ đi chùa và chị tin có Phật Quan Âm, chị khóc khi nghe mẹ kể nỗi oan của bà Thị Kính, trong một đêm rằm khi trong gian hậu nhà chùa chậ chội, anh cu Sang cẩu vào mộng chị, chị suýt ngất xỉu vì sợ Phật trừng phạt đưa chị xuống địa ngục cho quý xa tăng giày vò, tra tấn, thả vào vạc dầu, chị mặc cảm tội lỗi như cái mộng của chị là thủ phạm chứ không phải bàn tay của cu Sang. Rồi lần đi họp đầu tiên để bàn chuyện đào nương làm thủy lợi, chị nghe một người đàn ông còm nhom nhưng tiếng lại rất to, nói là chúng ta sẽ thay Trời làm ra mưa, sẽ vắt đất làm ra nước, Chúa hay Phật hay bất kỳ ai nói cứu khổ cứu nạn mà không vào hợp tác, không động viên dân quân canh phòng kẻ gian và gián điệp, không hô hào thanh niên đi làm thủy lợi thì cũng chỉ là những anh nói phét một tác lên trời (ông ta nói đót, không nói trời mà là giới, không nói trăng mà là giăng). Chị thấy ông ta nói đúng quá, chị vào hợp tác, đi tuần đêm với dân quân, không bắt được tên trộm nào nhưng lại bị cẩu vào mộng nhiều lần, chị đào nương làm thủy lợi và còn tập hát nữa.

Rồi chị lấy chồng, lấy người đã cẩu vào mộng chị lần đầu tiên đó là anh cu Sang. Mẹ chị bảo như vậy là vì chị đã thất tiết với người ta rồi, dù đó là người không ra gì cũng phải lấy. Từ đó chị gắn đời mình với những cái chai và những cuốn sổ nợ. Tuy vậy, theo đầu óc một người đàn bà nông dân sống suốt đời trong làng quê heo lánh, nếu quả thực Chúa gọi chồng chị về hầu hạ mình như bà xơ nói thì Chúa cũng không được công bằng cho lắm. Bởi vì sống ở quê mà có một thằng chồng nhỏ cả rặng mình vào âm pha nước hay bắt vợ ăn cả ngón tay út của mình thì cũng còn hơn không có thằng chồng nào, nếu không có anh ta chị sẽ phải sống trong cảnh góa bụa. Chị chưa từng ở góa nhưng chẳng lạ cảnh bà góa trong làng đã phải còng lưng đi kiếm củi một mình, không ai đón hộ gánh củi trên vai. Vậy mà cũng đã nhiều lần anh ta đi đến tận dốc Nai Bò đón củi cho chị. Anh ấy cũng biết sửa lại cái chân phản ngựa bị gãy sau một trận quân đảo chị như người ta vật nhau ở đình làng ngày mồng một Tết.

Nếu những ngày sống ấy được gọi là hạnh phúc thì chị cũng từng có hạnh phúc. Chị không dám oán Chúa. Tuy chị không biết Chúa là ai, mặt mũi như thế nào vì chị chưa bao giờ vào nhà thờ, nhưng chị nghĩ người được xơ Gian phụng thờ thì chắc là người tốt. Vì xơ Gian là một người tốt bụng. Bà ấy nhân từ, chịu thương chịu khó, làm được nhiều việc cho dân làng này như đi đỡ đờ, cho thuốc thang, bắt kẻ người ta là lương hay giáo. Và chị nhớ anh cu Sang, nhớ thực sự như khi người ta nhớ. Dù sao anh đã sống với chị mười hai năm, không con cái, không làm cho chị tự hào, kiêu hãnh và thường biến chị thành một người lẩn thẩn, mù mờ, thất tha thất thểu trên đường làng, túi không tiền, tay cầm một cái chai.

Chị đi đến nhà này, nhà khác, nhà nào họ cũng chia sổ nợ ra, sổ nợ của họ là những tờ giấy có dấu điểm chi của anh. Mỗi ngón tay được bôi nhọ nồi ứn vào là một xị rượu phần tư lít. Anh ngại gì mà không thoa cả năm ngón tay vào dưới đít nồi để đổi rượu, với thành quả lao động của năm ngón tay và đĩa ổi xanh, anh đã có thể uống suốt đêm và nhiều khi suốt ngày.

Cuối cùng thì chị cũng tìm ra một nhà chịu bán rượu cho, đó là người đàn ông độc thân tên Cu

Ca. Anh ta ở mép làng, một ngôi nhà riêng rẽ trước đây là lò rèn của một ông phó khoác lác. Ông này rèn những cái dao chém bùn không có vết thương khoác lác là cháu đích tôn của ông thợ rèn nổi tiếng nhất đất Kẻ Muồng và đương nhiên nhất lịch sử nghề rèn. Sự khoác lác thường không phải trả tiền, nhưng dao, kéo, liềm hái thì vẫn phải bán thóc để trả nên cuối cùng dân làng xót của đến xô đổ nhà ông thợ rèn. Người ta bảo nhau: "Giá dao thàng này mà sắc được như mồm của nó. Bọn nói khoác sống sót là nhờ dân chúng độ lượng mà thôi!".

Anh Cu Ca vốn là người khiêm nhường vì cái tước cu của anh không là gì để anh kiêu ngạo hay khuếch khoác, nó chỉ vừa đủ chứng minh cơ thể anh cũng có bộ phận quan trọng nhất của người đàn ông mà thôi. Nhưng khi anh góa vợ vào tuổi ba mươi mà lại chưa con cái gì thì anh là người được đám vợ góa làng Kẻ Đồng để mắt. Nửa đêm về sáng ít nhất có bảy người trong số họ nằm mơ thấy mình ngủ với anh ta. Họ đỏ mặt một chút, tự trách mình, lo lắng một chút về danh tiếng tiết hạnh khả phong, nhưng sau đó lại cười tủm tỉm, tự tha thứ cho những cử chỉ quá đáng đến mức họ chưa hề làm, chưa hề nghĩ tới như họ đã làm trong giấc mơ ấy.

Trong số bảy người nằm mơ một cách tội lỗi ấy có chị Chất Sang. Điều này có thể hiểu được nếu ta nhớ lại ngày anh Sang nát rượu còn sống, những ngày đó, khi Chúa Cha chưa rú lòng thương cất giùm cái gánh nặng trên vai người đàn bà khốn khổ thì chị Sang thường phải thất thểu với cái chai trên đường làng tối tăm đầy cứt chó mà không có ai bán rượu cho chị. Người duy nhất cứu được chị trong cơn bí quyết ấy là anh Cu Ca. Hơn nữa, có một đêm mưa gió nổi lên bất ngờ ngay khi chị Sang cầm chai rượu đây ra về. Anh Ca nói là chẳng thà anh chạy ào vào làng đưa rượu cho "thằng khốn nạn" ấy nốc còn hơn là để chị xông pha giữa mưa gió. Chị mềm lòng ngồi lại chờ mưa. Và tối đó, chị đã cho anh Cu, khi anh kéo chị vào lòng mà nói: "Thèm quá, cho xin một cái!". Chị biết đó là việc hệ trọng khi người đàn bà đã có chồng. Nhưng chị không hề nghĩ là mình đã phản bội chồng như sau này đọc thấy cánh nhà văn nhà báo nói điếu đã viết trong sách. Người tử tế như thế, người đã tin mà bán chịu cho chị trong khi cả làng đều quay mặt đi mà đã xin thì chị cho, đơn giản thế thôi. Nhưng đó là lần đầu tiên mà cũng là lần cuối cùng. Sau đó ít lâu thì chồng chết, số quán rượu trong làng phải dẹp hơn một nửa vì những người nghiện rượu đều chết vì bệnh xơ gan bởi thứ rượu pha thuốc trừ sâu và nghe nói chính Cu Ca là người đã cho vào mỗi nôi rượu một hạt phân chó bằng hạt ngô cho ngậy lên cái mùi dân nghiện rất thích, người này đi cách người kia hai, hoặc ba ngày và chị không đến nhà Cu Ca lần nào nữa.

Nhưng chúng ta thật bất công nếu nói trong buổi sáng có ngọn gió heo may quý quái đó thổi về chỉ có những người đàn bà góa mới đánh rơi đồ vật trong tay họ. Có một người không phải đàn bà, càng không phải đàn bà góa, cũng làm đổ một chén trà đang uống dở, đó là cha xứ. Cũng như xơ Gian, theo một góc độ nào đó, nhất là góc độ sinh vật học, cha xứ cũng có thể gọi là góa nên cha có làm đổ một chén nước trong giây phút mà mọi người đàn bà góa đều làm đổ một cái gì thì cũng chẳng phải là tội trọng. Vốn là người hiền từ và đa cảm, cha cũng cảm thấy mùi vị khác thường của ngọn gió. Cha cũng nhớ và bồi hồi. Cha nhớ có một ngày giông bão cả làng không ai đi chợ được, một người đàn bà đã đập công nhà thờ đòi mua rau cải. Chị bảo mua rau về làm giỗ đầu cho chồng nên cha biết là chị góa. Cha nhân từ bảo ông bố nhà thờ nhỏ cho chị ít hành hoa trong vườn, chị lễ phép lay cha rồi nhỏ nhẹ hai tiếng cảm ơn. Đúng lúc đó cha quay mặt đi vì không thể nào chịu nổi dáng người đẹp thon thả của người góa phụ lộ rõ ra khi nước mưa làm quần áo chị dính vào da thịt. Đã lâu lắm rồi ở đất Kẻ Đồng hoang vắng này cha mới thấy một sự cảm dỗ đẹp như thế ẩn hình trong bộ quần áo ướt. Tháng cảm phòng sau đó mấy hôm, các cha xứ bạn hữu thấy cha Kẻ Đồng vật vã như người ốm. Ông cố xua đuổi hình ảnh người đàn bà ướt mưa hôm đó mà không được. Cuối cùng chính Đức Mẹ Rất Thánh đã giải thoát cho ông, khi ông một mình cầu nguyện trong cảm phòng tòa giám. Ông tha thiết xin được gặp Mẹ, ông cầu *lạy Trái tim vô nhiễm nguyên tội Đức Mẹ đồng trinh, xin đền tạ trái tim đau đớn Mẹ, bù lại những tội lỗi con đã nghĩ đã làm xúc phạm đến Trái tim Mẹ, cùng Trái Tim Chúa Giê Su Con Mẹ*. Ông đau đớn cảm thấy Chúa đã giận dữ mình trong buổi chiều mưa hôm ấy nên mọi lời cầu nguyện của ông hình như không thấu đến tai Người. Và ông đành nguyện xin Mẹ "cho con được ẩn náu trong Trái Tim Mẹ và nhờ Trái Tim Mẹ mà đến cùng Trái Tim cực Thánh của Chúa Giê Su Con Mẹ". Ông thì thầm cầu xin một mình trong phòng nguyện tòa giám và khi mệt mỏi đứng dậy, ông biết ngay mình đã được Mẹ tha thứ.

Mẹ đã bao dung cho ông ăn náu trong trái tim Người và đó là con đường ngắn nhất để ông tiếp thông với Đấng tối cao và xin lòng tha thứ.

Ông quên hẳn chị Cu Sang cho đến hôm có con heo may đầu mùa ấy.

Lúc đó xơ Gian vẫn cầm hộp bí tích trên tay vì bà đang lấy tròng hạt và cây thánh giá ra lau chùi thì cha gọi. Hai người đi dạo trong vườn nhà thờ. Cha xứ bảo muốn đào một vòng để xem mấy đám đất gieo hạt giống xu hào Ý mọc mầm ra sao. Đó là món quà của Đức Giám mục nhân người vừa sang La Mã thụ ơn Đức Thánh Cha trở về. Bỗng ngọn gió thổi đến. Cha xứ đứng lại.

- Này xơ!

Xơ Gian lúng túng nhặt cái hộp bí tích lên. Bà đã kịp cho miếng gỗ sứt vào túi và giấu cái hộp dưới vạt áo. Nhưng cha nhìn thấy rồi, ông không nói gì. Ông đọc được thoáng bồi hồi trong mắt xơ cũng như nó vừa chọt tới trong lòng ông lúc cơn gió thổi qua.

- Thừa cha...

- Xơ còn nhớ nhà chị Cu Sang, người đàn bà góa đến nhà thờ mua rau cải về làm giỗ chồng năm ngoái?

- Dạ, có nhớ. - Xơ cung kính - Dạo chồng chị ấy chết con có đến giúp đám nhà chị ta.

- Nhưng rồi xơ không bao giờ trở lại nữa phải không?

- Dạ.

- Như vậy là xơ đã yêu người ta bằng mình chưa?

- Dạ thưa cha, chưa. Con chưa trọn điều ấy. Và chị ta cũng chưa làm phép rửa tội bao giờ.

- Mọi người ở thế gian này đều từ cõi không, do Cha chúng ta ở trên trời làm nên mà có, phải thế chẳng?

- Dạ, thưa cha.

- Vậy thì chúng ta là tội tớ của Người sao xơ không nghĩ ta phải làm cho không thành có?

- Dạ con hiểu.

- Cha biết xơ đã đem tình thương của mình mở rộng nước Trời lâu nay mà quên sự vất vả. Nay cha nhắc xơ điều nên làm ấy.

Xơ Gian đến nhà chị Cu Sang vào lúc nắng đã gay gắt, thứ nắng hanh trong tiết trời trở lạnh làm da dè người ta mốc trắng vì gió heo không làm ra mồ hôi. Chị Sang, sau khi đánh vỡ cái ấm pha trà, không biết làm gì với chiếc răng sâu của chồng, cứ cầm nó trong tay mãi. Đáng lẽ chị còn phải phơi chần bông và đồ lặt cú ra nia cho uống nắng, nhưng vì vướng chiếc răng trên tay nên chị cứ trôn trối ngời trên bậu cửa nhìn ra sân, nhìn đám lá chuối lật qua lật lại trong gió như chính cõi lòng bất yên của chị. Chiếc răng vừa tìm thấy sau cơn gió không gọi lại cho chị hình bóng người chồng hung bạo, say nê mà trái lại, là những kỷ niệm êm ái. Chính đêm trước hôm anh chồng súc miệng làm vắng chiếc răng sâu, chị đã dùng lưới mình lung lay cái răng vốn đã như cọc găm và thường làm anh chồng mất ăn mất ngủ hàng tuần trắng liền. Anh bỗng trở nên dịu dàng hơn trong cơn ân ái, cái lưới chị làm anh đã ngứa và hết nhức răng, anh thừ ra như con trâu được kỳ cọ bằng thứ con cúi rom lúc

tắm dưới suối.

- Chào xơ! - Chị Sang đứng dậy, bước xuống sân, bỏ chiếc răng của anh chồng quá cố vào túi rồi nắm lấy ống tay áo lung thụng may bằng vải đen của xơ Gian. Trong bộ đồ sĩ, nước da xơ càng trắng còn đôi môi thì hồng như tô son. - Lâu nay con không được gặp xơ!

- Xơ bận quá!

- Con vừa đánh vỡ mất cái ấm pha trà. Mời xơ uống nước với với con vậy.

- Cảm ơn em. Nhà thờ cũng có một cây với. Xơ thường uống nước với với bố già. Xứ Huế của xơ người ta cũng ham nước với lắm. Mà này, hôm ni là ngày chi mà xơ cũng lập cập đánh rơi cái hộp của Cha xuống đất.

- Vậy ư xơ? Tại trời trở gió ấy mà. Con cứ thấy chộn rộn trong người làm sao ấy. Xơ ơi, nghe nói cây với ở vườn nhà thờ đã sống hơn trăm rưỡi năm, trước cả ngày cha Bảy dựng nhà thờ nữa, phải không ạ?

Xơ Gian làm dấu Thánh.

- Cầu cho cha Phedro Bảy an nghỉ trên nước Thiên Đàng. Con hỏi những thứ từ ngày chưa có bà cố của xơ, làm rằng xơ biết được? Xơ Gian hỏi chuyện mùa màng chuyện khoai sắn lúa bắp nhà chị Sang. Rồi xơ phàn nàn năm nay vườn nhà thờ thu hoạch kém, người ta chỉ cho các bà già đến trông trọt, chăm sóc. Chẳng cây nào mọc ra hồn, thu hoạch bắp và mấy cây ăn quả lưu niệm không đủ trả tiền phân. Lễ lạt của dân cho nhà thờ cũng teo dần, năm sau không bằng năm trước. Chị Sang nói:

- Có thể thật! Người có sức thì phải cào cẩu nuôi con. Họ đưa bà già đến giúp nhà thờ cũng là có lòng với cha và xơ lắm rồi. Bên ấy, ngoài các khoản đóng góp như bọn con, người ta còn phải thêm khoản cho nhà thờ.

- Nhưng chẳng lẽ lại để người chần chĩn chết đói hay sao? Xơ thì không nói, ăn mặc chi cũng xong, nhưng cha bề trên thì không thể được.

- Tại xứ đạo mình nghèo. - Chị Sang chép miệng. - Người nào cũng phải lặn lưng ra mà không đủ sống. Bà góa lại nhiều hơn nơi khác. Thiếu đàn ông thì ai cũng khổ, phải không xơ?

Mắt Chị Sang long lanh, dồn nén những điều chưa được giải tỏa từ sáng đến giờ. Hôm nay là ngày chi chi? Gió heo may về, chiếc răng sâu hiện ra, mặt ao tù nổi sóng. Chị mạnh dạn đưa đôi cánh tay rộng và chắc ôm chầm một vòng cái eo nhỏ bé của xơ Gian như ôm một cô bạn gái cùng làng.

- Xơ cũng khổ, phải không xơ? Xơ mới bốn mươi tuổi thôi mà!

Xơ Gian đỏ mặt vùng vẫy thoát khỏi bàn tay cám dỗ, lại đưa ngón tay làm dấu và thì thầm đọc kinh dâng mình cho Đức Mẹ, *“tôi đã dâng con mắt, lỗ tai, miệng lưỡi, trái tim cùng cả mình tôi cho Đức Mẹ thì ngày hôm nay lay Đức Bà Maria, lay Mẹ khoan thay, xin Mẹ gìn giữ tôi như của riêng Người vậy. Amen”*. Chị Chất Sang không nghe rõ xơ thì thầm điều gì nhưng chị cũng lại vì nhìn thấy xơ run rẩy và sợ hãi như đạp phải một con rắn.

- Không, em ạ. Xơ đã dâng mình cho Đức Chúa và Hội Thánh, con người xơ lạnh như băng rồi, xơ không thấy khổ là chi nữa.

- Nhưng con thì không được thế, xơ.

- Chừ con muốn thì chẳng ai ngăn cấm con được thế. Vòng tay Đức Mẹ và con của Mẹ rộng vô biên, Người không từ chối một ai đến bên Người.

- Xơ bảo con cũng đi tu như xơ à?

- Xơ không bảo thế. Nhưng nếu con chịu phép rửa tội như những người đi đạo trong làng thì Chúa sẽ tha thứ cho cái tội tổ tông truyền của con. Con sẽ thấy không khổ sở, dằn vặt mỗi khi gió heo may về nữa.

- Chẳng lẽ con không còn cách gì khác nữa hay sao? Hay là con lấy chồng?

Xơ Gian ái ngại nhìn góa phụ trước mắt mình. Cha bề trên bảo xơ phải cứu vớt chị ta để mở rộng nước Trời. Cha bảo rằng, con chiến lạc đàn thì trước hết phải cho nó nhìn thấy một bó cỏ. Vườn nhà thờ rộng mênh mông mà chỉ trông mong vào những bà già công quả như bên mấy cái chùa thì chẳng ăn thua. Phải thuê mướn người có lực, có kinh nghiệm trồng trọt với giống mới, phương pháp mới. "Nếu thuận, xơ hãy bảo chị ta đến làm công cho nhà thờ. Ta sẽ trả công xá rộng rãi, còn xơ thì cũng tiện tiếp xúc." - Cha bảo thế.

Chị Chất Sang không từ chối. Chị bảo làm công cho nhà thờ thì cũng còn hơn vào mấy cánh rừng cạn kiệt trên Ngàn Éo mà nhật nhật củi khô kiếm ăn. Nhưng bảo còn phải để chị thu xếp đã. Xơ Gian ra về. Xơ biết là mình còn phải trở lại đây nhiều lần nữa. Trong thâm tâm xơ thương người đàn bà góa có cuộc đời khổ nạn không lối ra và chỉ được giải thoát khỏi cái án chung thân khi trở thành góa bụa. Nhưng góa bụa cũng là một cái án chung thân khác nếu chị va không biết dâng trọn mình cho Đức Chúa lòng lành.

Chị Chất Sang mất hẳn một ngày không động tay động chân được vào công việc gì trong nhà, trong vườn. Chị cảm thấy hôm nay là một ngày hệ trọng, có lẽ nhờ cơn gió mà chị tìm lại được chiếc răng sấu của chồng, người chồng bây giờ đây chỉ để lại trong chị những kỷ niệm êm ấm, yêu thương. Bao nhiêu đòn vọt, nhục nhã, hận thù với anh ta chị đã quên hết. Chị lấy lại chiếc răng trong túi ra ngắm nghía tự hỏi xem nên làm gì với nó bây giờ? Nó là một phần hài cốt của anh, không thể khinh suất được. Mãi suy nghĩ những chuyện đó mà chị quên cả nhóm lửa nấu cơm tối. Nhưng chị không thấy đói. Một ngày như thế này thì ăn uống vào cũng như không. Chị lảng lảng trong cảnh hư và thực, nửa đói nửa no, không nghe bước chân mình đi, không cảm thấy cảm giác gì khi cầm lên một thứ đồ vật trong nhà. Phải rồi, hồi mới cưới chị cũng có vài ngày như thế. Lại nữa, một lần khác, khi cuộc chung sống với anh chồng đã nhàu như giẻ trong mớ tã địa ngục, cái đêm vì thương người và nhẹ dạ, chị cho anh Cu Ca đề lên mình rồi lăn đi lăn lại chị như một khúc chuối trên tấm phản ọp ẹp chị cũng thấy nhẹ nhõm, lảng lảng như thế. Nhưng con sung sướng kia là thật, còn cái lảng lảng hôm nay chỉ là một tiếng vọng, một ảo giác mơ hồ, như có như không. Chính vì thế mà tâm hồn chị căng thẳng, đau đớn, lòng chị tan nát khi biết ra là tất cả đã qua rồi, đã chìm chìm trong cơn tuyết vọng. Chính lúc đó trong đầu chị bật ra một ý nghĩ: "Hay là... đi tu như xơ Gian cho xong!". Cái ý nghĩ bất chợt ấy làm chị sợ hãi. Bởi vì, tuy trong làng ai cũng mến và kính trọng xơ Gian vì bà thương người và hay giúp kẻ khó. Nhưng hễ mỗi lần bà gọi người ta làm lễ rửa tội thì mọi người đều tự nhìn mình như một tên phản bội và bà xơ tốt bụng kia nhanh chóng biến thành ma đưa lối quỷ đưa đường. Làm sao lại bỏ mặc bàn thờ ông bà ông vải, làm sao không đi lễ Phật ngày rằm, ngày mồng một được cơ chứ? Chị Sang đang sống trong cơn sợ như thế và chị bắt giác thờ dài, tâm thần bán loạn. Tất cả tội vạ là do cơn gió hết! Mới ngày hôm qua đây chị còn thanh thản, yên một bề như con mèo ngủ trên đồng rơm mà nay thành con nai sỏ chuông tung tăng trên đồng nội.

Tối hôm đó chị Sang ngủ đói. Lâu lắm rồi, từ ngày ở góa, không có đàn ông đỡ đần việc đồng áng, chị không còn phải đi ngủ đói nữa. Chị đã dự trữ được một cốt thóc, năm nào cũng đổi hạt cho nó mới. Sáng dậy chị tưởng không cất nổi mình vì những mộng mị tai quái làm chị đỏ mặt lúc nhớ lại. Chị phải cho hai tay vào giữa đùi rồi nghiêng răng khép chặt lại một lúc lâu mới tỉnh táo hẳn.

Lại một ngày lằng lằng và khô sở trôi qua. Gió heo may càng thổi mạnh hơn như nó vừa được số chuông đang tìm cách vượt qua những con trướng trên núi Thiên Nhân đến từng nhà, từng người để rú rê, khuyên bảo người ta nhớ lại, người ta hãy phá phách hay gào thét. Thứ gió lạ lùng làm trời trở lạnh mà hanh khô không để ai yên. Tối hôm đó, đang vật vã trên cái giường rề quạt mua từ hồi lấy chồng, chị Chắt Sang thấy sợi giây lạt cột cửa trở mình rồi rơi xuống đất. Cánh cửa mở ra và Cu Ca bước vào.

Y ta bảo rằng, không ngờ cơn gió heo may đầu mùa lại có thể làm tắt mắt cái chái hồi của nhà y, có lẽ vì nhà y ở ngoài lũy tre nên không có gì che chắn, cái chái bị búng khỏi mái nhà rơi xuống đất lại còn gây thêm tai vạ làm nát tinh tươm một luống su hào mới gieo, đè chết một con mèo tam thể cùng hai con chó con mới tách mẹ. Toàn bộ vốn liếng y đã đổ vào luống rau giống đó với hy vọng dựng lại cái nhà quá ọp ẹp trước Tết. Y buồn, y khô, y không thể nào ngủ được trước một tai bay vạ gió như thế. Và y chỉ còn nước đến với chị. Y đã nhìn thềm hai năm nay, y muốn chờ chị hết tang chồng cho phải đạo nhưng làm sao y lại phải chờ, phải đợi kia chứ?

- Cô tắt đèn đi! - Y nói.

Chị Chắt đang ngằn ngủ thì y đã nhanh chân bước tới bàn, không thổi mà cầm chiếc đèn Hoa Kỳ dốc ngược lên cho nó tắt thật nhanh rồi kéo chị lên giường.

Cu Ca ngủ li bì đến tận chiều hôm sau. Chị Chắt Sang luộc cả một ổ trứng gà mới ấp được hơn mười bảy ngày thả vào chậu nước lạnh cho dễ bóc, chờ y thức dậy.

Xơ Gian đang tưới rau thì ông bố già ra vườn bảo lên gặp cha xứ. Hai hôm nay xơ thấy cha để đèn rất khuya, cửa sổ phòng cha hướng Tây Bắc và đương nhiên gió heo may thổi đến từ phía ấy. Nhưng cha không đóng cửa. Ánh đèn phòng cha làm sáng lên một nửa khu vườn và do phòng ngủ của xơ nằm trong dãy nhà ngang nên ánh sáng khác thường ấy và những tiếng rít của trận gió đầu mùa cũng làm xơ Gian mất ngủ lây. Xứ Huế của xơ cũng đôi khi hứng gió heo may nhưng nó không tai ác, không độc địa như ngọn gió này.

- Thừa cha, người không được khỏe?

- Không, cha vẫn bình thường. Cha chỉ muốn nhắc xơ về chuyện Chắt Sang. Xơ đã trở lại với chị va chưa?

- Dạ, con định chiều ni mới lại.

- Bảo chị ấy thu xếp nhanh nhanh. Gió heo may về rồi, mùa rau đã vào vụ. Mấy luống xu hào Đức Giám cho nhà thờ chắc được tiền nhưng phải có người chăm sóc. Ta không được phụ lòng cha bề trên.

- Con xin vâng, thưa cha.

Xơ Gian nói, cảm thấy trào lên trong lòng một tình thương vô bờ đối với người đàn ông đứng trước mặt mình. Lạy Chúa tôi, xin Người hãy cứu vớt những tâm hồn nhạy cảm và yếu đuối.

Xơ đến nhà chị Chắt Sang thì cửa nhà đang đóng. Xơ nghĩ có thể vì gió thổi quá mạnh hay chị va khó ở, đau mình. Xơ nhẹ nhàng hé tấm liếp cửa nhìn vào. Xơ thấy Cu Ca đang nằm, ngực để trần, hai tay buông thõng và nét mặt mệt mỏi, nhàu úa nhưng đầy hoan hỉ đang nhai chém chếp những miếng trứng gà lộn do Chắt Sang cầm cái thìa nhỏ bón cho. Chị va quỳ, phô tấm lưng trần ra phía cửa nên xơ không nhìn thấy mặt. Chỉ thấy lọn tóc chị xõa xuống vai xuống lưng và đập dòn như nhảy nhót trên da thịt.

- Đây, rắng trên thì vớt xuống giường hay lên mái nhà nhỉ? - Chắt Sang vừa bón trứng, hỏi.

- Nồm! Vứt đầu mà chẳng được! - Cu Ca nhòm nhòm trả lời.

Xơ nhẹ nhàng lui ra. Nhờ gió thổi và cũng nhờ chị Chất bận bịu bón trứng và đưa tay liệng vật gì vào gầm giường nên hai người trong nhà không hề biết là xơ đã đến và đã đi lạng lẽ.

Sau đó không ai ở xứ Kê Đồng gặp xơ Gian nữa.

Kim Giang, 1997

AUTUMN WIND

At least once a year, all widows, even those who have received a gold star from their in-laws for virtuous devotion to the memory of their dearly departed husband, will feel a fleeting sense of restlessness. It comes on during a certain day in October, when the gradually cooling weather takes a sudden turn to crisp, dry cold in the early morning. But then the sun appears; at first, a mere reddish-gold ribbon playing along the tops of the areca-palms, but then quickly spreading out to flood the fields and gardens where fruit trees and heavy stalks of rice wait for the harvest. Next, an earthy scent arises, foreign yet familiar, the kind that one cannot identify but knows only that it has taken possession of one's nostrils and one's soul. A wisp of a breeze steals through the garden, as gentle as a breath, then gradually builds strength to waken the banana and custard-apple trees...

It is at this precise moment that a widow carries a cotton blanket from her storage loft outside to air. The blanket is heavy; she struggles as she tries to throw it over the metal cable that is her clothesline. Dust flies everywhere, liberally mixed with cockroach droppings and the aromatic herbs she picked and dried on the occasion of the Đoan Ngọ festival last year. The next thing she knows, the blanket has slipped from her fingers to the ground.

I assure you, dear reader, that on that day, when that first breeze of the season blows through the garden, any widow who happens to feel it is bound to drop something. In Kê Đồng village alone, a remote village at the foot of Thiên Nhân mountain with thirteen young women widowed when their husbands died of cirrhosis of the liver, five of these women dropped the blankets they were hanging out to air and four of them dropped and broke their household's single forlorn teapot that was rarely used now that their husbands were dead. Of those teapots, three of them shattered to expose a clump of molding tea leaves stuck together like birdshot inside; the fourth one held a cracked tooth with broken roots, its face pitted with filthy black cavities. The widow remembered the day her drunkard husband had rinsed his mouth and spit out his rotted tooth along with the water, right into the teapot. As for the remaining four widows, they each dropped a nesting-basket they were holding while digging around for the eggs hidden in the straw. For a moment, the stench of rotting eggs caused a bit of panic in those four lonely leaf-thatch huts. But then the autumn wind, which was growing stronger by the minute, drove away the noxious odor and restored order.

Sister Jean, whom we shall refer to as Sister Gian as the inhabitants of this mixed Catholic and Buddhist village do, was in the parish church that day. It was said that she was from Hue, a distant land to which she had never returned since the day she left to follow the superior mother into the convent. Sister Gian, although she cannot rightfully be called a widow, also dropped and broke something as she walked through the church's vast garden at precisely the moment that mischievous breeze blew past. The item she broke was a small lacquer box holding the sacraments needed for administering to the sick or conducting weddings that the parish priest had entrusted to her care. Fortunately, the box was made of wood and so did not shatter, but it did suffer a chipped lid. Try as she might, she was unable to close it properly after that. A week

after this incident, she stood in the confessional and confessed her sin to the priest. The priest said, "Keep in mind that, when He stepped into the Garden of Gethsemane and met a breeze blowing in from Golgotha, Our Lord also dropped and broke a wooden box. He will forgive you." Sister Gian understood and said nothing more.

One of the four widows who had broken a teapot was Mrs. Sang. Sister Gian told Mrs. Sang that she was lucky to be widow, because it was when her husband started drinking that Kê Đòng, a village famous for its poverty and piety, suddenly sprouted four new illegal stills brewing moonshine from slices of dried cassava, kernel corn, or pounded sweet potato. This brew was then brought to market where it was mixed with several drops of the pesticide Vofatox to increase its kick. That year, the church received only one hundred and ten ears of corn in offerings (compared to five hundred ears the year before) because the corn and cassava was being poured into the bottle and many people were so inebriated they could not manage to walk to Mass.

As for Mrs. Sang's predicament, no doubt the reader can only imagine. She was often seen on the road, a bottle in hand, trying to beg some alcohol for her husband. It was a singular sight that disappeared soon after his death. Sister Gian, who had served Christ for more than twenty years and was as filled with the milk of human kindness as anyone could be, told Mrs. Sang that even though her husband hadn't been baptized, she believed he was now serving at the Lord's side in heaven. That Mrs. Sang had the same right to happiness as every woman, the right to walk proudly down the road with charming, intelligent children in hand rather than a bottle. That calling her husband home was the Lord's way of taking the bottle from her hand in his infinite mercy. Indeed, had not He Himself, before mounting Golgotha to suffer punishment for the world's sins, also begged God the Father to put away from him this bitter cup, only to be refused? He had drunk the fullness of that bitter cup for Sister Gian, for Mrs. Sang, and for everyone else in the world and so understood only too well the bitterness of the demon drink. Now He had put away for her not only a bitter cup but the entire bottle, and, Sister Gian added, if her husband was now serving at the Lord's side, he need only ask and the Lord himself would take to the streets with a bottle in hand. Yea, the Lord had ensured her salvation with the sweat of his brow and now would go to buy alcohol for her drunkard husband, just as he had turned the other cheek to those who beat him and had healed the miserable, stinking beggars.

Naturally Mrs. Sang didn't understand who this Lord was that Sister Gian kept going on about. Not being Catholic, she had never attended church and had never been taught the stories to which the Sister referred. Ever since she was a child, Mrs. Sang had only ever believed in the fairy tale of Têm Cam. She believed it all, from the scene where the king's hammock is chopped down, to the part where the evil stepsister is talked into taking a bath in boiling water, to the urn containing salted human flesh. She believed it because as a child her mother had told it to her hundreds of times, and because she herself had tasted Têm's sufferings. One time, in a drunken rage, her husband had chopped her hammock in two while she was lying in it; another time, when she informed him that all that was left in the house to eat was plain rice gruel, he had cursed and sliced off his little finger, as neat as could be, threw it into the pot, and then forced her to eat two whole bowls of gruel flavored with that gruesome piece of meat.

As a young woman, Mrs. Sang had followed in her mother's footsteps and attended the Buddhist temple in the village. She believed in the Bodhisattva of Compassion, and even cried when her mother told her the story of Thõ Kĩnh. One night when the temple's back courtyard was packed with villagers enjoying the full moon, a young man named Sang pinched her buttocks. She almost fainted with fear that Buddha would punish her by sending her to hell to be tormented and tortured by demons and thrown into a vat of boiling oil. She felt as guilty as though it were her buttocks that were the offender rather than Sang's hand. Later, she attended the village's first meeting about irrigation projects. She listened to a stunted man with an unexpectedly loud voice and a pretentious accent say, "We don't need Heaven, we can make

our own rain, we'll squeeze it out of the very soil! I don't care if you are the Lord Jesus or the Lord Buddha, if you just sit around yelling save me save me and don't join the cooperative, or support the citizen's militia by looking out for criminals and spies, or cheer on the youths who are march- ing off to the irrigation project, then you are no better than a liar!" It sounded eminently sensible to her, so she joined the cooperative. She dug irri- gation ditches and practiced singing patriotic songs. She went on night patrol with the village militia and while she didn't catch any thieves she did receive many more pinches on the buttocks.

And then she married. She married the first man who had pinched her buttocks, the young man named Sang. She'd lost her virginity to him, her mother said, and so now even though he did- n't amount to much she had to marry him. From then on, her life became tightly bound to the bot- tle and IOUs. In spite of this, Mrs. Sang's opinion as a peasant woman who had lived her entire life in a remote rural village was that if it were true the Lord had called her husband home to serve Him as the Sister said, then He really wasn't being very fair. Because in her village, having a husband who spit his rotten tooth into the teapot and forced his wife to eat his little finger was still better than having no husband at all. Without him, she had to live as a widow. She'd never been a widow before, but was no stranger to what it meant. She'd seen the widows in her village with their bent backs going out alone to search for firewood in the forest, knowing that there would be no one to meet them halfway and help them carry the load home. Say what you will about him, her husband had many times come all the way up to the Nai Bo slope to meet her and take the load off her shoulders. He had even fixed the foot of their bed when it broke one night after they had been thrashing and rolling around on it like two wrestlers in front of the village meeting-house during the New Year celebrations.

If days such as those could be called happiness, then she had been happy with her husband. Not that she dared reproach the Lord. Though she had never set foot in a church and so had no idea who or what the Lord was, she figured that anybody Sister Gian worshipped must surely be a good per- son. Because Sister Gian was a good person. She was kind and industrious and did many good works for the people of the village, Catholics and sinners alike, from assisting at births to handing out medicines. But Mrs. Sang missed her husband, really missed him, with the same real grief that anyone else who has lost a loved one feels. No matter what, he had lived with her for twelve years. Never mind that he'd given her no children, nor reason to be proud or brag, nor that he'd transformed her into confused, pathetic women wandering aimlessly around the streets of the vil- lage with empty pockets and a bottle in hand.

Mrs. Sang had gone from one house to another, but at every house they showed her his IOUs, slips of paper smeared with his fingerprints. Each finger- tip was rubbed in the greasy ash on the bottom of a cooking-pot and then pressed onto the paper to make a mark which meant one quarter-liter flask. And why shouldn't he rub all five of his fingers on the bottom of the pan in exchange for five flasks? With no more effort than the twitch of five fingers and a plate of green guava, he could get enough to drink all night and often all the next day.

In the end, she had found a place that would sell her alcohol on credit, the shop of a widower named 'Wiener' Ca. He lived on the edge of the vil- lage in a lonely building that had once belonged to a certain boastful metal smith. This metal smith forged knives that could barely cut mud, yet he styled himself as the first son of a first son of the most famous metal smith of the Ke Muông region, and naturally the most accomplished metal smith that had ever lived. While his boasts were free, his knives, scissors, and sickles had to be bought with the sweat of the people's brow. In the end, tired of paying for such junk, the people pushed over the metal smith's house. "If only his knives were as sharp as his mouth!" they said. "Braggarts can only survive as long as the people tolerate them!"

'Wiener' Ca, on the other hand, was a humble man. It was hard to be arrogant or boastful with a sobriquet such as his, which rather than elevat- ing him merely confirmed that he did

indeed have that most important member of the male anatomy. Nevertheless, when he lost his wife, still childless, at the tender age of thirty, he became the target of much attention from the widows of Kê Đòng. Between the hours of mid-night to first light, at least seven of them had dreams that involved sleeping with him. They awoke flushed and embarrassed, then spent a few moments worrying about their reputation for virtuous devotion to their dearly departed husbands before finally smiling and forgiving themselves because after all they had never done, had never even thought of doing, the outrageous things that occupied their dreams that night.

Mrs. Sang was one of those seven widows with sinful dreams. This was very understandable if one bears in mind that back when her drunkard husband was still alive, back in the days when God the Father had not yet displayed his infinite compassion by lifting the burden from the shoulders of this miserable woman and she was still haunting the village's gloomy, dogshit-strewn streets with a bottle in hand in search of someone who would sell her some booze, the only person who stepped up to rescue her from her predicament was 'Weiner' Ca. Not only that, but one night a storm blew up unexpectedly just as she was starting for home with a full bottle. Ca stopped her, saying he would go himself to give that 'good-for-nothing' husband of hers his booze before he would allow her to go out in the storm. Flattered, she sat down to wait out the storm. And that night, she gave it up to Cu, when he pulled her to him and said "I'm starving, how about a quickie!" She knew this was a matter of utmost seriousness when a woman already had a husband. But she never considered it a betrayal of her husband as it is so often contrived to be by those self-serving writers who write newspapers and books. If a good man likes him, a man who trusted her and accepted her credit when everyone else in the village had turned their backs on her, well, if wanted something then she would give it to him, it was as simple as that. But that was the first and last time. Her husband passed away not long after that night, and then more than half the village bars had to close down because all of the alcoholics were dying off from cirrhosis of the liver brought on by the pesticides mixed into their drink along with the kernel-sized bead of dog feces that 'Weiner' Ca was said to mix into every kettle of his moonshine to give it that rich, creamy aroma that the drunkards liked so much. They took their leave of this world one after another, two to three days apart, and after that Mrs. Sang didn't come to 'Weiner' Ca's shop any more.

But we would be doing a great disservice if we were to say that, on that particular morning when that naughty autumn wind blew through, the widows were the only ones to let slip whatever they happened to be holding. There was another person who was not a widow, even less a woman, yet also dropped his cup of half-finished tea. This was the parish priest. Like Sister Gian, if one considers him from a certain perspective, in particular from the perspective of human biology, then he too could be considered a sort of widow. And so if he happened to drop his cup of tea at around the same time the other widows dropped their items, this could hardly be considered a sin.

A soft-hearted and sensitive man, the priest sensed the unusual flavor of the breeze. It brought back memories which made him restless. He remembered the day there was a great storm which made it impossible for the villagers to get to the market, and a woman had knocked at the door of the church asking to buy some vegetables. She said she needed them to prepare the ceremonial meal for the first anniversary of her husband's death; this was how the priest knew she was a widow. He graciously told the church's caretaker to give her a bunch of spring onions from the garden. She politely genuflected to the priest and whispered her thanks. At that moment, the priest turned his face away because he could not bear the sight of the widow's beautiful, slender figure clearly visible under her clinging, rain-drenched clothing. He had lived in this desolate village of Kê Đòng for a long time; this was the first time he had seen such exquisite temptation concealing itself in wet clothing. Several days later, when the month of Lent began, his fellow parish priests noticed that the priest of Kê Đòng seemed unusually tormented, almost to the point of illness. He tried to banish the image of the rain-drenched woman that day but could not. In the end, the Most Holy Mother Mary came to his aid as he prayed alone in the

bishop's confession- al. After begging with great sincerity for her to come to him, he prayed *Immaculate Heart of the Holy Virgin Mother, unstained with original sin, please give me the chance to make amends to Your suffering heart, to atone for my sinful thoughts and actions which have certainly offended You as well as Your Son Jesus Christ*. He confessed how it pained him to feel that the Lord had been angry at him ever since that rainy afternoon and would no longer hear his prayers. How he had no choice but to appeal to the Mother to *allow me to rest in Your Heart and intercede for me before the Holiest of Holy, Your Son Jesus Christ*. He stayed alone in the Bishop's chapel for a long time, whispering his prayers, and when he finally struggled wearily to his feet he knew at once that the Holy Mother had forgiven him. She had magnanimously allowed him to take refuge in her Holy Heart, which was the shortest route to re-connect with God and ask for forgiveness.

He completely forgot about Mrs. Sang after that, at least, until the day the first autumn wind of the season blew in.

Sister Gian was holding the little box of sacra- ments, and had just decided to take out the rosary and crucifix to clean them when she heard the priest call her. He invited her to accompany him in a stroll in the cathedral garden, to see how the Italian kohlrabi was coming along, the priest said. The seeds had been a gift from the Venerable Bishop after his recent trip to Rome for celebrations of the Holy Father's return.

That was when the breeze suddenly passed by. The priest stopped.

"Sister!"

Sister Gian, flustered, picked up the box of sacraments. She quickly thrust the chipped lid into her pocket and hid the box under her robes. The priest noticed, but said nothing. He could read the fleeting restlessness that passed through her eyes. It was the same restlessness that had just passed through his heart along with the wind.

"Yes Father..."

"Sister, do you remember Mrs. Sang, the widow who came to the cathedral last year and asked to buy some vegetables for her husband's memorial meal?"

"Yes, Father, I do," Sister said respectfully. "I helped with the funeral after her husband died."

"But you haven't been back to see her since?"

"No, Father."

"Do you consider that to be the behavior of one who loves others as themselves?"

"No, Father. I've failed in my duty. But she isn't one of the baptized."

"Isn't it true that all people in this world were created out of nothing by Our Father On High?"

"Yes, Father."

"And so, as our Father's servants, don't you think that we too should strive to create something out of nothing?"

“I understand, Father.”

“Sister, I know that you have been building the Kingdom of Heaven with your compassionate works for a long time without thought for your own hardship. This is just a gentle reminder.” Sister Gian arrived at Mrs. Sang’s house when the sun was at its peak, radiating its dry, hot light over the crisp weather that made people’s skin dry up and flake off because it was impossible to sweat in that autumn wind. Mrs. Sang, after breaking the teapot and finding her husband’s rotten tooth, had been holding it in her hand for a long time while wondering what to do. She should have been hanging up her blanket to air and spreading peanuts out in flat baskets to dry in the sunshine, but that tooth in her hand seemed to prevent her from doing anything. So instead she sat on the windowsill and gazed out fretfully at the courtyard, watching the banana leaves sway back and forth in the breeze and feeling the sway- ing within her heart. The tooth she had just found did not conjure up images of a brutal, drunken husband, but rather pleasant, sweet memories. The night before he had rinsed his mouth and spit out the tooth, she had wiggled it back and forth with her tongue to loosen it up for him, knowing that its jagged edges often caused him to lose sleep for weeks on end. His lovemaking that night had been sweeter than usual, as though her tongue had taken away his toothache and set him on fire. He’d been as dumb and harmless as a water buffalo being scrubbed with a straw brush while bathing in the spring...

, hello Sister!” Mrs. Sang sprang to her feet and stepped out into the courtyard, stuffing her late husband’s tooth into her pocket and grasp- ing Sister Gian’s baggy black sleeve. In her nun’s habit, the sister’s skin looked unusually pale while her lips were as red as though painted. “I haven’t seen you for a while, Sister!”

“I’ve been so busy!”

“I just dropped and broke my teapot. We’ll have to make do with the eugenia tea I made on the stove.”

“Thank you child. The cathedral has a eugenia tree as well. I often partake of it with the old caretaker. Back in my hometown of Hue, people love eugenia tea. My, what is it with today anyway? Just a little while ago I got all shaky and dropped something too, the Father’s little box of sacraments.”

“Really? It’s because of this windy weather. It makes me feel trembly inside. Sister, I’ve heard that the eugenia tree in the cathedral garden is over one hundred and fifty years old, that it was there even before Father Bay built the cathedral. Is it true?”

Sister Gian crossed herself as she said, “May Father Peter Bay’s soul rest in peace. You’re ask- ing about things from before my mother superi- or’s time, how could I possibly know?”

Sister Gian asked how Mrs. Sang’s crops were getting on. She lamented the cathedral’s poor har- vest this year. The people sent only their old ladies to plant and tend the church’s garden, she said, resulting in stunted plants that were hardly worth the effort. The harvest of corn and commemora- tive fruits wasn’t even enough to pay for the fertil- izer. The peoples’ offerings to the church had also withered away, with each year bringing in less.

“Ain’t it the truth!” said Mrs. Sang. “Anyone who can work is out scratching out a living to feed their children. The fact that the villagers send their elderly to the church to help out at all is proof of how much they love you and the Father. Besides what you get from us villagers, your people out there should be sending money to support the church.”

“But shall the sheep allow their shepard to starve?” the Sister protested. “I’m not thinking of myself, I can eat anything and wear anything, but the Father is our superior and couldn’t

possibly!”

“It’s just our parish is so poor.” Mrs. Sang licked her lips. “Everyone works their fingers to the bone and we still go hungry. And our village has more widows than other villages. Everything is more difficult when there aren’t enough men around, don’t you think, Sister?”

Mrs. Sang’s eyes were glistening, overflowing with the emotions she’d been battling without release since the morning. What was it with today indeed? The autumn wind had come, conjuring up a long-lost tooth and whipping up uncomfortable ripples in the surface of her stagnant little pond. Feeling suddenly bold, Mrs. Sang spread wide her arms and then threw them around Sister Gian’s tiny waist as though hugging a girlfriend from the village.

“You’re suffering too, aren’t you Sister? After all you’re only forty years old!”

Sister Gian flushed and wriggled out of the arms of temptation, then crossed herself and whispered a prayer of offering for good measure. *Holy Mother, I have offered You my eyes, my ears, my tongue, my heart and my whole being so today I beg you, Mother Mary, I beg you for mercy, I ask that you keep me as your own. Amen.*

Mrs. Sang couldn’t hear what the Sister was mumbling, but she pulled back, surprised to see the Sister shaking. She looked as frightened as if she had just stepped on a snake. When she composed herself, Sister Gian said,

“No, my child. I have given myself to the Lord and His Church. I have died to my passions and am as cold as ice now. I no longer suffer.”

“But I can’t be like you, Sister.”

“If you truly desired it, no one could stand in your way. The embrace of the Holy Mother and her children is infinite, and She never refuses anyone who comes to Her.”

“Are you saying I should become a nun like you?”

“Not at all. But if you agree to be baptized like the other faithful in the village, the Lord will forgive you of the original sin passed on to you by your forebears. And you will no longer suffer and feel torment when the autumn wind comes.”

“Is there no other way for me, Sister? Maybe if I remarried?”

Sister Gian gazed at the widow before her with pity. Her superior had told her to build the Kingdom of Heaven by redeeming this woman. To bring a stray sheep into the fold, he had said, one must first offer it fodder. There was the cathedral garden; it was huge, and tended only by a few elderly volunteers in a feeble effort that might better be expected at a Buddhist temple. They needed to hire an able-bodied person, experienced in the cultivation of new strains and new methods. “If you think it’s a good idea, Sister, tell her to come to work for the cathedral,” the Father had said. “I will pay her generously, and it will give you the opportunity to talk to her on a regular basis.”

Mrs. Sang did not refuse. Working for the church would be better than a hand to mouth existence scrounging firewood in the exhausted forests of Ngàn Éo, she said. But she’d need some time to put things in order first.

Sister Gian left. She knew that she would have to return many more times. In her heart, she

pitied this widow who had suffered so much, with so little recourse, and had escaped her life sentence of misery only by becoming a widow. But that widowhood would become another kind of life sentence if the woman did not offer herself up wholeheartedly to the Good Lord.

Mrs. Sang wrote the day off after that, and no longer worried about doing any of the work waiting for her in the house or garden. She felt that this was a day of particular importance. Perhaps it was the wind that had led her to find the rotted tooth of her husband, of whom she now had only tender, sweet memories. Never mind all of the beatings and humiliations and resentment; all was forgotten now. She took the tooth out of her pocket and examined it, wondering again what she should do with it. It was part of her husband's remains, after all, so she mustn't do anything imprudent. She thought and thought, even forgetting to light a fire for the evening meal. Even so she didn't feel hungry. On a day like today, eating seemed superfluous. She felt as light as air, suspended somewhere between reality and fantasy, between hunger and satiation, not even hearing her own footsteps as she walked or feeling her own hands as she aimlessly picked up things in the house. She'd felt this before, she remembered now. She'd had a few days like this back when she was first married. And there was another time too, when her life with her husband was as rumpled and filthy as a rag in a pile of hellish diapers, there was the night when pity and naivete had led her to allow 'Weiner' Ca to mount her and roll her back and forth like a stripped-white round of banana wood on his rickety camp bed. It was the same feeling of airiness that she felt now. But the bliss she had felt on those other occasions was real, whereas the lightness she felt today was but an echo, a fading, ethereal dream. Her soul felt anguished and taut, and her heart crushed and ruined, when she realized that it was all over for her, and everything was sinking into a morass of despair. At that moment, the thought flashed through her mind: "Maybe... maybe becoming a nun like Sister Gian would make it stop!" But the unwelcome thought frightened her. It was true that the people of the village were fond of and respected Sister Gian for her compassion and good works. But any time she called on the people to get baptized, the villagers shuddered to think that they could be such a traitor and avoided the good Sister as though she had suddenly morphed into a demon leading them down the road to damnation. For who could possibly abandon the altar of their ancestors, or neglect to make offerings to the Buddha on the day of the full moon? Mrs. Sang was gripped with fear at the thought of it. She gave a great sigh. Her thoughts were in a complete muddle now. It was all the fault of that damn wind! Only yesterday she had been as peaceful and serene as a cat sleeping in a haystack, and today she had become a deer who has burst out of its pen and is flitting frantically across the fields.

She went to bed hungry that night. It had been a long time she had done that; now that she no longer had the dubious help of her husband, she had managed to store up a good supply of paddy which she conscientiously replaced every year. In the morning, she felt she could hardly lift herself out of bed. Her face flushed beet red as she remembered the wild and wicked dreams of the night before. Finally she had to thrust both hands between her legs and after a few moments of grinding, gritted teeth she was able to come fully awake.

Another weightless, miserable day passed. The autumn wind blew more energetically than ever, as though it had just burst out of a cage and was seeking a path across the moors of Thien Nhen mountain into each person's house and each person's soul to seduce them, call up memories, and then goad them into destruction or keening. This strange wind that sucked all of the heat and moisture out of the air left no one untouched. That night, as she tossed and turned on the bed with the fan-shaped headboard that she had bought when she was first married, Mrs. Sang noticed the latch-string on the door suddenly jerk and fall to the floor. The door opened and 'Weiner' Ca stepped inside.

He couldn't imagine how it happened, he told her, but that autumn wind had blown clean away the lean-to attached to his house. Perhaps it was because his house had no sheltering hedge of bamboo around it, but the lean-to had been ripped off his house and carried all the way into

his garden where it had neatly crushed a row of freshly-planted kohlrabi, a tortoise-shell cat, and two puppies that had just been weaned. He had poured all of his savings into that garden in the hopes of earning enough money to rebuild his dilapidated house before the Lunar New Year. Now, after such a catastrophe, he was depressed, miserable, and could not possibly get to sleep. There was nothing left to do but to come to her. He had been watching and lusting after her for two years. For propriety's sake he had intended to wait until her three years of mourning was up, but what was the point now, why should he wait any longer?

"Turn out the light!" he urged her.

Mrs. Sang was still hesitating as he quickly stepped up to the table and grabbed the oil lamp. He didn't bother to blow it out, but rather turned it upside down in his rush to drown the light, then pulled her down onto the bed.

'Weiner' Ca slept the sleep of the dead until the following afternoon. Mrs. Sang boiled up an entire nest's worth of balut eggs, good ones that had been developing for seventeen days, then set them to soak in a bucket of cold water so that they would be easy to peel and waited for him to awake.

Sister Gian was watering the vegetables when the old caretaker came to tell her the priest wished to see her. She had noticed that he'd been leaving his light on at all hours of night these past two days. His window faced northwest, which naturally enough was the direction from which the autumn wind came, yet he did not close his window. The light spilled out of the window to illuminate half of the garden, and because her room was in the row of quarters that lay perpendicular to his that unexpected light, coupled with the moaning of the season's first wind, caused Sister Gian to lose sleep as well. Her hometown of Huï had occasionally experienced an autumn wind, but it was not as devilish and malicious as this wind.

"I'm here, Father. Are you not well?"

"No, I'm fine. I just wanted to remind you about Mrs. Sang. Have you been back to see her yet?"

"I'm sorry, Father. I was planning on going this afternoon."

"Well, tell her to hurry up with her arrangements. The autumn wind is here and the vegetables are ready to harvest. The kohlrabi that the Bishop gave to the church will no doubt bring a good price, but they need someone who will take care of them. We must not disappoint our superiors."

"I will do as you say, Father," said Sister Gian, and she felt an overflowing pity for this man who stood before her. Dear Lord, she prayed, may you save such tender and easily swayed souls.

When she arrived at Mrs. Sang's house, the door was closed. Perhaps the wind was too strong, she thought, or the woman is ill. She gently cracked open a shutter and peeked in. She saw 'Weiner' Ca lying on the bed, spread-eagle and bare-chested, his face weary and rumped but utterly blissful as he chewed noisily on the bits of balut egg Mrs. Sang was feeding him with a spoon. She was straddling him with her bare back to the door so the Sister could not see her face, only a cascade of black hair rippling down her back as though dancing against her naked flesh.

"Hey, if you lose an upper tooth, should you throw it under the bed or up on the roof?" Mrs. Sang was asking as she tipped another spoonful of egg into her lover's mouth.

"Poppycock! Just chuck it anywhere!" 'Weiner' Ca replied as he munched away.

The Sister quietly backed away. Between the moaning of the wind, and the fact that Mrs. Sang was preoccupied throwing something under the bed, the two lovers never knew that she had come and left in utter silence.

After that day, Sister Gian was never seen in Kê Đông again.

Kim Giang, 1997

(Translated by Rosemary Nguyen – Seattle – USA)

NGƯỜI ĐÀN BÀ ĐỢI Ở BẾN XE

Sau khi li dị, Toàn quyết định không lấy vợ nữa. Anh không thổ lộ ý tưởng ấy với ai, gom tiền mua một căn hộ trong khu chung cư “hác lem”. Sắm sửa các thứ tối thiểu trong nhà xong, anh thành tay trắng. Nhưng Toàn tự thấy được an ủi là từ nay trong nhà anh không có đàn bà.

Đàn bà, với anh là chị vợ cũ, người anh đã yêu khi chưa biết thế nào là tình yêu. Đã cưới khi chưa biết thế nào là hôn nhân. Đầu tiên anh mắt ăn mắt ngủ vì nụ cười lộ hai hàm răng trắng và đều, khi chị cho anh hôn, anh nhớ mãi vị ngọt của nụ hôn đầu tiên trong đời, khi anh cùng chị đi chơi ngoại thành mát mưa, phải đứng với nhau ba tiếng đồng hồ trong một cái điểm canh đê, anh bàng hoàng chạm phải da thịt cùng làn sóng lạ lẫm đang dâng lên khắp nơi trên thân thể chị. Và sau đêm đó ở cái điểm canh đê chị đòi anh cưới. Chị nói không thể sống mà không có anh. Còn anh, anh thêm thường nhớ lại chuyện xảy ra trong điểm canh đê, anh muốn làm như thế một lần nữa, lần nữa. Và anh cưới chị, hai người ở trong căn hộ cơ quan phân phối cho anh khi còn độc thân.

Những ngày đầu tiên tuyệt vời, anh đi làm về đã thấy một mâm cơm trên bàn còn trên tấm trải giường màu hoa lục là chị nằm đọc cái gì đó, khi mặc một bộ váy ngủ, khi không mặc gì cả để đón anh và anh bỏ mặc mâm cơm, đồ xuống chị như một cây chuối bị đốn bởi niềm đam mê.

Giờ thì anh không còn nhớ gì đến những chuyện đó nữa, nụ hôn, cái điểm canh đê trong cơn mưa, bộ váy ngủ và những làn sóng dâng lên nhấn chìm anh trong phút chốc. Anh chỉ còn nhớ một người đàn bà. Anh nhớ chị lục tìm trong áo khoác anh cái ví, chị rút tệp giấy bạc kỳ lương còm của anh ra, chị thấm nước bọt lên ngón tay, đếm từng tờ rồi bĩu môi nhìn anh đang ngồi bó gối trên chiếc ghế dựa cũ xin của cơ quan, anh co rúm lại trong sự bất lực về mình, về cái nghề bạc bèo và công việc bèo bọt của anh ở cơ quan nơi có người kiếm tháng năm bảy trăm đô còn những loại như anh chỉ lĩnh năm bảy trăm ngàn tiền Việt. Anh nhớ những lần chị vùng dậy ngồi lên vịn người rồi ra nhà tắm trút bỏ một cách kiên quyết những gì anh đã cho chị như thái một thứ ô nhiễm độc hại nhất, chị nói chị sẽ không bao giờ có con với một thằng “giẻ cùi” và hồi là đã nhẹ dạ. Anh nhớ nét mặt lạnh và tỉnh bơ khi chị bắt đầu giai đoạn ra phố sau bữa cơm tối, về rất muộn. Vốn “sĩ” và nhu nhược, anh không hỏi chị đi đâu cho đến một đêm chị không về, cho đến một ngày, sau khi anh đi công tác vào Pleiku bảy tháng, khi anh về, chị trân tráo nói với anh là chị đã có thai được ba tháng rồi. “Bây giờ anh muốn làm gì thì làm, tùy anh”. Anh nhớ câu nói ấy và chỉ nhớ câu nói ấy với nét mặt trân tráo thách thức sáng ngời khoái cảm của người ăn vụng.

Anh mừng là căn hộ mới của anh không có đàn bà.

Như mọi buổi chiều, anh ra bến xe buýt cách cơ quan không xa để chờ xe về nhà. Chiếc Honda 81 anh đã phải “đi ở” để trả nốt số nợ mua căn hộ vào năm ngoái. Anh đã quen không đi xe máy mà đi xe buýt, chiều nào anh cũng đi chuyến xe cuối cùng chưa bao giờ bị nhỡ. Anh nghiệm ra nhu cầu của con người có chất cao-su, già định không còn xe buýt mà phải đi bộ thì anh cũng sẽ đi bộ một cách vui vẻ như khi chuyển từ xe máy sang xe buýt. Anh ngồi lên chiếc ghế của trạm đợi xe dọc đường trong đầu nhâm nhi cái ý nghĩ A.Q rằng mình “dùng” xe buýt nhà nước còn sướng gấp vạn mấy thằng đi xe máy đội mũ sắt mồm bịt khẩu trang như lính cứu hỏa đang vật lộn với bụi đường và đồng loại. Cho nên anh quên không nhìn thấy một người đàn bà ôm đứa con nhỏ đang co ro ngồi tít một đầu ghế. Trời rất lạnh, có mưa nhỏ rơi tí tách lâm thâm trên mặt đường. Khi nhìn ra chỉ có mình và người đàn bà ôm con nhỏ chờ chuyến xe vét qua trạm này, anh luống cuống như chính anh vừa hẹn chị ta ra đây với anh chứ không phải tình cờ. Anh đỏ mặt vì lạnh, vì bối rối. Sau ngày ly hôn anh không đi với người đàn bà nào ngoài phố. Trong các cuộc họp cơ quan, anh đứng dậy đi chỗ khác ngay nếu có một cô mắt xanh mỏ đỏ hay cả bà tạp vụ xô xè ngẫu nhiên ngồi xuống cạnh mình. Anh chưa hề nói với ai là anh không ưa gần phụ nữ. Chỉ anh biết là, mỗi lần nói chuyện với họ, ngồi bên họ là anh lại thấy lại, nhớ lại chị và câu nói tỉnh bơ đầy vẻ hân hoan kia.

Đường phố đã lên đèn. Dãy đèn cao áp vàng khè trong mưa. Người đàn bà bế con ngồi xích lại gần anh, nhìn anh khẩn khoản:

- Nhờ ông bế hộ cháu một tẹo, tôi đang lo là không còn chuyến xe nào nữa.

- Chị đi đâu? - Anh hỏi - Nếu xe đến thì sao?

- Tôi đi một chút thôi. Nếu xe đến thì ông đặt cháu xuống ghế giúp tôi.

Anh không nở chối từ. Vốn ít tò mò, anh cũng không hỏi chị đi đâu. Anh nhận đứa bé từ tay chị. Thằng bé khoảng chẵn năm, má đỏ hồng, ngủ say sưa trong mớ quần áo ấm không sang trọng gì lắm nhưng cũng không thể nói là tồi. Mùi sữa, mùi hơi thở trẻ con phả vào anh làm anh bưng tỉnh.

- Nhờ ông trông hộ cái túi.

Chị nói rồi chạy vào trong mưa. Anh nhìn theo, thấy chị đến chỗ bức tường bao một cái sân chơi. Chị ta ngồi xuống, mắt dưng trong bóng tối của bức tường đổ xuống một vệt dài và anh hiểu chị gửi con cho anh để làm gì. Anh xấu hổ, tự trách mình sao lại nhìn theo chị. Vừa lúc đó chiếc xe buýt quen thuộc mang số 56 trở tới. Thấy chỉ có mình anh ôm đứa bé ngồi trên ghế đợi, anh phụ xe lao đầu ra: "Chờ xe thì lên!". Anh không trả lời. Trên tay anh đang có thằng bé và cạnh anh là cái túi của người đàn bà. Làm sao anh có thể để lại hai thứ đó trên chiếc ghế. Chiếc xe buýt không dừng, tăng ga rời trạm chờ. Anh nhìn theo, dưng dưng. Đi bộ về nhà mất khoảng nửa giờ nhưng trời lạnh thì cũng chẳng ngại. Anh ôm chặt thằng bé vào lòng vì thấy nó cựa quậy trong vòng tay. Anh ngồi như thế một lúc. Anh không lo lắng gì về phần mình mà chỉ lo cho người đàn bà. Liệu chị ta có tiền để gọi một chiếc xe ôm hay không?

- Em thật tệ, làm ông nhờ chuyển xe. - Người đàn bà quay lại, bế thằng bé về, nói.

- Không sao - anh nói - nhà tôi cũng gần, đi bộ cho ấm người cũng hay. Chị về đâu?

- Dạ, em về bến xe Hà Đông. Em tính đêm nay ngủ ở nhà đợi để sáng mai đón xe về Vân Đình sớm.

- Để tôi gọi cho chị một chiếc xe ôm nhé?

Người đàn bà nhìn anh hốt hoảng. Anh hiểu ngay là chị ta không có tiền. Đáng lẽ anh phải hiểu ra điều đó ngay vì nếu đủ tiền thì chắc chị va không ôm con mà chờ chuyến xe vét câu âu như thế.

- Dạ thôi - chị va nói - em hãy đi xe máy lắm. Mẹ con em ngủ lại trạm chờ này cũng được. Sáng mai lại được đi chuyến đầu tiên.

Lại A.Q rồi. Anh nghĩ bụng, làm sao chị va với thằng bé có thể ngủ ở cái trạm xe buýt do một công ty nước ngoài dựng lên để quảng cáo. Chiếc ghế bằng granitô, trên là một cái mái che hình cánh chim kiểu cách nhưng không che được cả mưa lẫn nắng. Và tất nhiên không có gì ngăn lũ du đãng thường dùng nơi này để qua đêm và tiêm chích. Tại sao mình lại không thể đón chị ta về nhà? Anh ngó lờn và đưa tay đón thằng bé. Nhưng thật bất ngờ, người đàn bà từ chối quyết liệt. Chị nhất định không đi theo anh mà cứ khẳng khẳng bảo mình sẽ ngủ ở đây, làm như cái ghế đợi là thiên đường của chị không bằng. Anh ủ rũ rời trạm đợi xe, đi bộ về nhà.

Nhưng anh không ngủ được. Mưa mỗi lúc một nặng hạt. Anh tưởng tượng đủ mọi tình huống xảy ra với người đàn bà trên chiếc ghế đợi vắng vẻ trong đêm và trong mưa. Anh lục lọi lấy ra mấy cái áo mưa rề tiền cũ và mới. Vào lúc nửa đêm, anh đi bộ về trạm đợi xe. Người mẹ đang nằm co lại như con tôm trên chiếc ghế, hai tay ôm chặt thằng bé vào lòng như sợ nó rơi mất. Chắc chị không

ngủ vì khi anh vừa bước từ đường nhựa bây giờ đã vắng ngắt lên trạm đợi, chị ngồi dậy ngay.

- Ông, thế mà em tưởng...

Nếu mình đúng là thứ người chị ta tưởng thì chị ta cũng làm gì được trong đoạn phố vắng teo và mưa rả rích thế này. Anh nghĩ bụng và ngồi xuống cạnh chị.

- Tôi không thể để chị ngủ đây. - Anh nói với giọng kiên quyết. - Chị phải về nhà tôi, sáng mai hãy ra đón xe.

Anh nói như anh là một đội viên dân phòng có trách nhiệm bảo vệ người vô gia cư ngoài đường phố, như anh đã giao kèo với Thượng Đế phải bảo đảm an toàn cho hai linh hồn phiêu bạt.

Người đàn bà không từ chối nữa. Chị đưa con cho anh và đi bên cạnh, giương chiếc áo mưa rách lên che những giọt mưa chéch rơi lên đôi má lộ ra giữa tấm khăn choàng như hai quả trứng gà.

Thế là trong căn hộ của anh lại có đàn bà. Không những thế, còn cả một đứa bé. Điều đầu tiên anh phát hiện được khi người đàn bà và đứa con bước vào căn hộ anh ở, dưới ánh đèn nê- ông là anh thấy chị ta đẹp. Một khuôn mặt nhẹ nhõm, đúng là hình trái xoan và phía bên trong, theo cảm nhận của anh là vẻ dịu dàng của người quen phục tùng và cam chịu. Anh tưởng thế. Điều thứ hai anh phát hiện ra là cả hai mẹ con đều đói. Khi thấy chị quay người ý tứ mở cúc áo ngực cho con bú, anh không nhìn nhưng biết chị ta đang cố vắt nặn bầu vú còn thẳng bé thì khóc thét lên, rồi chị nhăn nhó đau khổ vì bất lực, hai bàn tay run như giã, anh biết là sữa không chảy ra. Người mẹ đang đói. Anh lấy ấm điện đun nước sôi rồi dốc cạn hộp sữa ăn dở của mình. Lúc đầu chị bảo không quen uống sữa, chị không đói. Nhưng khi anh nói chỉ cần uống một cốc thôi là sữa sẽ chảy ngay (anh nói vong mạng theo lối suy nghĩ đơn giản chưa hề được kinh nghiệm chứng minh) thì người đàn bà vò chiếc cốc trong tay anh, nhìn anh với đôi mắt biết ơn, cảm động và chị uống cạn cốc sữa một cách ngon lành.

- Có thật sữa sẽ ra không ông?

- Đúng thế. - Anh nói - Chị uống thêm một cốc nữa thì nó sẽ ra nhiều hơn.

Anh nài chị uống một cốc nữa. Quả nhiên sữa chảy ra và thẳng bé bú no nê, lại ngủ trong tay chị.

- Bây giờ chị đặt nó xuống giường tôi để nghỉ tay một lúc. Tôi đi nấu hai bát mì ăn liền, chắc chị đói mà tôi cũng thế.

Người đàn bà không nói gì. Chị không khách sáo nữa. Chị đói thật. Nhưng một cái gì lớn lao hơn cái đói đang chiếm lĩnh tâm tư chị. Họ ngồi ăn mì bên cái bàn viết của anh. Anh cứ ca mãi cái điệp khúc, rõ ràng là anh vẫn có thói quen vạch lá tìm sâu để trách móc một cách hào hứng những khiếm khuyết của đàn bà:

- Chị sợ cái gì mà nhất định không vào đây? Chị sợ tôi hơn những thằng lưu manh đi ăn đêm ngoài phố hẳn? Chị thấy chưa, nếu chị cứ khăng khăng ngủ ngoài đó thì khéo thằng bé chết đói.

Chị nhìn anh một cách ý nhị và sau khi ăn, trông chị dễ nhìn và hấp dẫn hơn lúc nãy. Anh còn nhận ra chị là người có học trong cái nhìn ấy. Nhìn chị anh có cảm giác như lần đầu tiên mình nhìn thấy đàn bà, một cảm giác không thể tin được đối với anh.

- Em hãi đàn ông, bác ạ. Cứ mỗi lần có người đàn ông nào rủ em đi đâu hay làm cái gì là em cứ run bắn lên. - Chị không gọi anh là ông nữa, tiếng bác làm anh hài lòng và thấy thích hợp, đúng là nếu không có thằng bé thì không bao giờ anh đưa người đàn bà này về nhà mình.

- Thế à? - Anh nói kèm một nụ cười chua chát. - Trong đời tôi chỉ thấy những người đàn ông khổ vì đàn bà còn chưa thấy chuyện ngược lại.

- Cũng có thể như thế. - Chị nói với vẻ từng trải và biết điều. Và chị nói thêm - Nhưng em thì không thấy như thế.

Quả thật có mỗi chỗ nằm và một cái chăn duy nhất thì thằng bé chiếm mất rồi. Họ ngồi bên bàn, không ai dám nói đến chuyện đi ngủ. Cũng như bất kỳ người phụ nữ nào, chị là người đầu tiên hỏi anh về vợ con, về gia cảnh. Anh trả lời qua loa những câu thuộc “đáp án” đã được anh soạn sẵn từ lâu để giải thích cho thân tộc hay bạn bè về chuyện gia đình anh tan vỡ mà không phải nói xấu một ai, không phải nói thật những suy nghĩ của anh về đàn bà. Giọng nói của anh có vẻ chân thật đến nỗi chị muốn kể cho anh nghe chuyện của mình. Nhưng chị không kể. Vô ích. Tưởng cái làng quê của chị làm chị mất mọi cơ hội được làm mẹ, làm vợ. Chị bỏ nghề dạy học, theo hấn về thành phố. Hấn đẹp trai, mồm mép và nguy hiểm nhất là hấn rất hào phóng và tử tế. Chị chưa nói dối ai nên hấn nói gì chị cũng tin. Hấn sống với chị trong một căn hộ thuê của ai đó, hứa sẽ cưới chị khi đủ tiền mua một căn hộ khác đàng hoàng hơn. Chị tưởng đã có một gia đình, có một người chồng tài ba, kiếm được nhiều tiền bằng cách nào chị không có quyền quan tâm và hỏi han. Khi thằng bé ra đời thì hấn không bao giờ nói tới chuyện cưới xin nữa. Bà hàng xóm bảo chị: “Thằng nào cũng thế. Có con rồi thì không chịu cưới nữa”. Cho đến hôm nay...

Anh nghe, nhớ lại ngày anh ở Pleiku về nhà và thấy vợ anh xanh xao, nôn ọe với cái thai gần ba tháng.

- Khi em đưa thằng bé đi tiêm chủng về thì “bà ta” đang ở trong nhà. Thì ra vợ anh chồng hờ của em đang sống với hai đứa con chỉ cách chỗ em ở vài cây số, ngay trong thành phố. Bà ta quẳng cho em cái túi còn em thì chỉ kịp nhặt lên rồi đi ra đường. Hôm nay trời mưa, em chỉ lo mỗi chuyện đó, thằng bé mới tiêm chủng mà ướt mưa, người ta bảo như thế sẽ rất độc. Em phải đi thật xa chỗ đó, càng xa càng tốt. Em sợ bà ta đuổi theo, lại lo thằng bé bị ướt nước mưa. Em lên vào trạm đợi xe... em đã nói dối bác.

- Sao chị lại cười? Chuyện của chị có gì đáng để cười đâu?

- Em mà khóc thì không nuôi con được. - Người đàn bà nói - Bác thấy đàn ông họ có tài không? Bà ta chỉ ở cách chỗ em hai cây số...

Nhiều ngày đã trôi qua, nhưng không bao giờ Toàn thấy người đàn ông “tài ba” ấy đến tìm thằng bé và người đàn bà. Có thể anh ta không biết họ đang ở đây, trong căn hộ chật chội của Toàn. Cũng có thể anh ta biết mà không đến. Nhưng đối với Toàn cũng như người đàn bà bất hạnh, chuyện đó chẳng quan trọng gì. Anh không còn bận tâm về chuyện nhà mình lại có đàn bà. Chỉ biết là anh bớt đăm chiêu hơn, thỉnh thoảng anh không phải ăn “bim bim” hay lạc rang trừ bữa và anh không còn nhớ gì về những chuyện anh vẫn nhớ, về một người đàn bà khác lạc ví anh rồi nhìn anh khinh bỉ, xanh xao, nôn ọe ngày anh ở Tây Nguyên trở về. Anh cũng quên luôn những gì anh nghĩ với vẻ đắc ý và tự hào về cuộc sống đàn ông độc thân. Cũng may mà anh chưa nói với ai về chuyện ấy. Một hôm, có lẽ là ngày thứ mười ba kể từ lúc tá túc nhà anh, anh đi làm về và không thấy chị và thằng bé đâu nữa. Trên bàn có một bức thư, nét chữ rất đẹp, đúng quy cách, nét chữ cô giáo trường làng. “*Mẹ con em xin phép bác, thế này là phụ ơn bác quá. Nhưng em muốn về quê. Em không thể... em biết nếu ở lại thì chuyện gì sẽ xảy ra dù bác chưa nói với em lời nào. Nhưng em không thể, em vẫn còn hãi lòng dạ đàn ông, bác hiểu cho em. Em và cháu lạy bác về công ơn cứu mạng,*

đùm bọc...".

Anh bàng hoàng nhìn mâm cơm dọn sẵn cho anh và mớ quần áo vừa khô được xếp ngay ngắn đặt trên mặt chiếc tủ ly nhỏ. Anh rùng mình nghĩ tới những giây phút cô đơn trước đây. Đã lâu lắm, lần đầu tiên anh thấy thiếu một người đàn bà.

THE WOMAN AT THE BUS STOP

After his divorce was final, Toàn decided he would never marry again. He didn't tell any- one of his decision. He scraped together enough money to purchase an apartment in a run-down area of town, and after buying the bare necessities for his new home he was broke. But he comfort- ed himself with the knowledge that from now on there would be no women in his apartment.

Women, to him, meant his ex-wife, the woman he had loved back when he was still ignorant about love, and married when he was still igno- rant about marriage. When he first met her, he had lost sleep and lost weight thinking of her smile, with its two rows of even, white teeth. When she allowed him to kiss her, the sheer sweetness of it – it was his first time ever kissing a woman – was something he thought he would remember forev- er. Then came the day they took a trip to the countryside and got caught in a rainstorm which forced them to spend three hours sheltering in a dike watch station. He brushed up against her and was flabbergasted to find not the soft layer of silk he had been expecting but rather soft flesh trembling under some kind of strange wave that was rising all over her body. She demanded that he marry her after that night. She said she could not live without him. As for him, he tingled with desire every time he remembered what had happened in the dike watch station, and he wanted to do it again, and again and again. So he married her, and she moved into the apartment that his office had assigned to him when he was still single.

The first days of their marriage were wonder- ful. When he came home from work he would be greeted by the sight of dinner spread out on the table and his wife spread out reading on the burgundy sheets of their bed, sometimes wear- ing a nightie and sometimes nothing at all. Those days, he would ignore the dinner and fall on her like a chopped-down banana tree, over- come with passion.

Nowadays he no longer remembered such things, the kisses and the watch station in the rain and the nighties and the waves that rose up to quickly submerge him. All he remembered now was what he had come to define as woman. He remembered how she rifled through his coat for his old, faded wallet, then pulled out the scrawny wad of bills that was his monthly salary and wet the tips of her fingers to count each last bill. How her lips pursed when she looked at him sitting with his knees drawn up to his chest on the old armchair he'd mooched from his office. He shriveled up in his impotence, in his thankless profession and his pathetic job at an office where some earned over five hundred US dollars a month while his type barely earned over five hundred thousand Vietnamese dong. He remembered how she sprang up, almost contorting herself in her rush to get to the bathroom to diligently rid herself of what he had just given her as though she were flushing out some sort of unhealthy pollution. She told him she would never bear a child to such a useless man as he, and that she had been a fool to sleep with him that night by the dike. He remembered her cold, unconcerned expression when she started going out after dinner and staying out until the wee hours. Being a timid man who cared deeply about saving face, he never asked her where she went, not even when she stayed out all night. Finally, after a busi- ness trip to the Central Highlands that lasted seven months, he came home to his wife's barefaced dec- laration that she was three month's pregnant. "Do whatever you want, I don't give a damn!", she said.

He would always remember that statement. It was all he could remember now, that

statement and her shameless, challenging expression. And how her face shone with the pleasure of her illicit affair.

He was glad that his new apartment did not have a woman.

This afternoon, just like every other, he was waiting at the bus stop near his office to catch the bus home. His '81 Honda had been 'sold into slavery' for less than it was worth the previous year so that he could finish paying off his apartment. He had grown used to taking the bus instead of riding a motorcycle. Every afternoon without fail he caught the last bus of the evening. People's needs are elastic, he realized. Suppose there were no bus and he was reduced to walking home, no doubt he would adjust to the daily walk as cheerfully as when he had switched from motorcycle to bus. He sat on the bus stop bench, mulling over this comforting little piece of self-deception, and telling himself that he was a thousand times better off using the government bus service than those poor chumps on motorcycles, burdened with their metal helmets and trapped behind their cloth masks, looking like so many miserable firemen as they battled the dusty roads and their fellow-creatures. He was so lost in his thoughts that he did not notice the woman holding a small child huddling at the other end of the bench.

It was a very cold evening, with a drizzle drumming wetly against the pavement. When he looked up and realized that he and the woman hugging her child were the only inhabitants of the bus stop, he felt suddenly flustered as though she were here at his invitation rather than chance. He flushed, partly for the cold and partly for embarrassment. He hadn't been out with a woman since his divorce. In meetings at his office, he always stood up and moved immediately whenever a woman happened to sit next to him, whether she was young and attractively made-up or the old busybody who worked as the company gopher. He had never told anyone that he did not like to be near women. He only knew that, every time he had to talk to one or sit next to one, he would see and remember her and those casually cruel words she had said with such sinful joy.

The streetlights flickered on, spreading their deep yellow, high-voltage light through the mist of rain. The woman with the child scooted closer to him and looked at him imploringly.

"Can you hold him for a second? I'm afraid there might not be another bus after this one".

"Where are you going?" he asked. "What if the bus comes?"

"I'll only be gone for a moment. If the bus comes, you can just put him down on the bench for me."

He couldn't find it in his heart to refuse. Being incurious by nature, he did not ask her any more questions. He accepted the child she handed to him. It was a little boy with rosy cheeks, about a year old, sleeping soundly in a bundle of warm clothes that weren't expensive but neither were they rags. The child's breath, fragrant with milk, tickled Toản's cheek. Toản gazed at him, feeling his senses awake and sharpen.

"If you'd just watch my bag, too..." The woman said, and ran off into the rain. He watched, and saw her arrive at the wall surrounding a playground. There she squatted, her shape merging into the long ribbon of shadow by the wall, and he understood what she was doing and why she had entrusted him with her son. Embarrassed, he was reproaching himself for having watched her when the familiar bus with its painted number 56 arrived. Seeing only one man holding a small child at the bus stop, the bus attendant thrust his head out and hollered "If you are waiting for this bus, hop on fast, mister!" Toản didn't answer. He had a small boy in his arms, and a woman's purse lying beside him; how could he leave them unattended on the bench? The bus gunned past the shelter, not bothering to stop. He watched it go, unconcerned. It would take him about a half hour to walk home, but in the cold weather he didn't mind. Feeling the child stir in his

arms, he tightened his hold and continued sitting there. He was not concerned for himself, but was beginning to feel concern for the woman. What were the chances she had the money to pay for motorcycle taxi?

“I’m so sorry, I made you miss the bus!”, the woman said when she returned and took the boy out of his arms.

“It’s no problem,” he said. “My house is near here, the walk home will warm me up nicely. Where are you heading?”

“I’m going to the Hà Đông bus station. I intended to spend the night in the waiting room there and then catch the early bus tomorrow morning to Vân Đình.”

“I’ll call a motorcycle taxi for you then, shall I?”

The woman gave him a look of panic, and he realized that she had no money. He should have known; if she had had money, she wouldn’t have been standing here hugging her child and taking her chances on the very last bus of the day.

“Er, no thanks,” the woman said quickly. “I’m frightened of motorcycles. We’ll just sleep here tonight, it’s fine. We’ll catch the first bus tomorrow morning.”

She’s putting on a front, he thought. How could she and her baby possibly get any sleep here, in a bus stop designed and built by some foreign company to advertise their products? It was nothing more than a granite bench with a pretentious, birdswing-shaped roof that kept out neither sun nor rain. And naturally there was nothing to shelter her from the bums that often used this place to pass the night and shoot their drugs. Why not bring her back to his apartment? He suggested this to her, and held out his arms to take the baby.

But to his surprise, his invitation was met with vehement refusal. The woman was sure that she did not want to go with him, insisting that she would sleep at the bus stop as though the hard bench were a veritable paradise. Downcast, Toán left the bus stop and walked home. But he couldn’t sleep. The rain was coming down harder every minute. He pictured all the terrible things that could be happening to a woman on a deserted bus stop bench in the middle of a rainy night. He searched around his apartment and found some cheap raincoats, some old and some new. At midnight, he walked back to the bus stop. The woman was curled up like a shrimp on the bench, her arms squeezing the child close to her as though afraid she might lose him. He was sure she hadn’t been sleeping, because when he stepped in from the ghostly silent street, she sat up abruptly.

“Oh, it’s you, I thought...”

If I were who she thought I was, he thought, what could she possibly do in this deserted street and interminable rain? He sat down beside her.

“I can’t let you sleep here,” he said decisively. “You have to come home with me. You can catch the bus tomorrow morning.” His voice was as authoritative as a member of a citizen’s patrol force who has been entrusted with the care of the homeless. As though he had signed a contract with God to protect these two wandering souls.

The women did not refuse this time. She handed him her child and walked beside him, holding up the ripped raincoat to shelter those rosy cheeks, peeking out from the blanket like two chicken’s eggs, from the slanting raindrops.

And so there was a woman in his house again. Not only a woman, but a child too. The first thing he discovered when the woman and child stepped inside was that, under the bright neon lights of his apartment, she was beautiful. An elegant, perfectly oval face and within, he sensed, a gentleness born of a lifetime of resigned submission. At least that is what he imagined. The second thing he discovered is that both mother and child were hungry. Although he did not watch when she turned away for propriety's sake before unbuttoning her blouse to nurse the child, he knew she was struggling, squeezing and pressing on her breasts, and the little boy was still squalling. She grimaced miserably, impotently, her hands shaking like mag-pie. He knew that she had no milk because she was hungry. He heated water in his electric kettle, then tipped in a half-used can of condensed milk. At first she said that she was not used to drinking milk and anyway she wasn't hungry. But when he told her that her milk would come in after only one glass (he was shooting in the dark with this, basing his promise on nothing more than his own untested and naive reasoning), the woman grabbed the glass from his hands with a grateful, fervent look and downed the milk in one gulp.

"Will it really make my milk come in?"

"No question about it," he said. "If you have another glass, you'll have even more milk." He insisted that she have another glass. And wonder of wonders, her milk came in and the child was able to nurse his fill, then fall asleep, satiated, in her arms.

"You can put him down on my bed now and rest your arms a bit. I'll make us some instant noodles. I'm sure you're as hungry as I am."

The woman said nothing. There was no point in any more polite refusals; she was in fact ravenous. But something much more important than hunger was occupying her thoughts.

They sat and ate at his writing desk. He found himself beginning to harp on her, unable to break his long-standing habit of looking for female shortcomings and diligently reproaching them.

"What were you so afraid of anyway? Why didn't you want to come home with me? Did you think I was more frightening than the lowlifes that lurk around the streets at night? You see, if you had insisted on sleeping out there, your little boy might have starved by now!"

She looked at him with exquisite delicacy. After she had eaten, she was even more attractive. He suddenly realized that she was an educated woman. Now that she had eaten, she was even more attractive. He felt as though he were seeing a woman for the first time. He shook off the feeling, disbelieving it.

"I'm frightened of men, mister. Any time a man invites me to go somewhere or do something, I can't help it, I get the shivers all over."

"Oh really?" he said with a sour smile. "All my life, I've only seen men who've been ruined by women, never the other way around."

"That's possible," she said with a world-weary and eminently sensible air. Then she added, "But in my experience, it hasn't been the case."

They realized that the apartment had only one bed and one blanket, and both were currently occupied by the little boy. So they continued to sit at his desk, neither daring to mention sleep. As is typical of women, she was the first to ask about his wife and children and general family

situation. He trotted out the vague answers in the ‘answer key’ he had prepared long ago to explain his situation to his family and friends without casting anyone in a bad light nor revealing what he really thought about women. His voice sounded so sincere, she had a sudden urge to tell him her own story. At first she resisted, convinced there was no use in it. But as the night wore on, she began to talk. How she had thought that she would never have the chance to be a wife and mother, living in her tiny rural village. How a man had come to her village and she had left her job as a teacher to follow him to the city. He was handsome, a good talker, and most dangerous of all, a real gentleman. She had never lied to anyone in her life and so believed everything he told her. They lived together in a little rented apartment and he promised he would marry her as soon as he had enough money to buy a more suitable place. She had believed they were a family, and that he was a talented husband and decent breadwinner even though she wasn’t allowed to wonder about or ask about how he earned his money.

Then their son was born, and he stopped talking about marriage. A neighbor lady told her, “All men are the same. As soon as you get pregnant, they want nothing to do with you.”

And then today...

As Toản listened to her, he recalled the day he returned home from Pleiku. He remembered how pale his wife was, and how she had retched with morning sickness from her three-month pregnancy.

“When I got back from taking my son to get his vaccinations, she was waiting for me in the apartment. Turns out, the man I thought was my husband had a wife and two children living just a few kilometers away, right there in the same city. She threw my bag at me, and I just grabbed it and ran. The only thing I was worried about was the rain. My son has just had his shots, and people say it’s really bad if a child gets wet right after shots. But I had to get far away from that place, as far as possible. I was afraid she would follow me, and worried about my son getting wet. So I took shelter at that bus stop... I lied to you I’m afraid.”

“But why are you smiling? Your story is hardly a laughing matter.”

“If I cry, I won’t be able to raise my son,” the woman answered simply. “Men are really something, don’t you think? She lived only two kilometers away...”

Several days passed. The man who was ‘really something’ didn’t show up looking for his woman and child. Perhaps he didn’t know they were here in Toản’s cramped little apartment. It was also possible that he knew, and had no intention of coming. Either way, it didn’t matter to Toản and the unfortunate woman. He didn’t worry about the fact that there was a woman in his house once again. All he knew was that he felt less anxious, and he didn’t have to eat potato chips and roasted peanuts to tide over his hunger, and that he no longer was haunted by the images of a different woman pawing through his wallet while glaring at him in contempt, or pale and retching the day he returned home from the Central Highlands. He also abandoned the air of superior pride he had once felt in his life as a bachelor. He was glad he hadn’t told anyone about how he had felt.

One day, perhaps the thirteenth day after the day she had taken shelter in his house, he came home from work to find that she and the child were nowhere to be seen. There was a letter on the desk, written in the exquisitely precise handwriting of a village teacher. It said:

“I am so sorry, I know this is the height of ingratitude. But I want to go home. I cannot... I

know what will happen if I stay, even though you've never mentioned it. And I cannot. Men still frighten me to the core. I do hope you understand. I and my son prostrate ourselves before you in our gratitude. Thank you so much for saving us and sheltering us..."

Stunned, he looked at the dinner tray that had been prepared for him, and the neatly-folded pile of freshly-dried clothes arranged on his small china cabinet. He thought of how lonely he had been before, and he shuddered. For the first time in a very long time, he felt that he lacked a woman.

(Translated by Rosemary Nguyen – Seattle – USA)

VỮ ĐIỀU CÁI BÔ

Thế là không hy vọng gì nữa rồi. Nhà máy đóng giày phá sản. Cả năm nay Hào sẽ không có việc làm. Đề tài, số tiền trợ cấp ban đầu và bản quyền bán cho nhà máy tan thành mây khói. Khách hàng đã tẩy chay thứ giày bong mũi của nhà máy trước khi loại keo dán tuyệt vời của Hào qua được bát quái trận thủ tục.

Vậy mà cũng phải ăn, phải gửi tiền cho con gái lên Hà Nội học thêm, phải nuôi cái xe đạp tàng, hễ mó đến là ăn vạ tiền nghìn. Rồi chén cà phê đen buổi sáng, quên nó một bữa là Hào thấy mình đang mọc đuôi ra.

Thế nào cũng phải làm một cái gì! Nhưng ngoài cái chuyên môn được ghi trong mảnh bằng phó tiến sĩ, Hào không biết làm gì khác. Cũng không thể như Tứ, họa sĩ ở tầng dưới. Tứ thường không biết ngày mai mình ăn gì, ăn ở đâu. Tứ nói: "Đói là con hổ, đừng nhìn nó, nhìn là nó vồ ngay".

Nhưng Tứ đã bước vào phòng đúng lúc Hào đang nghĩ đến anh, nhem nhuốc như cái xơ mướp nhúng vào thùng bột màu.

- Ngày cậu, có việc này hợp với cậu lắm. Nhưng pha cà phê uống cái đã.

Hào lóng ngóng mức cà phê vào phin. Hay là Tứ rủ mình làm bạc giả? Trông mặt y như đang thu vén quần áo để vào Hòa Lò.

- Việc gì thế?

- Giữ trẻ! Tháng một trăm tỉ, có ăn trưa. Được chưa?

- Tốt quá! - Hào nghi ngờ, chòm râu quạu tóe từ mắt xuống đôi gò má. - Món thơm thế đâu đến phần mình. Với lại cơ quan...

- Thì đã bảo người ta cần mà. Chấn một thằng bé ba tuổi, nói tập tọe. Vừa chấn vừa dạy tiếng Anh để lớn lên biết đọc tên các công ty trong phố và phân biệt được nhà vệ sinh nam nữ ở sân bay. Việc cơ quan thì để tớ gà cho. Đăng ký một đề tài thật kêu, đại khái thế này: "Ném một cái nhìn vào quy trình chế tạo keo dán mũi giày ở địa phương ta", nhớ là phải có chữ ta, không cần xin trợ cấp, xin hai năm ngồi nhà nghiên cứu, được chưa?

Không bị Tứ rủ đi làm bạc giả là phúc rồi. Hào đăng ký đề tài, anh có chữa lại vài chữ của Tứ. Ném một cái nhìn, không được. Cuối cùng: Tiếp cận hyperbole tính duy vật biện chứng... song ngữ: *Faire une hyperbole...* (tiếng Pháp) và *To take a hyperbole...* cộng thêm hai trang đề cương (cũng song ngữ). Được rồi, rất có e! Hào qua mặt được chủ nhiệm ủy ban khoa học kỹ thuật tinh vồn trước là giáo viên cấp II. Trong bản dịch đề cương tiếng Anh có mấy tiếng khó dịch, Hào bịa ra, nhưng chắc là ông không biết. Ông thường bắt cán bộ làm thuyết minh song ngữ nhưng bản thân ông không phân biệt được tiếng Pháp với tiếng Anh, trừ tiếng Nga nhờ những chữ N ngược kỳ lạ của nó. Ông nói: "Cậu khá lắm, tính tư tưởng, tính địa phương, đề tài của cậu ung cái bụng mình lắm rồi. Nhưng có xin trợ cấp không đấy? Không há. Tốt, nhớ kHào nhé!". Ông ký một cái rết, chữ ký như con bò đang bò.

Thế là Hào có hai năm rồi rã. Sẽ kHào, sẽ kHào. Ông chủ nhiệm và cả Tứ nữa, những nhà Mạnh Thường Quân của khoa học.

Một chú chó Nhật sủa lách nhách rồi te tái luôn dưới chân hai người. "Ồ, Mi-mô-sa, ngoan nào... Xin mời hai bác...". Chị chủ nhật vội con chó lên, nghi ngại nhìn cái ống quần lem nhem của anh họa sĩ đất mới. Tứ xăng xái:

- Tôi dẫn anh Hào đến như đã hứa với chị. Bây giờ tôi phải đi treo cò mòng một tháng năm. Xin hai vị cứ tự nhiên.

Hào nhìn chị chủ nhà. Chị đẹp, sang trọng và thừa thãi áo quần, mỡ phần, không gian và thời gian.

- Chắc anh Tứ đã nói với anh. Cháu cần một người có học trông nom, bố cháu nói ở Nhật người giữ trẻ đều phải qua đại học. Tôi giao cháu cho anh ban ngày, anh ở lại ăn trưa, ngủ với nó hai giờ mỗi ngày, nhất thiết phải cho nó ngủ hai giờ như ở nhà trẻ. Và dạy tiếng Anh cho cháu. Tôi định mướn một cô giữ trẻ. Nhưng chồng tôi lại muốn có một người đàn ông, anh ấy nói cháu phải có nam tính mạnh mẽ để đua ganh với đời.

Mọi việc đã xong xuôi. Chị nói: "Ban đầu hăng biết thế. Còn sau này...". Rồi chị nhìn xoáy vào mắt anh (anh khê rùng mình) khuôn mặt lặng lẽ, buồn chán và sung mãn của chị bỗng bùng sáng. Có lẽ chị cũng có học, không phải loại mướn vua về múa như anh nghĩ. Anh hỏi: "Cháu đâu?". Rõ ràng là chị đã quên mất thằng bé. Chị ừ hừ: "Tôi cho cháu về bên ngoại. Anh cứ gọi nó là thằng Cu. Chúng tôi vẫn gọi cháu thế cho dễ nuôi. Mai xin mời anh đến".

Sáng hôm sau chị chủ nhà và thằng Cu đón anh ở cửa. Con Mi-mô-sa đứng cạnh. Nó có vẻ ngạc nhiên khi thấy anh dậm dặt một chiếc xe đạp như thế vào cái sân rải sỏi. Chị thì nuốt nà trong bộ mốt-so-lin màu thiên lý, thoa sò sài một lớp phấn mỏng lên mặt. Chị đẩy thằng Cu lại cho anh: "Nào, Cu chào bác đi, chào thầy đi!". Cố gắng như một cái máy không nhảy, nó nói: "Cháu chào cô ạ!". Chị chữa: "Chà là tôi đã cho cháu vào nhà mẫu giáo mấy ngày. Con nói lại đi, chào chú ạ!".

Chị dẫn anh và nó sang một phòng nhỏ cạnh phòng khách.

Một cái bàn học cho trẻ. Chiếc đi-văng gỗ mà anh sẽ ngả lưng buổi trưa. Cốc và những chai nước lọc. Chị nói: "Nghe anh Tứ báo anh nói tiếng Anh như người Anh phải không? Hôm nào về mà hai bố con bị bắt được với nhau là anh ấy mừng lắm. Anh ấy nói tiếng Anh như gió". Hào định cái chính: "Tôi nói tiếng Anh như người Việt" nhưng thằng cu đòi ị. Nó nhăn mặt, duỗi ra và lấy tay bưng đít. Chị chủ nhà nói: "Bác để tôi", - chị nhăn mũi. - "Quên đưa vào đây một cái bô, bà Múi ơi!". Người nấu bếp chưa vào chị đã bế thằng Cu ra ngoài. Lát sau chị vào, tay thằng bé, tay cái bô. "Đọc hành lang một đoạn là toa-lét. Anh cứ đổ vào đó rồi giặt nước là được". Chị đặt cái bô vào góc nhà như người nhạc trưởng cất gậy lên giá. Điệu vũ chấm dứt.

Hào nhìn cái biểu tượng nhà nghề trắng muốt, chỉ mong chị chủ nhà đi khuất. Năm năm trước đêm nào anh cũng nằm mơ thấy mình trong bộ quần áo tiến sĩ cổ truyền. Chị đưa anh hai chiếc chìa khóa: "Đây là khóa phòng. Đây là cổng. Thỉnh thoảng bác dẫn cháu đi chơi, tùy ý bác". Rồi chị lên lầu, vẻ tự hào đã hoàn thành nhiệm vụ người đạo diễn.

Hào hỏi thằng Cu: "*Oát-xio-do-nêm?*". Nó nhìn anh trân trân một giây rồi tái mặt: "Đ... bu mày!". Nó tưởng anh vừa chửi nó. Phải nói là nó chửi rất du dương. Ngày hôm nay phải dạy bằng được câu này cho nó. "*Oát-xio- do-nêm*, tên cháu là gì chứ không phải câu chửi tục. Nhân loại chưa đồ đốn đến mức biến một câu vắn danh thành câu chửi". Chấm dứt buổi học tiếng Anh đầu tiên.

Mọi thứ dù phi lý đến đâu mà lặp đi lặp lại mãi thì vẫn chấp nhận được dễ dàng. Việc anh thành người giữ trẻ thì cũng chỉ cần một tuần để trở thành dĩ nhiên. Dĩ nhiên như một giáo sư nổi tiếng ốm đau kéo dài phải đốt sách để sưởi, như việc cái xe đạp lúc nào cũng phải tồn teng một tấm biển số

thời nào. Hai mươi tờ giấy năm ngàn đủ sức mạnh biến Hào thành người giữ trẻ mẫn cán trong ba mươi ngày. Chị chủ nhà không chú ý đến anh hơn bà Múi, người nấu bếp lấm lũi như cái bóng. Từ ngày có anh đến làm, chị được giải phóng khỏi thằng con trai nên rồi rãi hơn. Chị lên lầu xuống lầu, đọc sách, trong khi anh túi bụi trong phòng với thằng Cu và cái bê, đã bắt đầu nhớ cái giá sách, và những ngày nhàn rỗi đọc chữ thánh hiền.

Thình thoảng chị pha một cốc nước chanh mời anh với dáng vẻ của người làm việc thiện rồi cũng tiện mồm kể lể chuyện nhà chuyện cửa. Chồng chị trước đây là thuyền trưởng viễn dương. Nhờ anh mà chị nhìn thấy đồng đô-la xanh đầu tiên và hình những tổng thống Mỹ quá cổ. Khi túi đã hơi nặng, anh tìm cách lên bờ. Anh bảo chị: "Thời nay chỉ leo được lên mới thắng, dưới đất bao giờ cũng thua". Anh biết đầu tư chiều sâu và lên dần. Bây giờ anh phụ trách một văn phòng đại diện ở Hồng Kông, môi giới mua những con tàu hàng vận tải đến những chiếc nịt vú và những viên thuốc kích dục. Anh nói: "Một chuyến đi Nhật cứ đãi cùng mình chỉ thắng một hai cây. Bây giờ ký xạch một cái tôi có bạc triệu!". Hào không biết chị kể một cách thành thực những chuyện ấy với anh để làm gì, chị có tâm đầu ý hợp với người chồng ở xa hay không. Chị kể một cách buồn chán, mệt mỏi; là người tiêu tiền, chị không có cái say mê của những con sói săn mồi. Chị là con kèn kèn cái lười biếng rìa xác một con voi. Chồng chị thỉnh thoảng có viết thư, nhưng hai năm nay anh không hẹn ngày về. Hào cảm thấy, với chị thì anh vĩnh viễn không về nữa.

Thằng Cu có người trông, sạch sẽ hơn. Nó học tiếng Anh cũng khá và mèn thầy. Để giải quyết chuyện cái bê, Hào đã tập cho nó ra toa-lét mỗi khi có nhu cầu. Cuối tháng đầu chị trả lương cho anh, đưa luôn cả tháng sau, tặng thêm cho anh năm mươi ngàn. Thấy anh lưỡng lự, chị nói: "Anh cầm đi. Chúng tôi giàu có lắm. Anh không tưởng tượng được chúng tôi giàu như thế nào đâu. Nhưng ở cái đất hay nhòm ngó nhau thế này mình cũng phải giữ ý".

Một sáng, anh đang ở trong phòng với thằng Cu thì ông Vĩ đi xe máy đến. Qua cửa sổ anh nhìn thấy ông chải chuốt hơn ngày thường tuy ít đường bệ hơn so với những lúc ông đi lại dọc hành lang nghe một cán bộ khoa học thuyết minh cái gì đó sau lưng mình. Chị ngồi tiếp ông hàng giờ trong phòng khách. Buổi chiều trước khi Hào ra về, chị mời anh uống trà. Chị nói: "Ngày mai tôi phải vắng nhà mấy ngày. Anh ngủ lại và trông hộ cháu giúp tôi được không?". Anh đáp được. Suy nghĩ một lúc, chị hỏi: "Anh có biết cái ông hỏi sáng đến thăm tôi không?". Anh nói: "Không". Chị nhìn anh vẻ tin cậy: "Thôi, chẳng giấu anh làm gì, sợ anh nghĩ tôi không đàng hoàng. Ông ấy là bồ tôi đó". Thấy Hào cảm động vì lời thổ lộ ấy, chị duyên dáng nín nhe ống tay áo anh: "Nhưng tôi đã quyết định dứt ông ấy ra. Ngày mai chúng tôi cùng đi Sầm Sơn. Lần cuối cùng rồi thôi. Anh giúp tôi nhé?". Chị kể trước đây mấy năm chồng chị khéo léo đưa chị đến với ông ấy. Đối với sự nghiệp của anh, cũng là của thằng Cu, chị không nề hà. Ông ấy giúp đỡ chồng chị đến nơi đến chốn nhưng không hề để mắt đến chị, món mở trước miệng mèo. Đã có ai ở thành phố này dám coi chị như củ khoai cơ chứ? Lòng tự ái nổi lên, chị tìm cách khám phá con người mẫu mực kia và chị yêu ông ấy lúc nào không biết. Khi chị hiểu ra sự cao đạo của ông ấy là một cái bẫy chinh phục nguy hiểm của những người có tuổi thì cũng là lúc chị chán ông ta. "Cuối cùng thì chồng tôi thắng, nhưng tôi chẳng được gì. Anh giúp để tôi làm chuyện chia tay với ông ấy trót lọt". Anh đáp: "Vâng, tôi trông nhà hộ và kín miệng nữa". Chị cười buồn: "Chẳng cần đâu. Cả thành phố biết chuyện tôi với ông ấy rồi. Họ chưa đưa lên ti-vi là may". Hào nói: "Chị đừng mang theo con chó nhé". Chị ngạc nhiên: "Vì sao vậy?". Bỗng chị mỉm cười: "Tôi nhớ ra Sê-khốp rồi. Anh yên tâm. Thời nay không ai dùng chó làm môi giới cho yêu đương đâu!". Ngừng một chút, lần thứ hai Hào thấy khuôn mặt chị rạng lên. Chị nói hấp hối: "Tôi sẽ mang theo con chó. Tôi là một con mù mà lại muốn đi tìm ngọc quý. Mì-mô-sa sẽ dẫn đường cho tôi". Chị mang theo Mì-mô-sa thật. Chị còn tin có một người nào khác đang chờ chị ở Sầm Sơn ư?

Ba ngày sau chị và ông Vĩ về nhà. Một chiếc Toyota đậu trước cổng. Nghe tiếng còi, Hào ra mở cổng như một người gác gian mẫn cán. Anh bất ngờ chạm mặt ông Vĩ. Nhưng cả hai không chào nhau, không nói gì. Ôi tiền giấy và sắc đẹp, những lá bài của số phận éo le.

Nhìn nét mặt cau có, dòn nén và thân thể sung mãn của tuổi già đang chín một lần trước khi

rụng của ông Vị, Hào biết là mấy ngày ở Sầm Sơn ông chỉ được xơi thịt thỏ. Tú tiền có thể voi chút ít, nhưng cái tú tục luy kia thì chắc vẫn còn nguyên. Nó làm ông cáu giận. Hào nghe tiếng cãi cọ trên lầu, ở phòng khách.

Nhưng rồi ông cũng phải ra đi. Chị gọi đây nói cho xe đến đón ông, tươi tỉnh, lịch sự đưa ông ra đường hoàng. Ông thì hầm mặt vì tiền mất tật mang, chỉ biết tự an ủi là đã giữ gìn được phẩm chất trong chuyên đi biển đây rẫy những trò ăn chơi tư sản.

Hào biết không mấy người vui vẻ khi bị người tình buộc về hưu.

Chị chạy đến gặp Hào sau khi ông đi khỏi, mời anh sang phòng khách uống trà. "Thế là trút được món nợ Liễu Thăng!". Chị nói, ve vuốt con Mi-mô-sa, nó liếm tay chị, kiêu hãnh vì đã giành lại được chị và tự hào vì ông già giàu có, oai vệ kia đã ao ước được một số phận như nó hôm nay mà không có: được chị ve vuốt, nâng niu. "Sao có một đạo ông ấy dễ thương thế, - chị nói. - Bây giờ thì chị dạy dỗ, khuyên bảo suốt ngày!". Chị lại vuốt con Mimô-sa, thì thầm: "Sầm Sơn năm nay đẹp lắm, mà có nhớ Sầm Sơn không con, Mi-mô-sa?". Hào thầm đoán ở Sầm Sơn con chó nhỏ này đã đóng được một vai trò gì đó.

Anh không nhầm. Ba hôm sau một chàng trai trẻ hơn chị vài tuổi, đến nhà. Anh ta dắt chiếc CBT 125 màu nòng súng vào sân, cởi chiếc mũ mô tô khỏi đầu rồi nhoen cười với ngôi nhà. Hào vì nể nhìn chiếc xe mới thấy lần thứ hai trong đời, lần đầu Tú giới thiệu nó cho anh ở bãi xe, nói rằng ở cái thành phố ăn chơi đồ Nhật này chị mới thấy xuất hiện vài cái. Anh gọi chị xuống, bàn giao khách cho chị rồi vào phòng với thằng Cu. Người khách nhìn anh không chút ngạc nhiên như chính anh ta đã từng mướn vài chục thằng đây tớ cỡ đó.

Họ nói chuyện với nhau trong phòng khách. Rồi chị thết bà Múi ra chợ. Bữa trưa có bún chả, ốc nhồi thịt và một chai Giôn bộ (Johnny Walker) giá nửa chỉ vàng khách mang tới và những gói kem vừa đông lạnh trong chiếc máy làm kem sau cốp xe. Hào cùng ngồi ăn với họ. Hợp đồng đã ghi có ăn trưa. Chị uống vài hớp rượu quý, nói luôn mồm, cười luôn miệng, trông chị trẻ ra mấy tuổi so với ngày hôm qua. Chị giới thiệu khách với Hào: Anh X. đây là con ông Y, gọi ông Z bằng bác. (Hào nghe tiếng những người quyền thế này từ lâu), tốt nghiệp đại học ở Ba Lan, mười năm nay đi đi về về, không quốc tịch, không hộ khẩu, hộ chiếu ba năm đổi một lần (Cái khoản này thì chính tôi cũng không biết vì sao mình có - anh nói - lúc cần cứ hỏi pa-pa) nay là nhà kinh doanh bự, nguồn vốn không xác định rõ nhưng lớn lắm và đảm bảo là "không có chuyện Nguyễn-Văn-Mười-Hai", buôn bán từ đầu vi-đê-ô đến chổi đốt xuất khẩu và đầu vừng đen làm mượi lông... Anh đây còn có một căn hộ ở Vác-xa-va, giữ thường xuyên một phòng ở Pa-lạt Sin-ga-po và vừa bay từ đó về tuần trước. Chị nói: "Ở Sầm Sơn ông Vị tâm sự với tôi rằng không có các ông thì bọn trẻ bỏ láo đảo lộn cơ đồ lên mất. Nhưng khốn nỗi ông ấy không phân biệt được cá thu khô với cá thu tươi ở chợ cá Sầm Sơn, phải không Mi-mô-sa?". Con chó vắt ngang trên đùi chị ư ử đồng tình. Chị bảo: "Theo tôi, những người như anh X. đây...". Anh X. đây đưa bàn tay lên. "Hăng khoan, hỏi nãy em nói gì nhi. À, ông ấy đã đang và sẽ... còn anh thì ngay cả khi dùng tiếng

Anh, anh không bao giờ chia động từ theo quá khứ và tương lai cả. Tôi đang nói, tôi đang sống. Thì hiện tại muôn năm". Anh hạ bàn tay xuống và nhón một con ốc nhồi thịt. "Để em nói hết đã mà! Theo em thì chính những người như các anh sẽ đưa chúng ta ra khỏi cuộc khủng hoảng. Có phải thế không anh Hào?". Hào nghĩ, không biết chị nói cuộc khủng hoảng nào, của đất nước hay của chị? Anh đáp: "Tôi không sành chính trị nhưng tôi chắc là muốn giải quyết vấn đề thì ai cũng phải cứng rắn". Chị là người thông minh, cười hờn nhiên: "Anh nói đúng chóc! Phải thế, chứ như ông Vị thì... như con sứa ấy!".

Người khách tỏ ra kém thông minh và ghen tị nhỏ nhen khi thấy chị vừa khen anh người làm nói leo. Anh nhìn cái miệng đỏ hồng rất hot, nhìn đĩa trứng vịt lộn chưa ai đụng tới rồi quay sang chị: "Vấn đề là tiền! Em mua quả vịt lộn này bao nhiêu? Bấy trăm à? Tôi hứa, nếu em ra lệnh, trong ngày mai tôi sẽ (lại sẽ rồi - Hào nghĩ) có đủ tiền hạ giá trứng vịt lộn ở thị trường thành phố này xuống

một nửa. Và tôi giữ giá đó trong một tuần, em chịu không?". Chị lại cười ré lên, lần này vì lòng tự ái được ve vuốt.

Hào nhăn mặt cố nghĩ xem vị anh hùng này làm cách gì và sẽ bỏ ra bao nhiêu để hạ giá trứng vịt lộn xuống còn một nửa. Nếu anh ta làm được thế, Hào sẽ cố tranh thủ ăn lấy vài quả, mấy lâu nay anh quên mất thứ thực phẩm dành riêng cho những tay bá chũng heo nọc này rồi. Nhưng thật ớn những trò nói khoác. Suy cho cùng là do lỗi của đế quốc Anh. Chúng sản xuất ra thứ Johnny Walker quá ngon.

Sau khi chắm nước mắt do trận cười, và không ngừng bị ám ảnh bởi từ "cứng rắn" anh vừa phát hành, chị hỏi Hào: "Còn anh, anh nói nữa đi, ý anh thế nào?". Hào đáp: "Xin lỗi, tôi không sành chính trị".

Nhà kinh doanh giơ tay lên như ông giáo trẻ dạy cho chú học trò chậm hiểu: "Đây không phải là chính trị. Đây là chuyện làm cường dương cả một thành phố. Chúng ta xẹp như dãn quá lâu rồi!". Chị lại cười, làm một cử chỉ e lệ gọi là để giữ tiết hạnh rồi nói: "Anh yêu, thế thì anh hạ giá trứng vịt lộn đi!". Hào muốn tìm cái hưng phấn đang quá đà do chai rượu Anh gây ra. Anh hỏi "anh yêu": "Bao giờ thì anh định cư hẳn trong nước để làm ăn?". "Anh yêu" lấy khăn lau miệng, nói qua kẽ răng: "Khi nào chúng tôi có đại biểu trong quốc hội - anh cười tinh quái. - Nếu không thì ai bảo vệ vốn liếng của chúng tôi chứ?".

Sau bữa trưa họ lên phòng của chị. Hào trở về cái đi-văng. Thằng Cu đã ngủ, cạnh nó là một cái bô đầy. Anh múa tiếp điệu vũ của mình rồi nằm xuống cạnh nó. Tiếng nhạc êm dịu lọt qua bức trần xuống tai anh. Đó là những bài hát tiền chiến rất quen thuộc. Anh nhớ mẹ lạ lùng. Cái hồ trống trong ngực anh to dần ra, to mãi đến hư vô. Bữa cơm quá tải làm anh khó ngủ. Anh nhớ mẹ cũng giàu, cũng sang trọng, sang trọng cả lúc không còn giàu nữa. Cả trong những ngày chiến tranh liên miên. Tất cả vàng bạc, hạt xoàn mẹ đưa anh, lúc đó mới ba tuổi, để tự tay anh thả vào khe của cái hộp gỗ sơn son trong Tuần lễ vàng. Mẹ bảo với bố: "Tôi gánh gạo đường xa cho các con". Miếng vườn cả nhà vỡ hoang ven bờ suối dưới sự chỉ huy của mẹ, tiếng vo gạo buổi sáng, nước gạo chảy men bờ như sữa. Chim họa mi hót sau mấy cây ôi mẹ trồng, con rắn mai gâm lâu lâu lại xuất hiện, chạy qua sân rồi biến mất trong đám hương nhu, làm thành một sự kiện trọng đại. Rồi cái tang đầu tiên: bố chết vì bom bi trong một trận oanh kích. Cái tang thứ hai, người anh cả ở Trường Sơn. Đến lượt anh, đứa con yêu của mẹ cũng biến mất ở chân trời Đông Âu, mang theo hy vọng về một cuộc sống tử tế của cả nhà. Lúc anh về thì mẹ đã mất. Và cùng với mẹ là cả một vũ trụ đáng kiêu hãnh và nuôi tiếc cũng mất nốt. Hào như đui mù. Anh không được chuẩn bị cho sự nghèo khổ và bệ rạc, không được chuẩn bị để sống với người vợ trước đây, để sống trong cảnh ngộ hiện nay. Không chuẩn bị để thành người ở, làm công cho người đàn bà thông minh nhưng tinh quái, có lương tri và dâm đãng thành thần. Anh cố nghĩ một tính từ khác nhưng không được. Thú thực là anh ghét và ghê tởm khi chị dám cả gan và sai lầm khi đồng lõa đánh giá nền chính trị thông qua những người đàn ông liệt dương trên giường mình, dù trong đó có cả một ông sếp không ra gì của Hào. Và cũng thật khó chịu thấy mắt chị sáng lên khi con dê con dằm đô-la kia đòi có ghế trong quốc hội của nền vô sản chuyên chính. Khi đó anh tưởng nếu có cuộc bầu cử thì chị sẽ bỏ cho y ta mười phiếu một lúc. Nhưng tại sao chị vẫn phát tiền công cho anh hàng tháng? Tại sao chị vẫn làm cho anh có cảm tình và nhiều lúc thêm muốn chị nữa? Tại sao chiếc CBT 125 giá ba mươi triệu ở ngoài sân kia vẫn để cái bóng cao cả của nó lên những giấc mơ nghèo khổ của anh? Tại sao cái thế giới êm dịu và lung linh những ước mơ của mẹ, và cũng cả của anh nữa lại biến mất dễ dàng đến thế? Phải chăng sau một sự kiện kinh hoàng năm đó, lời lão thầy bói đã ứng nghiệm? Mùa hè ấy thời tiết bình thường, mẹ cho ấp một ổ gà, khi nhấc xuống, trong ổ lúc nhúc một bầy rắn con, còn mấy cây ôi sau nhà thì ra mười ba quả bứa chua loét. Hôm đó một lão thầy bói ôm tay nai qua làng. Mẹ làm thịt một con gà giò, ông ta xem chân gà rồi nói: "Ông tổ nhà này ngày xưa nhiều thất đức. Bà hãy cẩn thận. Trong nhà này rồi sẽ có người đi ở!". Ông ta còn nói những chuyện nhảm nhí khác. Dân quân xóm trói ông vào một cái cọc, phơi nắng nửa ngày rồi mới cho đi. Năm đó bố chết, rồi đến anh cả. Gia đình trĩu nặng tang tóc. Bây giờ đứa con út của mẹ đi ở.

Tiếng nhạc buồn phòng trên ngừng bật. Cái đầu vi-đê-ô bắt đầu rên rĩ những pha phim sex (trước đây chị vẫn dùng cái hộp nhựa Nhật Bản ấy để khởi động nhà đạo đức luống tuổi của chị). Rồi tiếng rên điện tử cũng im nốt nhường chỗ cho nhạc live đời hang động. Con Mi-mô-sa bị bỏ rơi buồn bã vào phòng, liếm bàn tay Hào buông thõng xuống đi-văng. Anh nhắc nó lên, kéo tai nó, tên ma cô mất dạy, thẳng mồm lái vô phúc, những con chó nhỏ vô tích sự thời Sê-khốp hay thời hiện đại đều thế cả. Nằm trong lòng Hào nó nhìn lên trần như anh, có thể nó còn thấu suốt sự đời hơn anh bằng bản năng chó của nó.

Một tuần lễ liền ngôi nhà yên tĩnh ở góc phố ròn rã tiếng CBT 125. Những bữa cơm trưa quá tải với sự đồng lõa tội lỗi của những chai rượu Anh và kỹ nghệ vi mạch Nhật Bản. Nhưng chủ nhật anh ta không đến. Chị đưa tiền lương cho Hào, tăng lên hai trăm ngàn (để bù trượt giá, chị nói) và giữ anh ở lại ăn cơm tối với chị. Chị buồn, xanh xao một chút, nét mặt căng thẳng tuy vẫn kiêu sa. Hào đã ném mùi những cơn cố tâm sự của chị. Họ lấy ghế vải ra ngồi ở sân sau. Chị nói: "Anh tiên tri thật! Giá mà không mang Mi-mô-sa đi thì tôi đâu có rước gừ ấy về nhà!".

Chị nhìn anh với đôi mắt của người vừa thoát khỏi tai nạn. Như một nhà thám hiểm Nam Cực sống sót, chị kể cho Hào nghe chuyện mấy ngày ở Sầm Sơn. Hôm ấy, chị để Mi-mô-sa trên bờ biển để xuống tắm với ông Vĩ. Họ tìm một góc vắng. Vì hể hai người mặc áo tắm đi vào đám đông là y như lũ trẻ la lối: "Bố ơi, bố nhường chúng con đi bố!". Tuy khó chịu vì thứ ngôn ngữ máy nước ấy, nhưng từ cái góc vắng kia chị vẫn nhìn về phía một bộ phận nhân loại trẻ trung và thô bỉ một cách chân thành, một hai đứa đồ mặt đi lom khom. Còn ông Vĩ thì tìm mọi cách để sử dụng đôi bàn tay vàng. Những quả chuối khô lằn mồ trên thân thể chị. Ông cầu nhàu: "Tại sao em lại không mặc bộ bi-ki-ni hai mảnh của Thái ấy?". Ông vẫn thường phàn nàn một Hà Nội dạo này quá hờ hang, nhưng trong một chuyến đi Bang Kok về, chính ông đã mua tặng chị hai bộ bi-ki-ni ấy. Hôm đó, chị cố ý mặc bộ đồ tắm cổ điển được mạo dịch quốc doanh đứng đắn của chúng ta phát hành những năm bảy mươi sáu khi mẫu đã được sở văn hóa xét duyệt. Một bộ đồ tắm được cấp bằng tiết hạnh khả phong. Ông Vĩ đành đầu hàng bộ đồ ông từng duyệt mẫu trước đây, thảm thía câu "gậy ông đập lưng ông". Bực bội vì ông lão sắp bị giam biên chế ngày ngày, chị quên mất con Mi-mô-sa. Trời lại đổ một trận mưa. Thế là họ lạc mất con chó.

Đến chiều tối, sau khi ăn cơm xong, khi ông Vĩ đang cầu nhàu lên án bộ đồ tắm khôn nạn, trút lên đó những từ người ta thường chỉ dùng trong các cuộc tranh luận triết học và đạo đức thì anh ta đến. Anh ấy ôm con Mi-mô-sa trên tay. Trong khung cảnh biển sau cơn mưa, chàng trai thật tuyệt vời. Chiều hôm sau, trong khi ông Vĩ đi nói chuyện về vai trò người phụ nữ mới (bà tử của ông) cho công đoàn công ty du lịch thì chị với anh đi vào rừng thông. Chị cảm ơn anh vì đã tìm hộ con Mi-mô-sa. Anh cảm ơn chị vì đã làm cuộc đi biển cô đơn của anh có ý nghĩa. Anh gọi chị là bà làm chị kiêu hãnh, sau đó là chị làm chị ấm lòng và cuối cùng là em làm chị sung sướng. Cuộc cách mạng về xung hô ấy chỉ diễn ra trong vòng mười lăm phút. Phút thứ mười sáu thì anh nói là anh đã thuê hai héc-ta rừng thông chiều nay để không ai được phép lai vãng qua. Phút thứ mười bảy thì lưng chị đã lấm đầy cát và sau đó chị bắt đầu cuộc hành trình vào thiên đường lần đầu tiên trong đời. Trước đây ông Vĩ chỉ mô tả cái thiên đường ấy cho chị bằng lý thuyết. Những pha mô tả của bọn nhà văn ba xu thường thay bằng những dấu chấm cũng không làm thỏa mãn chị.

Tối đó, chị sang phòng ông Vĩ (họ vẫn thuê hai phòng từ lúc đến Sầm Sơn). Ông rất mừng vì chị đã tự nguyện nộp xác, vì buổi diễn thuyết thành công, "chị em nuốt từng lời" và theo cá nhân ông thì cần phải khôi phục khí thế của phong trào ba đảm đang trước đây. Chị ngắt lời ông: "Anh yêu em đi!". Chị quyết định tặng ông một bữa tiệc chia ly no xôi chán chè như bữa cơm người ta vẫn thường cho tử tù ăn trước ngày ra trường bắn. Ông sửng sò vì hạnh phúc, cũng như kẻ tử tù kia đang nằm mơ thấy cái cọc thì bỗng trước mắt mình hiện ra như trong phép màu một con gà mái quay, nghẹn ngào nhìn mà nuốt không nổi. Ông cũng không ăn nổi. Ông đổ tội cho tính đấng trí, bỏ quên chai rượu thần dược ngâm tắc kè ở nhà, chửi sự quản lý khách sạn xuống cấp vì cái giường cứ kêu cọt két, chửi rửa cá cái váy ngủ của chị, làm gì mà phải dùng đến hai cửa ra vào làm ông lấm lẩn lung tung, sự xa xỉ điển hình của nền dân chủ tư sản!

Cũng như mọi lần, ông chẳng bao giờ chịu trách nhiệm về bất kỳ sự thất bại nào. Tuy vậy ông vẫn trấn an chị: "Em hãy tin, tôi đã, đang và sẽ cố gắng..."

Sáng hôm sau chị giục ông ra về để kịp ngày hẹn với anh ấy, người đã mua hai héc-ta rừng thông một chiều cho chị.

Chị thở dài:

- Nhưng tôi lại chán ngấy anh ta rồi! Thằng tư sản mới cũng chẳng hơn gì lão đạo đức giả! Sao cái số tôi nó nhỏ thế này?

Hào tự chửi mình vì quá thật trong anh có loé lên một chút há hê dễ hiểu. Anh đứng lên, xin phép chị ra về. "Đừng vội, anh. - Giọng chị thân mật khác lạ - Anh về bây giờ thì tôi chết buồn mất. Tại sao tôi chỉ gặp phải lũ dở hơi? Chúng chui ở đâu ra lắm thế hả anh?"

Hào cảm thấy sự chán chường của chị là thành thật. Nó lan tỏa trên da thịt anh cùng mùi nước hoa Pháp và hơi thở thơm tho của chị. Suy cho cùng thì chị cũng đáng thương. Ít nhất chị cũng có cái can đảm và hào phóng làm việc phân phối lại của cái đã trấn được của những thằng đại gái. Chị đã nuôi được một phó tiến sĩ bằng ba lần số lương chính của y, vớt y ra khỏi cảnh thất nghiệp dài dài được mã hóa bằng cụm từ "nghiên cứu có tính chiến lược" trong cái vỏ những đề tài không ai cần đến. Nhưng anh cứng rắn trở lại, kiên trì sự đổ kỵ muôn thuở của người nghèo, sự ghê tởm của hàn sĩ bị phi báng. Rồi anh khôn khéo đứng lên.

Số phận xô đẩy anh theo hướng khác. Mấy tuần sau chị ốm. Thốc mách như một thằng ở thực thụ, anh đoán thăm nhà kinh doanh không quốc tịch đã kịp đầu tư một "vật lạ" vào nội địa trước khi bị trục xuất. Anh lên thăm chị, vừa là phải phép vừa bị lòng nhân ái thúc bách. Chị nằm bất động trên giường, tay duỗi ngoài chiếc chăn mỏng. Chị đập nhẹ bàn tay như cánh bướm báo anh ngồi xuống mép giường cạnh mình. Vì mấy cái ghế xếp Nhật Bản đã bị thu lại và cũng không thể ngồi lên cái "táp-dờ-nuy", vật duy nhất có thể ngồi lên trong phòng, anh đành chiều ý chị. Tay anh run lên khi nắm cái mép giường. Chị nhìn thấy tất cả trong một cái liếc mắt rồi cầm lấy tay anh, bàn tay chị dịu dàng như cánh bướm cầu xin sự giúp đỡ. Chị nói: "Anh có thể thu xếp đi với tôi một vài ngày không?". Anh nhìn con Mi-mô-sa nằm duỗi dưới chân không đáp.

Rồi anh đi với chị sau khi hai người đã thu xếp được người trông thẳng Cu và nhà cửa. Anh sẽ phải đưa chị về một bệnh viện nhỏ nào đó ở Hà Nội. Đúng như anh đoán, chị cần tổng khứ nhanh chóng giọt máu được đầu tư một cách vội vã của nhà kinh doanh trẻ. Chị cần anh đóng vai một người chồng cho đỡ tủi thân và hợp lý. Từ khi mới đi lại với nhau, ông Vĩ đã yêu cầu chị làm việc này ở bất kỳ chỗ nào cũng được trừ thành phố ông đang nổi tiếng và có quyền lực. Bởi vì dù đứa con trong bụng chị là của ai thì dư luận cũng sẽ nghi là của ông, điều ấy rất bất lợi cho ông trong những cuộc bầu cử. Vậy là quá đủ lý do để anh phải đưa chị đi.

Họ xuống tàu vào lúc xẩm tối rồi vào một khách sạn gần nhà ga. Cô tiếp tân nhìn họ một cách tình tứ, bảo họ có thể thuê một phòng cũng được. Chị thuê hai. Anh ghi nhận với chị cách làm ăn thoág của ngành du lịch. Rõ ràng mọi việc đang đổi mới. Chị nói: "Nhà trống thì phải thoág!". Họ ở đêm đầu tiên trong bầu không khí hòa hoãn, không xâm lấn biên giới của nhau.

Hôm sau chị vẫn không vào nhà thương ngay. Chị đòi anh đưa thăm các địa điểm nổi tiếng của Hà Nội. Anh đưa chị đi Văn Miếu để tỏ lòng yêu mến văn hóa nước nhà, đến cầu Thăng Long để ngưỡng mộ tình hữu nghị Xô - Việt. Cuộc đi chơi kết thúc ở hàng chả cá nổi tiếng giữa những ông Tây bà đầm trả bằng đôla. Thế là nhờ chị mà anh đã hoàn thành vượt mức kế hoạch 9 năm trước thời hạn. Anh định đứng vào năm 2000 sẽ tập trung toàn lực đi ăn một bữa chả cá đầu tiên và cuối cùng trong đời. Ăn xong uống cà-phê xong, cái hóa đơn đặt lên bàn làm anh suýt ngất tưởng như mình vừa mua cả tháp Ép-phen. Nhưng chị rút ví ra kịp thời, trên bộ mặt hơi xanh xao không chút cảm xúc. Anh nhẹ nhõm thăm nhận xét rằng, chị là người đàn bà đầu tiên đi ăn với anh mà anh

không phải mó tay vào ví lẫn nào.

Chị đòi đi Hồ Tây. Họ lên Hồ Tây. Cô bán hàng mang đến cho họ hai cái ghế mây cạnh gốc cây từ mù và hai chai nước ngọt do Viện kiểm sát nhân dân thành phố X. sản xuất.

Chị nắm tay anh: "Anh mệt không?". Anh nói: "Văn hóa chỉ khác tình dục ở chỗ nó làm con người ta hào hứng mà không mệt". Chị mỉm cười: "Thế thật! Ở Hà Nội có người đã chi cho tôi hai triệu một ngày nhưng không hề dẫn tôi đến một di tích văn hoá. Trí thức các anh dễ thương thật". Anh nghĩ: có lẽ công thức trước đây của họ là: Quán đặc sản - giường ngủ. Còn trí thức: Văn Miếu - Nhà triển lãm Ngô Quyền. Vào cửa hai trăm đồng một vé, kem que cạnh đó cũng hai trăm mà những ba màu. Trí thức nói chung là ít phải trả tiền dù đi với mỹ nhân. Chỉ hơi tốn nước bọt và mấy câu thơ mà thôi. Thời nào cũng vậy.

Chị không để anh có thì giờ suy nghĩ lan man. Chị siết mạnh tay anh, bàn tay chị ấm nóng: "Vây mà tôi chưa bao giờ lọt vào mắt xanh một anh trí thức". Anh nói: "Vì chị quá đẹp còn họ thì quá nghèo. Thánh nhân đãi khờ khờ chứ đâu có phù hộ người hay chữ". Chị bình luận: "Thánh ghen tị đấy mà! Chắc cũng có một nữ thánh nào đó ghen ghét tôi. Tôi cố tìm lấy một người mà không thấy...". Chị thở dài. Cái khuynh hướng phủ nhận sạch trơn ba bốn mạng đàn ông một lúc của chị làm anh khó chịu. Nhưng anh thấy mùi lòng, bản chất hay dao động của trí thức. Anh nói: "Rồi chị sẽ tìm thấy".

Chị đột ngột nhìn vào mắt anh: "Anh có biết tại sao chồng tôi nằm lì ở Hồng Kông không về? Anh thử đoán xem!". Anh im lặng. Chị nói: "Anh ấy bị SIDA! Thật tội tệ. Hành động yêu nước cuối cùng của anh ấy là đề nghị "hu" đăng ký mình vào danh sách bệnh nhân của Hồng Kông, chứ không phải nước ta. Gian lận thêm cho bọn tư bản một người sa đọa cũng chẳng oan gì. Anh cảm thấy chạm được bằng xúc giác nỗi đau khổ của chị. Giọng chị trở lại bình thường:

- Tôi đòi ly dị, nhưng ông Vị khuyên tôi: "Đừng có đánh mất lòng tin. Khoa học sẽ chữa được cái bệnh tai quái đó. Rồi ngày nào đó chồng em sẽ về. Như thơ Xi-mô-nốp vậy". Tôi thì biết thừa tim đen của ông. Nếu ly dị, lỡ tôi đòi lấy ông, như thế thì sự nghiệp ông tan tành. Và lại ngân sách ái tình của ông ấy được tư bản Hồng Kông trợ cấp một nửa, nửa kia moi ruột nhà nước thì tiện bao nhiêu. Tôi nói về ông ấy như vậy anh có coi thường tôi không?

Anh đáp: "Tôi là nhà khoa học. Tôi thích có dữ kiện trong mọi vấn đề".

- Tôi căm ghét ông ấy còn vì câu chuyện khủng khiếp này nữa. Hôm đó chúng tôi đi xem xi-nê với nhau. Lúc chen chúc vào rạp, một bà nọ dẫm guốc bẩy phân lên chân tôi. Tôi la trời. Đáng lẽ một câu xin lỗi là xong, chị ta lại chối bay biển và còn chửi tôi nữa. Chúng tôi túm tóc nhau lời qua tiếng lại. Không biết vì vô tình hay cố ý, chị ta chửi tôi là "con đĩ non xí xốn với thằng dê già!". Ông Vị tím mặt. Người ta mời chúng tôi vào phòng vé. Khai tên tuổi, nơi làm việc và xin lỗi nhau. Tối hôm ấy, trên giường nhà tôi, ông ấy chỉ vắn hỏi tôi về người đàn bà ngoa ngoắt nọ. Ông rút số tay ra ghi. Ba tháng sau, tôi gặp lại chị thân tàn ma dại ngồi bán rau. Chị buộc phải thôi việc, chồng chị nghi "một cục", hai con nhỏ. Tôi hỏi chị vì sao nên nỗi thế. Chị làm thủ kho, để thất thoát hai mươi một miếng xà phòng bảo hộ lao động. Tôi thì tôi biết con nhện nào đã giật tấm lưới bắt con ruồi cái ồm đỏi kia. Tôi van xin ông ấy. Nhưng ông chỉ cười gằn: "Phải nghiêm để nâng cao dân trí". Thế đấy. Ông trả công tôi bằng cái quyền chính là thứ tôi và anh, cả chị thủ kho kia nữa đã cho ông ấy. Còn thằng cha đầu tư? Nó làm tôi sung sướng nhưng nó trả tiền tôi từng ngày, có khi hàng triệu, nhưng trả từng bữa, nghĩa là trả theo sản phẩm! Nó bảo cả thế giới người ta đều làm như thế!

Chị buông tay anh, ôm mặt. Anh không thể ngồi yên. Anh lặng lẽ lấy tay vuốt tóc chị, trong lòng trào lên thứ tình cảm của người anh trai. Chị ngược nhìn anh về biết ơn: "Anh khác họ nhiều lắm!". Rồi chị vòng tay qua cổ anh, chị hôn anh.

Đêm ấy chị sang với anh. Ngon lành và thơm như một múi mít và thanh thảo nữa. Anh không

dối mình là đã hơn một lần anh thêm muốn chị. Nhưng giờ đây anh lạnh băng. Cũng chẳng phải anh trình bạch như gã chần chừ của Đô-đê nâng niu giấc ngủ của cô chủ trên vai mình. Chị cũng không phải là một vì sao lạc. Chị phô bày cái bản năng dữ dội nhưng bao giờ cũng hồn nhiên của một người đàn bà. Nhưng anh không thèm chị. Giá chị để cho anh bình tĩnh anh sẽ an ủi chị như một người anh. Nhưng chị đã quýnh lên và câu: "Trí thức chỉ là thế này thôi à? Trong sách người ta không dạy anh ư?". Chị hạ mình trước anh, làm cả những điều chị chưa hề làm với người khác. Nhưng anh chỉ rúm ró lại trong nỗi đau hàn sĩ. Chị trần truồng đi ra cửa để về phòng mình, ném đại mảnh vải Thái Lan nhỏ xíu vào mặt anh rồi rít lên trong cơn giông bão đàn bà: "Lại một con sứa nữa! Tôi còn căm ghét anh hơn cả ba thằng kia!".

Một tháng sau, khi đã bình phục sau trận ốm, chị cho một anh xích-lô gửi nhờ xe. Anh ta kể: nhà, vợ con anh bị cháy thành tro, hai tháng nay anh ngủ trong xe ở sân ga, chân cầu. Bà Múi thăm thì với Hào: "Cứ cách một đêm hấn lại lên phòng ngủ của cô. Thằng khốn nạn!". Hào bảo bà: "O-rê-ka! Cô chủ đã tìm thấy!". Bà ta chưa được học tiếng Hy Lạp, tưởng anh điên, chạy biến vào bếp.

Tiếng Anh cuối cùng Hào dạy cho thằng Cu là *The Man* - người đàn ông. Hôm sau anh thôi việc. Anh lững thững đi bộ về nhà. Trời sẩm tối. Một đoàn tàu hàng dừng lại sân ga. Anh nhìn thấy công nhân xếp dỡ đang chuyển xuống đất mười hai toa tàu trúng vịt lộn. Những sọt trứng tỏa ra một vàng hào quang, những quả trứng như khói đám cọng rơm như đầu dương vật của một loại người hùng mạnh chưa từng có. Cũng chưa từng có công ty nào ở thành phố này buồn về một số lượng trứng nhiều ghê gớm như thế. Sáng hôm sau trên các phố nhan nhản biển hàng viết bằng phấn: "*vịt lộn - hạ giá năm mươi phần trăm!*". Người ta lo ngại xì xào rằng, một năm nữa dân số của thành phố chắc sẽ phát triển vô tội vạ.

Kim Giang. Tháng 7 - 1991

THE WALTZ OF THE CHAMBER POT

So that was it; the last shred of hope was gone. The shoe factory had filed for bankruptcy, and Hào was out of work for the rest of the year. His proposal; the initial grant money; the patent he would have sold to the factory: all had dissolved into thin air. The customers had turned their noses up at the factory's shoes, the ones with the peeling toe-leather, before Hào's marvelous new glue could find its way through that tortuous labyrinth of red tape. So there it was, but he still had to eat, still had to send money to his daughter who'd gone up to Hanoi to pursue further studies, and still had to take care of that rattletrap bicycle that would fall apart to the tune of several thousand⁽¹⁾ every time he touched it. And then there was his morning cup of black coffee - even one day without that and Hào would begin to feel that he was reverting to the days when men had tails.

At any rate he had to have some kind of work! But, with the exception of the specialty written on that fragile piece of paper known as his Master's Degree, Hào had no skills. And he couldn't be like Tứ, the artist who lived downstairs. Tứ usually did not know what the next day would bring him to eat, or even where he would eat. Tứ always said, "Hunger is like a tiger - don't look at it, even one little look and it will snap you right up". But now Tứ, looking as stained as a vegetable-sponge dipped in paint, was stepping into his room at precisely the moment Hào was thinking of him.

"Now, my young man, here's a job for you that's just what you need. But brew us up some coffee, we'll have a shot first, eh?"

Hào anxiously scooped coffee into the filter. What, maybe Tứ is going to ask me to join in a counterfeiting scheme? His face looks as though he is already packing his clothes for the trip to Hoa Lo⁽²⁾.

"What's the job?"

"Childcare! One hundred big ones a month with free lunches. Good enough for you yet?"

"It sounds great," Hào was suspicious; a fan-shaped cluster of wrinkles cascaded from the corner of his eyes down to his cheekbones. "But no way would a sweet opportunity like that ever fall into my lap. And then there's my institute..."

"And I told you that they're hiring, aren't you listening? Ride herd on a little boy, three years old, just beginning to really babble. Baby-sit him and at the same time teach him a little English so that when he grows up he can read the names of companies around the city and can tell the difference between the men's and women's bathrooms at the airport. As for your institute, I can fix that up for you. Submit a proposal on a topic that really rings, something like this: "Casting a hard look into the shoe-tip glue manufacturing processes in our locality" - remember you gotta have that word "our" - then say you don't need any grant money and request two years to do research at home, good enough for you yet?"

Well, it certainly was good enough that Tú hadn't asked him to counterfeit any money. Hào did submit a proposal, but changed Tú's wording. "Casting a hard look" ...nope, wouldn't do. Finally: "Let's take a hyperbole (in English) in the spirit of dialectical materialism..." then in parallel translation: "*faire une hyperbole...*" (in French) and "*To take a hyperbole...*" (in English again) and add in two pages of a research outline (also with parallel translations). There, now that's a proposal with style! Hào's bluff easily fooled the Director of the Provincial Committee on Science and Technology, who before becoming a political appointee had been a high school teacher. The research outline contained a few particularly difficult words which Hào hadn't been able to translate into English, but he had simply made up some plausible-sounding words, confident that the director wouldn't know the difference. The old man usually required his cadres to write their commentaries in parallel translation, but he himself couldn't distinguish French from English - with the exception of Russian, which he could recognize by its odd backward N. "Quite good, young man, it's idealistic, it's localistic, yes, I have quite a good feeling about your subject. But are you asking for grant money? No? Good! Remember, it's your treat the next time, eh?" He signed with a sweeping scratch, his signature crawling across the page like a scorpion.

So Hào had two years free. Oh, I'll treat, I'll treat. The Director and don't forget Tú too, those two great patrons of science.

A diminutive Japanese dog gave several brittle barks then threaded nimbly between the two newcomers' legs. "Ah, Mimosa, Mimosa, be a dear now... good sirs, won't you come in..." The lady of the house hastily picked up the dog and dubiously eyed this artist-turned-procurer's stained trouser-legs. Tú was in a hurry.

"I've brought Hào to see you as I promised. Now I have to go hang up the flags for the May Day celebrations. I leave it to you two fine people to work out the details as you wish." Hào looked at the lady of the house. She was beautiful, elegant and lavish in both her dress and her slightly ample flesh, in both her time and her space.

"I'm sure Tú told you. My little boy needs an educated person to look after him - his father says that in Japan all childcare workers have university degrees. I'll turn the child over to you during the day; you'll stay here for lunch and take a two-hour nap with him every day - you must infallibly see to it he gets a two-hour nap just like at a daycare center. And teach him English. I wanted to hire a nanny. But my husband wanted a man, he said that the boy must learn

machismo to compete in life."

All the details were settled. She said, "For now that's all you need to know. As for later..." And then she looked at him, her eyes drilling into his and her face, her silent, morose and affluent face suddenly blazing with light. Hào had assumed that she was merely a wealthy exhibitionist, the sort that would hire a king to dance for her party, but now a faint shiver ran through his body. Could it be that she, too, was a person of learning? He asked, "Where's your son?" It was clear that she had completely forgotten about the little boy. She answered vaguely. "I sent him to his grand-mother's. You can just call him Kiddo. We always call him that so he doesn't get a big head. Makes it easier to raise them. Won't you come back tomorrow?"

The following morning she and Kiddo met him at the door. Mimosa stood at their side. The dog appeared to be astonished that Hào could be so bold as to wheel a bicycle like that into the neat, graveled courtyard. As for the lady of the house, she was looking sleek in a fuchsia-colored muslin outfit and a cursory dusting of makeup on her face. She thrust Kiddo towards him. "Now, Kiddo, say hello to the nice man. Say hello to your teacher. Go ahead!" With all the effort of some kind of sluggish machinery, the boy said, "If you please, good morning Ma'am!" She corrected him. "It's just because I put him in a pre-school for a few days. Say it again, dear, 'If you please, good morning, Sir!'" She led Hào and the boy into a small room adjoining the living room.

There was a child's school desk. The wooden divan that he would recline on at noontime. Some glasses and bottles of filtered water. She said, "Tú tells me you speak English like a native, is it true? Whenever my husband comes home, he'll be most pleased if he and his son can babble away at each other in English. He speaks English as fast as the wind." Hào was about to contradict her with the comment, "I speak English like a Vietnamese" but just then Kiddo demanded to go number two. He screwed up his face, arched his back, and cupped his hand over his bottom. The lady of the house wrinkled up her nose. "Allow me, sir", she said, "I forgot to bring the chamber-pot in. Mrs. Múi!" Before the cook could enter, she had scooped up Kiddo and carried him out. A moment later she returned with the little boy under one arm and a chamber-pot under the other. "Down the hall there's a toilet. You may pour it in there and flush, that's good enough." Then, with all the care of a conductor putting his wand away on a shelf after a performance, she placed the chamber-pot in the corner of the room. The waltz had concluded.

Hào looked at this snow-white symbol of his new trade and could only wish that the lady of the house would disappear. Just five years ago not a night had passed that he hadn't seen himself in his dreams, standing proud and somewhat self-conscious in the traditional robes of a doctoral graduate. Now, she gave him two keys: "Here's the key to the room. This is the gate. If you will, sir, you may take the boy out on occasion." Then she mounted the stairs to the upper floors with the self-satisfied expression of one who has fulfilled her responsibility as a conductor.

Hào asked Kiddo "*Whatsi yo namuh?*" The child looked at him impudently and then paled. "You motherfucker!" He thought that Hào had sworn at him. It had to be said that the boy swore fluently, even melodiously. Well, now was the time - somehow he had to teach the boy this sentence. "*Whatsi yo namuh*, it means what is your name, it's not an oath. Mankind has not yet fallen to the depths that it can construe an interrogative of nomenclature to be an oath." Thus ended the first English lesson.

No matter how irrational an act may be, it will nonetheless become easily accepted as status quo if only it is repeated day in and day out. Hào's transformation into a baby-sitter required only one week to come to feel natural. As natural as a famous professor who, plagued by a long illness, has to burn his books for heat; as natural as a time when each and every bicycle was

required to sport a proper license plate dangling from its rusted bars. And now, after just thirty days, those twenty 5K banknotes had exerted their power and had transformed Hào into a diligent child-care worker. The lady of the house paid no more attention to him than she did to Mrs. Múi, the stolid, shad-owy cook. Since he had begun his employment, she had been liberated from her son and so had more free time. She would climb the stairs to the upper floors to read while he was bustling to and fro in his room with Kiddo and the chamber-pot, not a little beginning to miss his bookshelf and his past leisure when he had spent whole days reading the words of the great sages.

Sometimes she made a glass of lemonade for him and invited him to drink with the air of someone dispensing charity, then in the same breath took the opportunity to ramble on about her personal affairs. This was how Hào learned that her husband had formerly been captain of an ocean-going vessel. It was he who had shown her the luxuriant green of US dollar bills, with their little portraits of deceased American presidents, for the first time. As soon as his pockets had a little something in them, he had sought a way to transfer to the shore. He told her, "These days you have to scramble up to win, whoever is underneath always loses." He knew how to invest for the long term and gradually climbed the corporate ladder. Now he was in charge of a representative office in Hong Kong, a broker in everything from multi-tonnage shipping vessels to women's bras. He said, "Used to be I'd have to shit and pee all over myself trying to buy up used goods on a trip to Japan and it would only snag me one or two taels of gold. Now, all I have to do is scrawl a signature-swank! - and I score a million big ones!" Hào didn't know what her purpose was in relating these stories to him in her oh-so-sincere voice. He didn't know if she shared her far-flung husband's views or not. She talked cheerlessly, as though worn out; as a consumer, she did not have the passion of those who hunt their merchandise like wolves hunting prey. She was more like a she-vulture, lazily picking to shreds the corpse of an elephant. Her husband occasionally wrote letters, but for these past two years had not mentioned any kind of homecoming date. Hào sensed that she expected he would never come home again.

Kiddo had someone to look after him, and so was cleaner than before. He was a fair student of English and was fond of his teacher. In order to deal with the chamber-pot situation, Hào was teaching the boy to use the toilet whenever he felt the urge. The lady of the house paid him at the end of the first month; in addition to his month's salary, she handed him the following month's salary and a bonus of fifty thousand. Seeing him hesitate, she said "Take it. We're very rich. You can't possibly imagine how rich we are. But in this country where everybody is eyeing everybody else, one must be discreet."

One morning, when Hào was in the room with Kiddo, Mr. Vĩ arrived on his motorcycle. Looking out the window, Hào saw that he was better-groomed than usual, but perhaps lacking some of the majestic quality he carried with him when pacing up and down the hallways of the Institute with a cadre of science scurrying after him, trying to expound on some obscure subject. The lady of the house sat and entertained the old man for hours in the sitting-room. That afternoon, as Hào was preparing to leave, she invited him to have some tea. "I have to go away tomorrow for several days," she said, "Can you help me out by staying over and taking care of the boy?" He responded that he could. After a moment's thought, she asked him, "Do you know the man who came to visit me this morning?" He said, "No." She gave him a trusting look. "Well, there's no sense in hiding anything from you, I'd only worry that you would think badly of me. That man is my lover." Seeing that Hào seemed disturbed by this sudden disclosure, she gently, charmingly, began to pick at his shirt sleeve. "But I've decided to cut him loose. Tomorrow we're going to Sàm Son beach. This is the last time, then it's over. Will you help me? Please?" She went on to explain to him that several years before her husband had subtly arranged for her to act as an escort to Mr. Vĩ. If it was to help her husband's career, as well as little Kiddo's future, she had no qualms about doing what was required of her. But although he went out of his way to help her husband, Mr. Vĩ never once laid even his eyes on her, although she dangled herself before him like a piece of fat before a cat's mouth. Well! Since when had

anyone in this city dared to treat her as though she were no more than a chunk of potato? Her vanity rose, and she began to search for a chink in the armor of this paragon of virtue. At some point along the way - she didn't know exactly when - she fell in love with him. It wasn't until she realized that his lofty-mindedness was no more than an old man's dangerous trap designed to conquer and subdue that she grew bored with him. "In the end my husband won, but I didn't get anything at all," she complained. "Please help me so that I can part ways with the old man as smoothly as possible". "As you wish," Hào replied. "I'll watch the house, and I'll keep quiet about this as well." She gave a sad laugh. "That's not necessary, the whole city knows about us. We're just lucky they haven't put us on the evening news yet." Hào said, "Don't take the little dog with you, okay?" She was taken aback. "Why not?" Then a sudden smile. "I just remembered that Chekhov story⁽³⁾. Don't worry. These days no one uses a dog to act as a go-between for love anymore!" She paused a moment, and for the second time, Hào saw her face blaze strangely. She spoke breathlessly. "I will bring the dog with me. I'm a blind woman, but I'm still hoping to find my precious stone. Mimosa will lead the way for me." And so it was that she really did take Mimosa with her. Could it be that she still had faith that someone else awaited her at Sầm Sơn?

Three days later, she and Mr. Vĩ returned home in a Toyota which pulled up outside the gate. Hearing the sound of the horn, Hào acted the part of a diligent watchman and went out to open the gate. Unexpectedly, he came face to face with Mr. Vĩ. But the two did not greet each other, did not even utter a word. Ah, hard cash and a woman's beauty, no more than cards to be played by hands of vexatious fate!

Seeing the scowling, pent-up expression and the profuse body of old age ripening for its last time before withering, Hào knew that for the last few days at Sầm Sơn, Mr. Vĩ had only made it as far as first base. His pocketbook was probably somewhat lighter, but that other pocket which is every man's worldly burden was most certainly still full to the brim. And it made him angry. Hào heard the sounds of arguing from the upper floor, in the sitting-room.

But in the end Mr. Vĩ had no other choice than to leave. She telephoned for a car to pick him up, then cheerfully and courteously saw him out in the proper fashion. He didn't stop glowering, knowing that he had been played for a fool; his only comfort was in telling himself that he had maintained his purity in the face of a trip to a beach replete with capitalist distractions.

Hào knew that not many people can be cheerful when their lover has just forced them into retirement.

As soon as the old man had left the house, she ran to invite Hào into the sitting-room for tea. "So I've cleared myself of this pound of flesh I owed!" She stroked Mimosa as she spoke, and the dog gratefully licked her hand, proud that it had won her back and proud because that wealthy, imposing old man had coveted in vain a fate such as it was enjoying today; to be fondled and stroked by her. "I just don't understand how he could have been so lovable back then", she said, "Now it's just lecturing and telling me what to do all day long!" She stroked Mimosa and whispered, "This year Sầm Sơn was very beautiful, wasn't it, little Mimosa?" Hào guessed silently that the little dog had already played some kind of role at Sầm Sơn.

He was not wrong. Three days later a young man several years her junior came to the house. The young man wheeled a gun-barrel gray CBT 125 into the courtyard, removed his motorcycle helmet, and smiled broadly at the house. Hào gazed respectfully at the motorcycle. It was only the second time in his life he had seen such a machine; the first time was when Tú had pointed it out to him in a parking lot and had told him that, despite the fact that the entire city was crazy about Japanese products, only a few of these motorcycles had appeared to date. He called the lady of the house down and delivered the guest into her hands, then disappeared into his room with Kiddo. The guest glanced at him without a trace of surprise, as though he himself had hired several dozens of menservants of comparable quality.

They visited with each other in the sitting-room. Then she hollered for Mrs. Múi to go to the market. For lunch there was noodles with pork patties, snails stuffed with pork, a bottle of Johnny Walker worth one tenth of a tael of gold which the guest had brought, and freshly-frozen ice cream from the ice cream maker that was attached to the back of his bike. Hào joined them for lunch; after all, his contract stipulated that lunches were included. The lady of the house took a few swallows of the expensive liquor and began to chatter and laugh incessantly. She looked years younger than she had the previous day. She introduced the guest to Hào: X. here is the son of Mr. Y., and a nephew several times removed of Mr. Z., (Hào had heard of them long ago); graduated from a university in Poland, he's spent the last ten years traveling back and forth, he's got no citizenship, no family registration papers, but just renews his passport every three years (even I don't know why I have this privilege - said the guest - whenever I need it I just ask Papa); and now he is a big businessman who has who-knows-how-much capital but it's a lot, and guaranteed to not be of the Nguyễn - Văn - Muội - Hai variety⁽⁴⁾; he trades in everything from video machines to shrub brooms made for export... And what's more, he has an apartment in Warsaw and keeps a regular room at the Palace Hotel in Singapore and just flew in from there last week! She said, "At Sầm Sơn, Mr. Vi confided in me that, if it weren't for the old guard like him, the rabble of cock-sure youngsters would turn the situation upside down and ruin everything. But unfortunately for him, he can't even tell the fresh from the dried cod at the Sầm Sơn market, isn't that right, Mimosa?" The dog, that was sprawled across her thighs, made vague, affirmative noises. She continued. "As far as I'm concerned, people like dear X. here."

At this point "dear X. here" raised his hand. "Just a moment, sweetheart - now, what was it you said the other day? Ah yes, that the old man has, and is, and shall...as for me, even when I'm speaking English, I never conjugate my verbs into past and future. I am speaking, and I am living. Long live the present tense!" He lowered his hand and helped himself to a stuffed snail.

"Let me finish, now!" she protested. "As far as I'm concerned, it is precisely people like you who will lead us out of the crisis. Isn't that right, Hào?"

Hào wondered, which crisis is she talking about, that of the country or her own personal crisis? He answered, "I'm not an expert on politics but I know that in order to resolve any problem, you have to be hard and unyielding. You are very intelligent."

She laughed delightedly: "That's exactly right! That's how one must be, not like Mr. Vi, who's just... just a jellyfish!"

Apparently jealous at hearing her praise Hào's unservant-like comment, and obviously terribly intelligent himself, their guest interrupted. He glanced at a plate of balut duck eggs⁽⁵⁾ that no one had touched and his callous, red lips formed a tight smile as he turned to her. "The issue is money! How much did you buy these duck eggs for, sweetheart? Seven hundred? I promise you, if you only say the word, by tomorrow I will - (there's a "will", Hào thought) - have enough money to force down the price of balut duck eggs in this city's market to one half. And I'll keep them at that price for a week, would you like that, sweetie?" She howled with laughter again, this time because her ego had been stroked.

Hào furrowed his forehead and tried to figure out how this veritable hero of a man would force down the price of duck's eggs to one-half, and how much money he would have to put out to do so. If he is successful, Hào thought, I'll have to wade in and try to get a few eggs for myself. It had been so long he had clean forgotten what it tasted like, this dish usually reserved for wealthy philanderers. But he was getting truly tired of all this boasting. In the final analysis, blame could be laid squarely upon the English Empire - it was they that had produced this obscenely delicious Johnny Walker.

After dabbing away the tears left by her round of laughter, and still preoccupied by the

words "hard and unyielding" that he had uttered some moments before, the lady of the house turned to Hào, and asked, "And you, tell us some more, what do you think? I'm not an expert on politics." Hào simply replied, "I'm sorry, I don't know anything about politics, either."

The businessman, apparently having finally caught on to the joke, raised his hand as though he were a youthful professor trying to teach a dull student. "This is not about politics. This is about invigorating the male sexual stamina of an entire city! We've been as flat as cockroaches for too long already!" She laughed again, and, with a gesture that was no doubt intended to convey feminine shyness but fell short, said, "Darling, if that's how it is then...go ahead and lower the price of duck eggs!" Hào felt a strong desire to squelch all this overweening enthusiasm that had sprung from that bottle of English liquor. He asked 'Darling', "When do you intend to return to the country permanently to do business here?" 'Darling' wiped his mouth with a napkin and spoke through clenched teeth. "Whenever we have a representative in the National Assembly." Then he gave a greasy smile. "If not, who will protect our capital, hmm?"

After lunch, they went up to her room. Hào returned to his divan. Kiddo was already asleep, and there by his side was the overflowing chamber-pot. As so many times before, Hào launched into the familiar steps of his waltz. When he finished, he lay down next to the child. Soft music filtered through the ceiling to tickle his ear; ballads from before the war, all very familiar to him. He felt a strange longing for his mother. The empty hole in his chest gradually began to expand, to swell outward until all was encompassed in nothingness. The overly heavy meal made it hard for him to sleep. He remembered that his mother had also been rich, with an aristocratic bearing, an aristocratic bearing that she retained even after she was no longer rich. Even during the interminable days of the war. All of their silver and gold, all of their jewels—Mother had given them to him, at that time a mere three years old, so that his little hands could put them in the slot of the red painted box during Gold Week⁽⁶⁾. Mother told Father: "I'm paving the way for the children." Under Mother's direction, the whole family pitched in to break new ground for a garden along the banks of the stream; there was the sound of washing the uncooked rice in the morning, the sight of the runoff from the hard kernels flowing down the riverbanks like milk. Laughing thrushes warbled their song from behind the guava trees that Mother had planted and a rattler would put in an occasional appearance, slithering across the courtyard to disappear into the clump of medicinal basil, and by doing so give birth to a fateful event. Then came the first funeral: Father was caught in a strafing and died from a scatter bomb. The second funeral was for his oldest brother who had been killed at Trường Sơn. And then it was his turn, and he, Mother's own precious boy, disappeared into the horizons of Eastern Europe, carrying with him all the family's hopes of a genteel life. By the time he returned, Mother had passed away. Together with Mother, an entire universe of all things admirable and memorable had passed away as well. But it was as though Hào was blind. He was not prepared for the poverty and the wretchedness, and he was not prepared for life with his ex-wife, a life that had to be lived amidst the absurdities of modern times. He was not prepared to have been transformed into a manservant, working as no more than a day laborer for this intelligent but sly woman, a woman with a conscience, but with a lecherous nature as well. He tried to come up with another adjective for that but could not. In all honesty, he felt hatred and disgust at her audacious and wrongful complicity in appraising their political system by a man's inability to perform in her bed, even when the man was his own worthless boss. And it was truly intolerable too, the way her eyes lit up when that dirty little goat with nothing more than a few dollars demanded a seat in the National Assembly of the dictatorship of the proletariat. At that moment, he imagined that if there were an election she would vote for the scoundrel ten times over. So why did she still pay him every month? Why did she still make him feel affection and even desire for her? Why did that thirty-million-dong CBT 125 out there in the courtyard still cast its lofty shadow oppressively over his poverty-stricken dreams? How was it that the glittering and gentle world of his mother's desires, and of his own as well, could have disappeared with such ease? Could it be that after that year's terrifying event, the words of the old fortune-teller were fulfilled? That summer, the weather was normal and Mother set a hen to brood; but when she took down the nest, it was crawling with a swarm of baby

snakes. As for the guava tree behind the house, it bore nothing but a few sour mango teens. That day, an old fortune-teller hugging his cloth bag passed through the village. Mother slaughtered a cock-erel, and he read the feet and said, "The ancestor of this house committed much unrighteousness in his day. You must take care. One of you in this family will become a house-servant!" He went on to talk some more nonsense, and the village militia tied him to a stake and left him out in the sun for half a day before letting him go. That was the year that Father died, and then his oldest brother. The family bent heavily under the burden of death and mourning. And now his mother's youngest child had become a house-servant.

The melancholy music in the upper room suddenly died. The video player began to moan with pornographic vigor - it was this same plastic Japanese box that she had previously used to jump-start her aged moralistic lover. Then the electronic moaning also silenced, giving way to the music of life. Mimosa, which had been abandoned, padded morosely into the room and licked Hào's hand, which dangled from the divan. He picked the dog up and pulled its ears - you little ill-bred pimp, you hapless match-maker you, these good-for-nothing little dogs, whether in Chekhov's time or our own, they're all the same. The dog lay in Hào's lap and stared at the ceiling, just as Hào was staring at the ceiling. Perhaps it could penetrate farther with its canine instincts.

For the next week, this quiet house on the corner rattled continuously with the crisp sounds of the CBT 125. There were more over-loaded meals, aided and abetted by bottles of English liquor and the Japanese microchip industry. But on Sunday, he didn't come. The lady of the house handed Hào his salary along with a raise of two hundred thousand (to make up for inflation, she said), and insisted that he stay for dinner. She was sad and her face was tense, though still haughty. Hào had had a taste of her penchant for unburdening herself. They took folding cloth chairs out to the back courtyard. She said, "You're quite a prophet! If only I hadn't taken Mimosa, I would have never brought that cad into my home!"

She looked at him with the eyes of one who has just escaped catastrophe. Like an explorer who has survived the South Pole, she began to tell him the story of her few days at Sầm Sơn. That day, she had allowed Mimosa to run free along the beach so that she could take in a swim with Mr. Vĩ. They looked for a deserted corner of the beach for, whenever the two of them appeared in public in bathing suits, they could not avoid the shouts of the young men: "Hey, Pops, step aside and let us kids have at it, eh, Pops?" Though annoyed by their gutter language, she could not help but to gaze from her deserted corner at this segment of humanity, these youthful and coarse boys who were somehow sincerely coarse. As for Mr. Vĩ, he was trying his best to put his golden hands to use. He grouched, "Why didn't you wear that two-piece bikini from Thailand?" Although he was fond of pontificating that Hanoi fashion these days had become far too revealing, he himself had, after a recent trip to Bangkok, brought her two bikinis as a present. On this day, she had intentionally worn an old classic, the prim bathing suit that was a product of our very own State shops and which, after the design had passed the Department of Culture's censorship board, had been widely distributed during the seventies. Truly a bathing suit of certifiable chastity and dignity! Mr. Vĩ had no choice but to surrender before the same bathing suit that he himself had given his stamp of approval to not long ago. Annoyed at this bothersome old man who at any rate was about to be downsized, she forgot all about Mimosa. The heavens chose that moment to open up and dump sheets of rain on them as well, and that was how they lost the dog.

That evening, after they had finished their meal and while Mr. Vĩ was grumbling denunciations of that god-forsaken bathing suit, spewing at it words that are usually reserved for debates about philosophy and morality - that was when he came. He held Mimosa in his arms. Framed as he was against the background of the rain-soaked beach, he appeared a truly exquisite young man. The following afternoon, while Mr. Vĩ was giving a talk about the role of the New Woman (his favorite subject) at the Tourist Company Union, she escaped with the young man to the pine woods. She thanked him for finding Mimosa. He thanked her for giving meaning to his

lonely ocean sojourn. He called her "madam", which stroked her pride; then he called her by name, which warmed her heart; finally he called her "little darling", which sent her into an ecstasy. This revolution in nomenclature took place in the space of only fifteen minutes. Come the sixteenth minute, he told her that he had rented two hectares of pine forest for the afternoon so that nobody would pass by. By the seventeenth minute, her back was covered in sand and she was on her way to heaven for the first time in her life, that heaven that Mr. Vĩ had only described to her with his theories. His descriptions, like those of the cheap three-penny authors who replace the important parts with their dot-dot-dots, had never satisfied her.

That evening, she came to Mr. Vĩ's room (they always rented separate rooms when they came to Sầm Sơn). He was elated, partly because she was voluntarily delivering her body up to him, and partly because his lecture had been a great success - "The women ate it up, every word" - and in his opinion it was time to bring back the spirit of the old "Three Responsibilities" movement - She cut him off in mid-sentence. "Make love to me!" She had decided to give him a lavish last meal, like the meal usually given to the condemned prisoner the day before he is shot. Mr. Vĩ was stupefied with joy, just as that condemned prisoner, who for days has been seeing nothing but the execution-stake in his dreams but now awakes to find a roast chicken right before his eyes, is struck dumb to the point of being unable to eat. Mr. Vĩ, too, was unable to eat. He blamed his forgetfulness, that he had left his bottle of gecko liquor at home; he damned this run-down hotel with its bed that wouldn't stop squeaking; he even called down curses on her lingerie, what the hell did they need with no less than two openings to get in and out, just to make him fumble and get confused, nothing but a luxury product typical of the whole blasted system of democratic capitalism!

As always, he never accepted his responsibility for any failure. In spite of this, he tried to comfort her: "Darling, you must believe that I have, and am, and shall continue trying..."

That next morning, she urged him to take her home so that she wouldn't miss her rendezvous with the young man, the man who had rented two hectares of pine forest for one afternoon with her.

Now she sighed. "But I'm bored stiff with him already! These new bourgeois capitalist cads are no better than the old men with their false morality! Oh, Hào, why is my fate so black?"

Hào silently cursed himself for the undeniable but understandable flash of self-satisfaction that he felt. He stood and excused himself.

"Don't hurry so, Hào." Her voice was strangely intimate. "If you go home now I'll keel right over from depression. Why is it that I always meet up with none but these half-baked idiots? What rock do they crawl out from under, anyway? Hào?"

Hào sensed that her disgust was sincere. It dissolved across his skin together with the scent of French perfume and the fragrance of her breath. After all, she did have good reason to feel sorry for herself. At least she had the courage and munificence to redistribute the riches she plundered from her girl-happy chumps. She was supporting a scholar with a master's degree on a salary three times that of his official salary, and by doing so had plucked him out of his interminable unemployment which was encoded in the phrase 'strategic research' and wrapped up neatly in a shell of useless theses. But he quickly hardened himself again, holding fast to the timeless envy of the poor and the disgusted horror of the slandered intellectual. Then, with diplomatic care, he stood up.

But fate was to drive him in another direction. Several weeks later, the lady of the house fell ill. Hào, as curious and prying as though he had been a man-servant all his life, guessed secretly that the young entrepreneur without a nationality had been in-country just long enough to

invest a "foreign object" in the hinterlands before being deported. Motivated in part by propriety and in part by compassion, Hào went up to visit her. She lay motionless on the bed, her arms stretched out on top of a thin blanket. She patted the edge of the bed with a hand that was as fluttery and gentle as a butterfly's wing and told him to sit down next to her. Seeing that the collapsible Japanese chairs had been put away, and that he could not sit on the night table, which was the only other sittable object in the room, he had no choice but to do as she said. His hand trembled as it grasped the edge of the bed. In one glance she had seen and understood everything. She took his hand in hers - her hand, that soft and gentle butterfly-wing hand - and implored him to help her. She said, "Can you arrange to go away with me for a few days?" He looked at Mimosa stretched out at his feet and didn't answer.

And then he did go with her, after they had arranged for a sitter for Kiddo and the house. He would have to take her to some anonymous hospital in Hanoi. Just as he had guessed, she needed to hastily expel the young entrepreneur's hastily-deposited drop of blood. She needed him to play the part of husband to add some legitimacy to the situation as well as to relieve a measure of her self-pity. From the very beginning of their relationship, Mr. Vĩ had requested that she have the deed done in any city other than the city in which he enjoyed prestige and power. For, regardless of who the child in her womb actually belonged to, public opinion would assume that it was his, and that would be an inconvenience to him during election-time. So all in all there were more than enough reasons that Hào should escort her on this trip.

They disembarked the train at dusk and checked into a hotel near the station. The receptionist gave them a knowing look while telling them they could rent a room together, no problem. The lady of the house rented two. He remarked to her about the tourist industry's permissive business practices. It was clear that the new policy of Đổi Mới⁽⁸⁾ was taking hold. She said, "If you've got an empty house, you've got to be permissive!" They spent the night in an atmosphere of abeyance and did not broach the other's territory.

The following day, she wasn't yet ready to check into the hospital. She demanded that he take her to see some of Hanoi's famous landmarks. He took her to the Văn Miếu Temple of Literature to express to her his love for Vietnamese culture; then to the Thăng Long bridge⁽⁹⁾ so she could admire the fraternal spirit of Soviet-Vietnamese relations. Their outing concluded at the famous Chả cá fish patty restaurant, wedged in between large Western men and women who were all paying in dollars. Long before, Hào had made a plan to concentrate all his resources in the year 2000 to fly to Hanoi for his first and last meal of Chả cá fish patties. Now, due to her, he had surpassed the quotas laid out in his master plan a good nine years ahead of schedule. After they had eaten and finished up with coffee, the bill was laid on the table. Hào felt faint. He might as well have bought the entire Eiffel tower! But the lady of the house brought out her wallet just in time, her slightly pale face betraying no emotion whatsoever. Relieved, he made a mental note that she was the first woman ever to share his dinner and not expect him to reach for his wallet.

She demanded then to go to Hồ Têy Lake, which they did. A young street vendor brought them two rat-tan chairs, set them in a dimly-lit spot at the foot of a tree, then ran back for two bottles of soda produced by the Prosecutor's Office of City X⁽¹⁰⁾. She took his hand. "Are you tired?" He said, "Culture differs from sex in only one aspect: it leaves one energized, not fatigued." She smiled. "Quite true! There are people here in Hanoi who has spent two million in one day for me, but nobody has ever taken me to a cultural or historical site. You intellectuals are truly delightful." He thought, probably the other men's formula was: Fancy restaurant, then bed. As for an intellectual, it would be: Văn Miếu Temple of Literature, then the Ngô Quyền exhibition hall. Tickets are only 200 dong, and nearby you can buy ice cream bars, also just 200 dong and you get all of three different colors in each bar. Intellectuals, as a rule, seldom have to spend money, even when escorting a beautiful woman. They just have to expend a little saliva, that's all. It's always been that way.

She did not allow him time for his rambling thoughts. Her hand was hot on his arm, squeezing hard. "Yet I have never had the honor of having an intellectual look at me with approval." He said, "Because you are so beautiful and they are so poor. The gods take mercy on the fools, remember that old saying? They do not spend their time helping the bookworms." "The gods can be jealous, though," she observed. "I'm sure there is some female god out there who is jealous and hates me. I try to find just one person for me but never do..." She sighed. The way she negated altogether four men's lives in one sigh annoyed him. But, possessing the sensitive nature of the intellectual, he also felt touched. He said, "You will find him eventually."

She suddenly looked straight into his eyes. "Do you know why my husband just lays about in Hong Kong and doesn't come home? Go ahead and guess!" He was silent. "He's got AIDS, that's why!" she said. "Truly wretched! His last patriotic action was to request that WHO register him on the list of Hong Kong AIDS cases rather than Vietnamese. Slipping one more debauched wretch over to the capitalists is no injustice."

He felt her pain palpably, as though her were actually touching it. Her voice returned to normal. "I demanded a divorce, but Mr. Vi advised me otherwise. 'Don't lose faith,' he said. 'Science will find a cure for that monstrous disease. And one day your husband will return. Just like Simonov's poem ⁽¹¹⁾. Well, I understand only too well his black heart. If I were divorced, suppose I demanded to marry him? It would be enough to ruin his career. And anyway, it was wonderfully convenient the way it was, what with one half of his budget for lovemaking being subsidized by the Hong Kong capitalists, leaving only one half that had to be gouged out of the guts of the government somewhere. When I speak of him like this, do you think badly of me?"

Hào replied, "I am a scientist. I like to have all of the data on any given issue."

"There's more. I hate him also for this horrible story. One day we went to see a movie together. While we were pushing and shoving into the theater, a lady stomped on my foot with her 7-centimeter heels. I screamed to high heaven. It should've taken just one word of apology to finish the matter, but she denied it up one wall and down the other and even cursed back at me into the bargain. We grabbed each other by the hair, cursing back and forth. I don't know if it was a lucky guess or with full knowledge, but she called me a 'novice little whore strutting around with a dirty old goat!' Mr. Vi went purple in the face. They invited us into the ticket-seller's booth. We had to give our name, age, and place of employment and then apologize to each other. That evening, as we lay in my bed at home, Mr. Vi would do nothing but grill me on every detail about that shrew of a woman. He took out a notebook and made notes. Three months later, I saw her again. She was sitting on the street and selling vegetables, a complete mental and physical wreck. She had been forced to quit work, her husband was on "seventy-percent"⁽¹²⁾ retirement, and they had two small children. I asked her, how could she have come to this? Turns out, in her position as a warehouse secretary, she had allowed twenty-one bars of workers' subsidy soap⁽¹³⁾ get lost or destroyed. Well, I knew only too well which spider had spun the web that had caught this skinny, starving she-fly. I begged him. But he just sneered at me unpleasantly. "We must act decisively in order to raise the intellectual standard of the people," he said. There you have it. He paid me for my services with his power, the very power that people like me and you, and even that secretary, have given him. And that wretch of an investor? He made me deliriously happy, but he paid me on a daily basis. Sometimes several million, mind you, but paid daily, meaning he paid only for what I put out. He said that all over the world, that's how people do it."

She let go of his arm and held her face in her hands. Hào could no longer sit silently. He quietly raised his hand to stroke her hair, and an emotion welled up in his heart, the emotion an older brother might feel for a younger sister. She looked up at him gratefully. "You're so different from them!" Then her arms encircled his neck, and she kissed him.

That night, she came to him. As delicious and fragrant as a slice of jackfruit, and serenely dignified as well. He did not pretend to himself that he had not felt desire for her many times before. But now he was frozen. It wasn't that he was a virgin, like Daudet's shepherd-boy who had gently cradled his mistress on his shoulder as she slept. Nor was she a lost star⁽¹⁴⁾. She displayed those ferocious yet inimitably innocent instincts which are the birthright of every woman. And yet he did not desire her. If only she would leave him to his tranquility, he would comfort her as an older brother. But she had worked herself into a tantrum, sputtering, "This is the best an intellectual can do? Your books didn't teach you about this, huh?" She lowered herself before him and did things that she had never done for any other man. But he remained shriveled up, lost in his academician's sorrow. She threw her underwear—two minuscule fragments of Thai fabric—into his face and hissed at him through clenched teeth her woman's fury: "Yet another jellyfish! I despise you even more than the other three!" Then, naked from head to toe, she walked out the door and returned to her room.

One month later, after recovering from her illness, she allowed a cyclo driver to park his vehicle in her courtyard at night. He told her his story: his house and his family had been burned to ashes in a fire, and for two months he had been sleeping in his cyclo at the train station or under the bridge. Mrs. Múi whispered to Hào, "Every other night without fail that man goes up to her room and sleeps with her. The wretch!" Hào replied, "Eureka! Our mistress has found it!" Mrs. Múi had certainly never heard Greek before; imagining him crazy, she ran and disappeared into the kitchen.

The last English phrase Hào taught to Kiddo was 'The Man'. The following day he quit. He walked towards his home at a leisurely pace as dusk was darkening the sky. A line of cargo cars was stopped at the train station. He saw that the workers were unloading twelve cars of balut duck eggs. The baskets of eggs glowed as though surrounded by a halo. The eggs could be seen budding up out of their nests of straw, each one looking like a glans topping off the genitals of some kind of heroically strong man, the likes of which had never before been seen. There had also never before been any company in town which had bought such an incredibly large amount of eggs.

The next morning, the streets were littered everywhere with chalk-lettered signs: "Balut duck eggs - sale - fifty percent off!" People worried and whispered to each other that, come one more year, there could be no doubt but that the city's population would be completely out of control.

Kim Giang. July, 1991

(Translated by Rosemary Nguyen – Seattle - USA)

1. Đơn vị tiền tệ của Malaysia, 1 RM có giá trị khoảng 6 - 7 nghìn đồng Việt Nam.
2. Một hàm phẩm do hoàng gia cấp bang ở Malaysia phong tặng cho những người có đóng góp lớn cho xã hội.
3. Low-fare-no-frills: Giá vé rẻ và loại bỏ hết những dịch vụ không thiết yếu như ghế ngồi hạng thương gia, đồ ăn miễn phí trên máy bay, v.v...
4. Internet Protocol TV: truyền hình giao thức Internet, một hệ thống dịch vụ truyền hình kỹ thuật số được truyền đến người xem thông qua các công nghệ sử dụng cho các mạng máy tính, thay vì phát hình vô tuyến hay truyền hình cáp
5. Initial Public Offerings: lần đầu phát hành cổ phiếu ra công chúng
6. Maintenance, Repair, and Overhaul: Bảo dưỡng, sửa chữa và đại tu
7. Một tộc người chuyên sống ở các vùng băng giá như Đông Siberia (Nga), Alaska (Mỹ), Bắc Cực.
8. Mass rapid transit: mạng lưới giao thông công cộng cao tốc, hoặc có thể tạm gọi là tàu điện ngầm
9. Đồng tiền của Malaysia, 1 RM = 100 xen
10. Một nhân vật trong phim Chiến tranh giữa các vì sao
11. Giải bóng bầu dục danh giá nhất ở Mỹ, là một trong những sự kiện thể thao được xem nhiều nhất trên thế giới.
12. Công-xooc-xi-om là từ phiên âm từ tiếng Latinh của consortium, có nghĩa gần giống như hiệp hội hay liên đoàn, có nguồn gốc ở từ consors có nghĩa là người sở hữu của các phương tiện hay đồng đội. Từ này chỉ tới sự cộng tác tạm thời để thực hiện một nhiệm vụ cụ thể nào đó hay để đưa ra một dịch vụ hoặc sản phẩm nhất định một cách có hiệu quả hơn. Một công-xooc-xi-om là sự liên kết của hai hay nhiều các cá nhân (thuật ngữ pháp lý là thể nhân), công ty, trường đại học, hoặc chính quyền (hoặc bất kỳ tổ hợp nào của các thực thể pháp lý này) với mục đích tham dự vào các hoạt động chung hoặc đóng góp các tài nguyên của mình để đạt được mục tiêu chung. Mỗi bên tham gia vẫn duy trì tư cách pháp nhân riêng biệt của mình và nhờ thế, việc kiểm soát của công-xooc-xi-om đối với mỗi bên tham gia nói chung bị giới hạn trong các hoạt động tham dự vào các nỗ lực chung, cụ thể là phân chia lợi nhuận.
13. "Now, everyone can fly Xtra long like never before."

1. Earnings Before Interest, Taxes, Depreciation, Amortization, and Restructuring or Rent Costs: Lợi nhuận trước lãi, thuế, khấu hao, chi phí tái cấu trúc hoặc đi thuê .sup

1. Earnings Before Interest, Taxes, Depreciation, Amortization, and Restructuring or Rent Costs: Lợi nhuận trước lãi, thuế, khấu hao, chi phí tái cấu trúc hoặc đi thuê

Cách Nhật Nam gọi mẹ âu yếm

(1) Pollyanna: Tên một nhân vật nữ trong cuốn tiểu thuyết cùng tên của nhà văn Eleanor H. Porter, chỉ những người lúc nào cũng lạc quan quá mức.

Von-Hippel-Lindau (VHL): Một hội chứng có u nguyên bào mạch máu, đặc biệt trong tiểu não, kết hợp với các nang ở thận và tuyến tụy, u mạch trong võng mạc, ung thư các tế bào thận, và các vết bớt đỏ.

Sự kiện Fashoda (còn gọi là Cuộc khủng hoảng Fashoda): sự kiện đỉnh điểm sau một loạt những tranh cãi về lãnh thổ ở châu Phi kéo dài nhiều năm giữa hai đế quốc Anh và Pháp. Thực ra, các đế quốc châu Âu đã quan tâm tới châu Phi từ những năm 1670 và cùng chia nhau chiếm các quốc gia ở châu lục này làm thuộc địa. Vì lý do này mà cuộc đụng độ giữa Anh và Pháp năm 1898 tại thị trấn Fashoda (nay là Kodok), Sudan, liên quan tới danh dự dân tộc nhiều hơn, bởi nó thể hiện sức ảnh hưởng của mỗi đế quốc tại châu Phi. Việc Pháp rút quân khỏi Fashoda do lo ngại khả năng chiến tranh bị coi là một nỗi nhục lớn.

Sự kiện Dreyfus (1894-1906): vụ bê bối chính trị đã làm chia rẽ sâu sắc xã hội Pháp và mang đến nhiều hệ lụy cho nước Pháp về sau. Sự kiện này bắt đầu từ tháng Mười hai năm 1894, khi viên đại úy trẻ Alfred Dreyfus, một người Pháp gốc Do thái, bị kết tội phản quốc và kết án tù chung thân vì bị cho là đã tiết lộ những bí mật quân sự của Pháp cho Đại sứ quán Đức ở Paris. Bản án này là một sai lầm tư pháp, có nguồn gốc từ nỗi sợ gián điệp trong bối cảnh niềm căm thù của người Pháp với người Đức sau cuộc chiến tranh Pháp-Phổ năm 1871 và từ chủ nghĩa bài Do thái – hai nét nổi bật trong tâm lý xã hội Pháp đương thời. Năm 1898, nhà văn nổi tiếng Émile Zola đã viết bài báo phàn phui vụ bê bối này, từ đó xuất hiện một chuỗi những cuộc khủng hoảng chính trị và xã hội có một không hai ở Pháp và chỉ chấm dứt vào năm 1906 khi Dreyfus được minh oan và phục hồi danh dự hoàn toàn.

Le Bourget và Stains: hai thị trấn ở ngoại ô Paris.

François Achille Bazaine (1811-1888): Thống chế Pháp, người đã giao nộp đội quân Pháp cuối cùng cho Phổ trong cuộc chiến tranh Pháp-Phổ (1870-1871).

Tên đầy đủ là Trường Quân sự Đặc biệt Saint-Cyr, là học viện quân sự quan trọng nhất của Pháp, do

Napoléon Bonaparte thành lập năm 1802.

Arras: là thủ phủ của tỉnh Pas-de-Calais thuộc miền bắc nước Pháp, bên bờ sông Scarpe.

Joseph Jacques Césaire Joffre (1852-1931): Thống chế Pháp, Tổng tham mưu trưởng Quân đội Pháp từ năm 1914-1916 trong cuộc Thế chiến I. Tháng Chín năm 1914, ông đã lập nên một chiến công vang dội trong trận đánh Trận sông Marne lần thứ nhất có ý nghĩa quyết định về mặt chiến lược của Liên quân Anh-Pháp. Qua đó, ông trở thành một vị anh hùng dân tộc, là vị tướng Pháp đầu tiên đánh thắng được người Đức trong thế kỉ XX. Thậm chí nhân dân Pháp còn tôn vinh ông là Papa Joffre (Cha Joffre) sau thắng lợi về vang này.

Biệt danh của Georges Benjamin Clemenceau (1841-1929), chính trị gia người Pháp, từng giữ vị trí Thủ tướng Pháp trong khoảng thời gian 1906-1909 và 1917-1920. Ông là người đã đưa nước Pháp đến thắng lợi trong Thế chiến I. Trong suốt cuộc chiến tranh, ông giữ tinh thần kiên định và luôn tin tưởng rằng Pháp có thể đạt được thắng lợi tuyệt đối. Ông thường xuyên tới tận mặt trận để thăm hỏi, động viên binh lính, ông còn nhân cơ hội đó để đích thân đứng lên chỉ huy và nhục mạ quân địch, dù mặt trận quân địch chỉ cách đó vài mét. Những chuyến thị sát của ông đã gây ấn tượng mạnh và truyền nhuệ khí cho binh lính, qua đó ông được gọi bằng biệt danh Le Tigre (Con Hổ), hay Le Père-la-Victoire (Người cha chiến thắng).

Raymond Poincaré (1860-1934): chính trị gia người Pháp, từng ba lần giữ chức Thủ tướng Pháp và làm Tổng thống Pháp giai đoạn 1913-1920. Ông là người theo trường phái bảo thủ và nổi tiếng vì thái độ chống Đức mạnh mẽ.

Aristide Briand (1862-1932): chính trị gia người Pháp, từng có 11 nhiệm kì giữ chức Thủ tướng Pháp trong Đệ tam Cộng hòa. Briand phản đối cách cư xử hà khắc dành cho Đức sau Thế chiến I, đồng thời lên án việc Pháp đóng chiếm một số vùng của Đức. Năm 1925, ông ký một thỏa thuận hòa giải với Đức. Năm 1926, ông được nhận giải Nobel Hòa bình chung với Bộ trưởng Ngoại giao Đức Gustav Stresemann vì đã hòa giải mối quan hệ Pháp-Đức sau Thế chiến I.

André Pierre Gabriel Amédée Tardieu (1876-1945): chính trị gia người Pháp, ba lần giữ chức Thủ tướng Pháp, là nhân vật nổi bật trên chính trường Pháp giai đoạn 1929-1932.

Augustin Alfred Joseph Paul-Boncour (1873-1972): chính trị gia người Pháp, từng đảm nhận nhiều vị trí khác nhau trong nội các như Bộ trưởng Chiến tranh (1932), Thủ tướng (1932-1933), Bộ trưởng Ngoại giao (1932-1938).

Pierre-Paul-Henri-Gaston Doumergue (1863-1937): chính trị gia người Pháp, từng làm Thủ tướng và Tổng thống Pháp (1924-1931). Ông được đánh giá là một trong những Tổng thống Pháp được yêu thích nhất.

Tiếng Đức là Führer, chỉ Adolf Hitler.

Nhân vật trong thần thoại Hy Lạp, vợ Odysseus, vua xứ Ithaca. Trong suốt 20 năm chồng vắng nhà, nàng Penelope vẫn một dạ chờ chồng trở về, dù có rất nhiều người tới cầu hôn. Song trước áp lực của của những người tới cầu hôn, nàng buộc lòng phải hứa sẽ chọn một trong số họ làm chồng, nhưng nàng tìm mọi cách để trì hoãn việc này. Một trong những cách đó là nàng yêu cầu họ chờ cho tới khi nàng dệt xong tấm vải liệm để dùng trong đám tang của bố chồng, lúc đó đã già yếu. Nhưng ban ngày nàng dệt được bao nhiêu thì ban đêm nàng lại lén tháo tung ra để hôm sau làm lại từ đầu. Từ đó, thành ngữ “tấm vải nàng Penelope” dùng để chỉ một việc được tiến hành kiên trì, liên tục nhưng không bao giờ hoàn tất. Phòng tuyến Maginot, được đặt theo tên của Bộ trưởng Chiến tranh Pháp André Maginot, là một công trình xây dựng quân sự dọc biên giới Pháp-Đức và Pháp-Ý với mục đích bảo vệ lãnh thổ Pháp sau kinh nghiệm thành công của đường lối chiến tranh phòng thủ trong Thế chiến I. Tuyến phòng thủ gồm các tường thành bê tông với nhiều ụ chống tăng, lô cốt đại bác, ổ súng máy và đồn quân sự. Người Pháp xây dựng phòng tuyến này với mục đích kéo dài thời gian để huy động quân đội khi bị tấn công, giúp quân Pháp có thể di chuyển vào Bỉ để thực hiện trận đánh quyết định với Đức. Các chuyên gia quân sự Pháp ca ngợi Phòng tuyến Maginot là một công trình thiên tài, có khả năng ngăn chặn bất kỳ cuộc tấn công nào từ phía đông. Tuy nhiên, trong khi hệ thống công sự này có thể ngăn chặn được những cuộc tấn công trực tiếp, thì nó lại không hiệu quả về mặt chiến lược, bởi Đức xâm nhập vào Pháp qua Bỉ, đi vòng qua Phòng tuyến Maginot.

Ambroise-Paul-Toussaint-Jules Valéry (1871-1945): nhà thơ, triết gia nổi tiếng của Pháp.

François Michel Le Tellier, Hầu tước xứ Louvois (1641-1691), thường được gọi là Louvois. Ông là Bộ trưởng Ngoại giao phụ trách chiến tranh trong triều đại của vua Louis XIV. Louvois là một trong những bộ trưởng chiến tranh vĩ đại hiếm hoi và lịch sử Pháp chỉ có thể so sánh ông với Carnot.

Lazare Carnot (1753-1823): chính trị gia, kỹ sư, và nhà toán học người Pháp, được mệnh danh là Nhà tổ chức chiến thắng trong cuộc cách mạng Pháp diễn ra trong giai đoạn 1792-1802. Cả Louvois và Carnot đều phải tổ chức quân đội theo hệ thống mới trên nền tảng là các nguyên liệu cũ. Cả hai đều là những nhà tổ chức chiến dịch quân sự tài ba và quan tâm tới đời sống vật chất của binh lính.

Hans von Seeckt (1866-1936): là một vị tướng của Đức, nhân vật trung tâm mang lại những chiến thắng cho Đức ở mặt trận phía đông trong Thế chiến I.

Augustin Alfred Joseph Paul-Boncour (1873-1972): chính trị gia người Pháp thời Đệ Tam Cộng Hòa. Lebensraum: tiếng Đức nghĩa là “Không gian sinh tồn cho dân tộc Đức siêu việt”. Đây là chủ trương mở rộng lãnh thổ cho người Đức được phát triển từ thời Đế quốc Đức (1871-1918), sau đó trở thành một trong những mục tiêu của Đức trong Thế chiến I và là một phần quan trọng trong hệ tư tưởng của Đảng Quốc xã. Đảng Quốc xã ủng hộ chủ nghĩa bành trướng lãnh thổ để chiếm Lebensraum cho những chủng người ưu việt.

Mùa hè năm 1935, Adolf Hitler thành lập tổ chức Nghĩa vụ Lao động (Reichsarbeitsdienst – RAD) nhằm giảm thiểu tác động của tình trạng thất nghiệp đối với nền kinh tế Đức, quân sự hóa lực lượng lao động và truyền bá tư tưởng của Quốc xã vào lực lượng này. Theo chính sách này, tất cả nam thanh niên Đức trong độ tuổi 19-25 đều phải tham gia lao động công ích cho chính phủ trong sáu tháng trước khi thực hiện nghĩa vụ quân sự. Về sau, phụ nữ cũng được huy động để làm những công việc như dạy học và phục dịch trong các gia đình quan chức cấp cao của Đảng Quốc xã.

Nút thắt Gordian: đây là một thành ngữ liên quan đến Alexander Đại Đế (356-323 TCN). Theo truyền thuyết, nhà vua Gordias xứ Phrygia đã để lại một cái nút thắt được buộc rất phức tạp (nút thắt Gordian) với lời nguyện rằng ai cởi được nó sẽ làm bá chủ cả châu Âu và châu Á. Rất nhiều người đã thử nhưng không ai cởi được nút thắt này. Khi vua Alexander xứ Macedoin trên đường chinh phạt dừng chân tại Phrygia, ông cũng tìm cách cởi nút thắt này. Sau một hồi loay hoay không thành công, ông nảy ra một ý tưởng là lấy gươm cắt nó làm đôi. Lời giải bất ngờ của vua Alexander làm thần Zeus rất thích thú và đưa Alexander trở thành Đại Đế, làm chủ cả hai châu lục. Về sau, hình ảnh nút thắt Gordian dùng để chỉ những vấn đề hết sức phức tạp và nan giải.

Hermann Wilhelm Göring (hoặc Goering) (1893-1946): là chính trị gia, lãnh đạo quân sự, và thành viên chủ chốt trong Đảng Quốc xã. Trong Thế chiến I, Goering là một phi công chiến đấu xuất sắc.

Paul Reynaud (1878-1966): chính trị gia người Pháp, nổi tiếng vì các quan điểm bảo vệ tự do kinh tế và chống đối Đức.

André Léon Blum (1872-1950): chính trị gia người Pháp, ba lần làm Thủ tướng Pháp.

Pierre Laval (1883-1945): chính trị gia người Pháp, từng đứng đầu chính quyền Pháp giai đoạn 1935-1936.

Stanley Baldwin (1867-1947): chính trị gia người Anh, từng ba lần giữ chức Thủ tướng Anh.

Falange: chỉ các học thuyết và hành động của đảng phát xít Falange của Tây Ban Nha.

Léopold III (1901-1983): Vua Bỉ giai đoạn 1934-1951.

Édouard Daladier (1884-1970): chính trị gia người Pháp, giữ chức Thủ tướng Pháp giai đoạn đầu của Thế chiến II.

Hiệp ước Munich: một thỏa thuận giữa Đức, Pháp, Anh, và Italy, cho phép Đức Quốc xã sáp nhập vào lãnh thổ Đức những phần đất ở Tiệp Khắc, nơi có đa số người Đức ở. Hiệp ước này được coi là một hành động nhân nhượng bất thành trước Đức nhằm ngăn chặn nguy cơ chiến tranh, bởi sau đó Hitler lấn tới thôn tính toàn bộ Tiệp Khắc.

“Cuộc chiến tranh kỳ quặc”: chỉ giai đoạn tương đối yên bình trong khoảng đầu của Thế chiến II. Ngày 3 tháng Chín năm 1939, sau khi Đức Quốc xã tấn công nước đồng minh Ba Lan, Anh-Pháp tuyên chiến với Đức. Tuy nhiên, sau khi tuyên chiến, Anh-Pháp lại không có hành động quân sự đáng kể nào nhằm vào Đức và Đức đánh bại Ba Lan chỉ trong khoảng năm tuần. Ngày 10 tháng Năm năm 1940, tám tháng sau khi liên minh Anh-Pháp tuyên chiến với Đức, quân Đức tiến công vào Bỉ, Hà Lan, và Luxembourg, đặt dấu chấm hết cho giai đoạn “cuộc chiến tranh kỳ quặc”.

Cung điện Palais-Bourbon: trụ sở của quốc hội Pháp.

Duce: Thủ lĩnh, biệt danh của Mussolini.

Djibouti, Tchad: tên hai quốc gia ở châu Phi, thuộc địa của Pháp thời đó.

Nhắc đến Hiệp ước không xâm lược lẫn nhau giữa Đức và Liên bang Xô viết (còn gọi là Hiệp ước Xô-Đức, Hiệp ước Molotov-Ribbentrop, hay Hiệp ước Hitler-Stalin), được ký ngày 23 tháng Tám năm 1939 giữa Ngoại trưởng Vyacheslav Mikhailovich Molotov đại diện cho Liên Xô và Ngoại trưởng Joachim von

Ribbentrop đại diện cho Đức Quốc xã. Hiệp ước này có hiệu lực cho tới khi Đức đơn phương phá vỡ khi tiến quân xâm lược Liên Xô vào ngày 22 tháng Sáu năm 1941.

Đường Saint-Dominique: nơi đặt trụ sở Bộ Quốc phòng của Pháp.

Maurice Gustave Gamelin (1872-1958): tướng Pháp, được nhớ đến vì sự kiên định bảo vệ các giá trị cộng hòa và thất bại trong việc chỉ huy quân đội Pháp trong cuộc xâm lược của Đức Quốc xã năm 1940. Ông là một vị tướng tài, được nể trọng cả ở Đức, và từng rất thành công trong Thế chiến I. Có ý kiến cho rằng thất bại của ông trong Thế chiến II là do ông vẫn vận dụng những phương pháp đã sử dụng trong Thế chiến I.

Alphonse Joseph Georges (1875-1951): tướng Pháp, là Tư lệnh mặt trận Đông Bắc giai đoạn 1939-1940. Ông là phó tướng của Gamelin song mối quan hệ giữa hai người thường xuyên căng thẳng. Khi Thế chiến II nổ ra, Gamelin và Georges cam đoan với Daladier rằng Pháp có quân đội mạnh nhất thế giới, song rốt cuộc họ lại sững sờ khi thấy mặt trận đồng minh tại Sedan bị quân Đức phá vỡ.

Hermann "Papa" Hoth (1885-1971): tướng Đức, tham chiến tại Pháp trong Thế chiến II.

Paul Ludwig Ewald von Kleist (1881-1954): Thống chế Đức trong Thế chiến II.

Một con sông lớn ở châu Âu, bắt đầu từ Pháp, chảy qua Bỉ và Hà Lan rồi đổ ra Biển Bắc.

Vùng các quốc gia thấp: chỉ vùng duyên hải phía Tây châu Âu, bao gồm chủ yếu là Hà Lan và Bỉ và vùng châu thổ thấp của các sông Rhin, Meuse, Scheldt và Ems, nơi phần lớn đất nằm dưới mực nước biển.

D2: Char D2, một loại xe tăng của Pháp được sử dụng trong giai đoạn giữa hai Thế chiến.

Renault 35, hay R35: loại xe tăng bộ binh của Pháp, được sử dụng trong Thế chiến II.

Stuka (từ tiếng Đức Sturzkampfflugzeug, nghĩa là máy bay ném bom bổ nhào): loại máy bay ném bom bổ nhào gồm hai người (một phi công và một xạ thủ phía sau) của lực lượng không quân Đức Quốc xã thời Thế chiến II.

Somua: Xe tăng kỵ binh của Pháp dùng trong Thế chiến II.

John Standish Surtees Prendergast Vereker, Viscount Gort VI (1886-1946): Thống chế Anh, nổi tiếng với lệnh yêu cầu gửi Lực lượng Viễn chinh Anh tới Pháp trong năm đầu tiên của Thế chiến II, nhưng đội quân này sau đó đã rút khỏi Dunkirk.

Maxime Weygand (1867-1965): Tư lệnh Pháp, phục vụ trong Thế chiến I và Thế chiến II. Trong cuộc xâm lược Pháp năm 1940, ban đầu Weygand chiến đấu chống lại quân Đức, nhưng sau đó đầu hàng và phần nào hợp tác với quân Đức khi phục vụ trong Chính phủ Vichy (chính phủ Pháp hợp tác với phe Trục từ tháng Bảy năm 1940 đến tháng Tám năm 1944 do Thống chế Philippe Pétain đứng đầu). Về sau, Weygand bị Đức bắt giam vì không chịu hợp tác hoàn toàn.

Tức Charles de Gaulle. Ông được phong tướng vào ngày 24 tháng Năm năm 1940, và ông giữ vị trí này suốt đời.

Victor Fortune (1883-1949): tướng lĩnh của quân đội Anh, chỉ huy Sư đoàn Bộ binh Cao nguyên Scotland trong Trận chiến nước Pháp năm 1940, sau đó bị rơi vào bẫy và buộc phải đầu hàng quân Đức vào ngày 12 tháng Sáu năm 1940.

Charles de Gaulle phản đối chuyện đầu hàng và đề xuất rằng chính phủ Pháp nên chuyển tới Bắc Phi để tiếp tục tiến hành chiến tranh từ các quốc gia thuộc địa của Pháp ở châu Phi.

Như chú thích trước.

Ferdinand Foch (1851-1929): Thống chế Pháp, hoạt động trong Thế chiến I.

Cuộc chiến Pháp – Phổ diễn ra trong giai đoạn 1870-1871, trong đó quân Phổ giành chiến thắng.

Năm 1870, Hoàng đế Napoléon III thất trận ở chiến trường Sedan và phải đầu hàng nước Phổ. Adolphe Thiers lên làm thủ tướng của Chính phủ Pháp đã ký các điều khoản hòa ước với Phổ. Không chấp nhận hòa ước, nhân dân Paris đã đứng lên phản đối và thành lập Công xã. Tuy nhiên, Công xã chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn rồi bị quân đội của chính phủ Thiers đàn áp.

Nước nặng: là thành phần hóa học có thể dùng để sản xuất vũ khí hạt nhân. Trong Thế chiến II, Đức Quốc xã có dự án lấy nước nặng để sản xuất vũ khí hạt nhân.

Dakar: thủ đô Senegal, Tây Phi.

Georges Vanier (1888-1967): Đại sứ Anh và Canada.

René Mayer (1895-1972): chính trị gia cấp tiến người Pháp, sau này trở thành một bộ trưởng của Tướng de Gaulle tại Alger. Về sau, ông trở thành Thủ tướng của Đệ tứ Cộng hòa Pháp.

Sau khi Pháp đầu hàng Đức, số phận hải quân Pháp chưa được định đoạt. Phần lớn các thiết giáp hạm của Pháp lúc này đang neo đậu ở căn cứ Mers-el-Kébir, Algérie. Trước tình hình đó, Hải quân Hoàng gia Anh quyết định can thiệp và nổ súng vào căn cứ này, gây nên những thiệt hại nặng nề về người và của cho

Pháp.

Spaak, Zaleski: Bộ trưởng Ngoại giao của Bỉ và Ba Lan khi đó.

Défense contre avions: Lực lượng phòng thủ chống máy bay

BCRA là viết tắt của Cơ quan tình báo và hành động trung ương.

Chương trình Lend-Lease (Vay-Mượn): một chương trình được Mỹ thực hiện từ năm 1941 đến 1945.

Chương trình này cung cấp các nhu yếu phẩm, đạn dược, phương tiện vận tải và tiền mặt cho các quốc gia Đồng minh tham chiến trong Thế chiến II.

Chỉ những nhà vua Iraq và Transjordanie thuộc triều đại Hussein mà Lawrence d'Arabie đã ủng hộ.

Ám chỉ giấc mộng đẹp và ngắn ngủi.

Nhà văn người Pháp.

Nhân vật có số phận bi thảm trong thần thoại Hy Lạp.

Nhà triết học tôn giáo, nhà tâm lý, nhà thơ người Đan Mạch.

Nhà triết học, nhà tư tưởng nổi tiếng Hy Lạp cổ đại.

Tư Mã Chiêu là kẻ luôn âm mưu cướp nhà Ngụy.

Nhà triết học nổi tiếng người Đức.

Tự là Dật Thiệu, hiệu là Đạm Trai, là nhà thư pháp nổi tiếng thời Đông Tấn trong lịch sử Trung Quốc.

Là tác phẩm tiêu biểu về hành thư của Vương Hi Chi, được khen là bảo thư.

Hám lợi trước mắt mà quên họa phía sau.

Bác học vĩ đại người Pháp thế kỷ 17.

Họa từ miệng mà ra.

Tổng thống thứ 36 của Mỹ.

Sĩ quan, thuyền trưởng hải quân, năm 1912 đã chết trên con tàu bị đắm.

Tự Hy Văn, thụy Văn Chánh – là một nhà chính trị, nhà văn, nhà quân sự, nhà giáo dục thời Bắc Tống.

Thành phố lấy việc đánh bạc làm trung tâm du lịch và mua sắm nổi tiếng ở Mỹ.

Ám chỉ một người gặp khó khăn to lớn, dường như thấy trước sự thất bại.

Ám chỉ nịnh bợ người khác.

Nhà tư tưởng, nhà triết học gốc Pháp.

Nhà văn tác giả của Chủ nghĩa tồn tại Pháp.

Nhà triết học nổi tiếng Hy Lạp.

Nhà ngoại giao nổi tiếng của Mỹ.

Đạo (mà) có thể gọi được, không phải Đạo thường (hàng cửu). Đây là câu mở đầu Đạo đức kinh của Lão Tử.

Một học giả thông minh trong tác phẩm kịch của thi sĩ, nhà soạn kịch, tiểu thuyết gia, nhà khoa học, chính khách, nhà triết học Đức lỗi lạc Johann Wolfgang Goethe.

Virgil là nhà thơ lớn của La Mã cổ đại, người sáng tạo ra thể loại thơ sử thi, tác giả của Bucolics,

Georgics, Aeneid– những thiên sử thi ca tụng nguồn gốc huyền thoại của dân tộc La Mã.

Beatrice: đại biểu cho Nàng Thơ – ám chỉ niềm say mê.

Henry David Thoreau (1817-1862), là nhà văn, nhà thơ, nhà tự nhiên học, nhà sử học, nhà triết học, nhà địa hình học mẫu mực người Mỹ.

Điển ngữ “cuộn chỉ vàng” hay “cuộn chỉ Ariadne” được hiểu theo nghĩa: sợi dây chỉ đường để thoát khỏi cảnh nguy nan.

Buck Mulligan, một tay du đãng sống trong một ngôi tháp cổ – nhân vật trong tiểu thuyết Ulysses.

Trích trong thiên Tử Trương sách Luận ngữ, nghĩa là học mà còn dư sức, nhân rồi thì hãy ra làm quan.

Bút ký dưới hầm của Dostoevsky.

Tạm hiểu là “quy định kép”, nói đến những cách thức nằm ngoài luật pháp của Đảng nhằm khởi tố và trừng trị các thành viên, những người bị triệu tập đến một địa điểm và thời gian xác định để thẩm vấn.

Viên chức vi phạm này có thể bị giam giữ vô thời hạn, bị từ chối đại diện hợp pháp, và không được phép liên lạc với thế giới bên ngoài. (BT)

Vị quan nổi tiếng thời Minh.

Đó là chiếc hộp mà Zeus đã tặng cho nàng Pandora – người phụ nữ đầu tiên đến thế giới loài người. Nàng được Zeus dặn kỹ rằng không được mở chiếc hộp đó, nhưng vì tò mò, Pandora đã mở và tất cả những gì trong đó đã khiến cho những điều bất hạnh tràn ngập trên thế gian như: thiên tai, bệnh tật, chiến tranh...

Chiếc hộp chỉ còn sót lại một chút “hy vọng” mang tên Pandora để loài người có thể tiếp tục sống.

Nhà văn Nga đoạt giải Nobel văn học năm 1970.

Là từ điển bách khoa về dược vật học được danh y Lý Thời Trân nhà Minh biên soạn.
Jean Paul Charles Aymard Sartre là nhà triết học hiện sinh, nhà soạn kịch, nhà biên kịch, tiểu thuyết gia và là nhà hoạt động chính trị người Pháp.
Buồn nôn là một tiểu thuyết hư cấu của của Sartre.
Tạm dịch là: Một triều vua, một triều tôi. (BT)
Lâu đài gần nước, ánh trăng chiếu đầu tiên, ám chỉ ở gần được ưu tiên.
Là luật sư, nhà triết học xã hội, chính khách, nhà nhân văn nổi tiếng thời phục hưng người Anh.
Nhà triết học người Nga.
Đại trí nhược ngu: Vô cùng khôn ngoan nhưng lại giả vờ ngu si. Còn ở đây là đại ngu nhược trí.
Tiểu thuyết nổi tiếng của Dostoevsky.
Đại văn hào, triết gia người Pháp.
Lý Bạch có bài thơ Thục đạo nan, trong đó có câu: “Đường Thục khó, khó hơn lên trời xanh”. (BT)
Tiếng lóng: ám chỉ những cô gái làm tiền. (BT)
Bác sĩ, nhà phân tâm học người Áo.
Friedrich Wilhelm Nietzsche (1844-1900) là một nhà triết gia người Đức.
Zarathustra đã nói như thế là một tác phẩm của triết gia người Đức Friedrich Wilhelm Nietzsche.
Là nhân vật trong thần thoại Hy Lạp, sẵn sàng đối đầu với thần linh và bị thần Zeus phạt lăn đá lên đỉnh núi.
Sự học về những thứ siêu hình: Đại thừa trong Nho giáo, Tiên thiên trong Đạo giáo.
Là vị thần diệt trừ yêu ma trong truyền thuyết dân gian Trung Hoa.
Một loại án oan mà kẻ thống trị bức hại phần tử trí thức, cố ý bới móc từng câu từ trong văn thơ của các tác giả, thêu dệt thành tội.
Nhà văn Tiệp Khắc.
Nhà văn người Áo.
Trích bài thơ Đề tây lâm bích của Tô Đông Pha.
Đổi sách Bắc dịch Tào Tháo, Đông hòa Tôn Quyền của Gia Cát Lượng.
Một hình thức văn nghệ dân gian Trung Quốc, khi kể một câu chuyện dài dùng quạt, khăn làm đạo cụ.
Chữ dùng trong Kinh thi, tức con chuột lông xù, dùng để ví với quan tham nhũng.
Là nơi các sĩ phu xuất thế ở ẩn.
Là một kỹ thuật in ấn, trong đó các hình ảnh dính mực in được ép lên các tấm cao su trước rồi mới ép từ miếng cao su này lên giấy.
Tiếng Do Thái nghĩa là bỏ đực, hàm ý: sức mạnh, phục vụ và hy sinh.
Vua là trời, cha là trời, chồng là trời.
Utopia – xã hội không tưởng, cũng là tên một quyển sách của nhà chủ nghĩa nhân văn nước Anh Thomas More. (ND)
Phong trào đấu tranh của sinh viên ngày 4-5-1919.
Khởi nghĩa nông dân thời Tần.
Tổng biên tập Tứ khố toàn thư thời vua Càn Long.
Ghi chép lại những lời của Bành Quốc Lương.
Một nhân vật trong Hồng Lâu Mộng.
Thay thế thức ăn, có thể là trái cây hoặc thuốc.
Nhà tư tưởng, chính trị gia người Mỹ gốc Đức.
Niccolò di Bernardo dei Machiavelli (1469-1527) nhà ngoại giao, nhà triết học chính trị, nhạc soạn nhạc, nhà thơ, nhà soạn kịch.
Ám chỉ cõi mộng hay một điều không thể thực hiện của ai đó.
Kelly Caleche (1892-1941) nhà thơ kiệt xuất nước Nga. (ND)
Rainer Maria Rilke (1875-1926) nhà thơ nước Áo. (ND)
Nhân vật chính trong Hồng Lâu Mộng. (ND)
Vàng mặt.
Hegel (Georg Wilhelm Friedrich Hegel) nhà triết học người Đức. (ND)
Nhà thơ Áo nổi tiếng.
Rabindranath Tagore (1861-1941) nhà thơ Ấn Độ, triết gia Bà La Môn.
Johann Wolfgang von Goethe (1749-1832) nhà văn Đức.
Nhân vật trong truyện cổ Hy Lạp – một nghệ sĩ thủy chung, đi xuống tận âm phủ tìm vợ.

Nhân vật trong truyện cổ Hy Lạp.

Henrik Johan Ibsen (1828-1906) nhà soạn kịch Na Uy.

Nhân vật trong kịch.

Nhân vật trong kịch.

Romain Rolland (1866-1944) nhà văn nổi tiếng Pháp.

Ám chỉ kinh nguyệt. (BT)

1. Bác sỹ Seuss là bút danh của Theodor Seuss Geisel (1904-1991), nhà văn và họa sỹ vẽ tranh minh họa Mỹ nổi tiếng với những cuốn sách viết cho thiếu nhi (ND).

1. Nguyễn Hà Đông (ND).

1. Hình ảnh đại diện của một người trên các phương tiện, thiết bị điện tử và trong mạng truyền thông (ND).

1. Viết tắt của National Football League (Liên đoàn Bóng bầu dục Mỹ) (ND).

2. Super Bowl là giải vô địch hàng năm do NFL tổ chức, dành cho các đội bóng bầu dục chuyên nghiệp ở trình độ cao nhất của nước Mỹ (ND).

3. Pilates là hệ thống các bài tập kéo giãn và chống đẩy sử dụng thiết bị đặc biệt, giúp cơ bắp khỏe hơn và giúp bạn uốn cong một số bộ phận cơ thể dễ dàng hơn (ND).

4. Soren Gordhamer làm việc với các cá nhân và tổ chức, giúp họ sống chú tâm và có mục đích hơn trong kỷ nguyên công nghệ của chúng ta. Ông là nhà sáng lập và tổ chức Hội nghị Trí khôn 2.0, tác giả cuốn Trí khôn 2.0: Bí quyết từ thời cổ đại dành cho người sáng tạo và luôn luôn kết nối (Nhà xuất bản HarperOne, 2009) (ND).

1. Viết tắt của public relations, là hoạt động cung cấp cho công chúng thông tin về một tổ chức hay cá nhân cụ thể nào đó, nhằm tạo ra ấn tượng tốt về tổ chức hay cá nhân đó. Trong tiếng Việt hay gọi là quan hệ công chúng (ND).

1. Nguyên văn tiếng Anh: bricks-and-mortar. Một doanh nghiệp gạch-và-vữa là doanh nghiệp bán hàng qua cửa hàng truyền thống, để phân biệt với một doanh nghiệp chỉ bán hàng qua mạng (ND).

2. Đây là cách kết hợp từ hay gộp trong tiếng Anh: “digical” là kết hợp của “digital” và “physical”, còn “phygital” là kết hợp của “physical” và “digital”. Ở đây, “digical” tạm dịch ra tiếng Việt là “số thực”, còn “phygital” tạm dịch là “thực số” mặc dù không có ý nghĩa lắm (ND).

3. Viết tắt của Quick Response (Phản ứng nhanh), là thương hiệu của một loại mã vạch dạng ma trận gồm các hình vuông trắng và đen chứa thông tin (chẳng hạn như địa chỉ trang web), có thể dùng điện thoại thông minh để đọc (ND).

1. AgeLab là chương trình nghiên cứu đa ngành của Học viện Công nghệ Massachusetts (MIT) làm việc với doanh nghiệp, chính phủ và các tổ chức phi chính phủ để cải thiện chất lượng sống cho người cao tuổi và những người chăm sóc họ (ND).

2. Dịch từ chữ “dunk”. Ở đây, người viết ra câu này đã tận dụng tính đa nghĩa của từ “dunk” để chơi chữ. Từ “dunk” có một nghĩa là “nhúng thức ăn thật nhanh vào chất lỏng trước khi ăn” (ví dụ: nhúng bánh quy giòn vào cà phê) và một nghĩa dùng trong môn bóng rổ là “nhảy rất cao và đưa bóng vào rổ bằng một lực rất mạnh từ trên cao” (ND).

3. B2B là viết tắt của business-to-business, ở đây hiểu là từ doanh nghiệp đến doanh nghiệp hay liên doanh nghiệp (ND).

1. Triển lãm công nghệ và điện tử tiêu dùng nổi tiếng thế giới, được tổ chức hàng năm vào tháng 1 tại Las Vegas, tiểu bang Nevada, Mỹ (ND).

2. GPS là viết tắt của Global Positioning System (Hệ thống định vị toàn cầu) (ND).

3. RSS là viết tắt của Really Simple Syndication (Bán thông tin thật sự đơn giản) là hệ thống chuẩn dùng để cung cấp thông tin, nhất là tin tức, từ một đơn vị xuất bản tin tức trên Internet cho những người sử dụng Internet (ND).

4. Tên thương mại của một bộ thiết bị chơi trò chơi video của Sony (ND).

1. Tên một phần mềm chỉnh sửa đồ họa được phát triển và phát hành bởi hãng Adobe Systems (BT).

2. Viết tắt của Federal Bureau of Investigation (Cục Điều tra Liên bang) của Mỹ (ND).

1. Nguyên văn: Ugly Christmas, “Sweater” (ND).

2. Viết tắt của National Football League, giải bóng bầu dục quốc gia Mỹ (BT).

3. Viết tắt của National Basketball Association, Hiệp hội bóng rổ Mỹ (ND).

4. Tên đầy đủ là Oprah Gail Winfrey, sinh ngày 29 tháng 1 năm 1954. Bà là chủ một hãng truyền thông, người dẫn chương trình truyền hình, diễn viên, nhà sản xuất và nhà từ thiện Mỹ. Bà nổi tiếng với chương

trình truyền hình có tên The Oprah Winfrey Show, chương trình nói chuyện trên truyền hình được nhiều người xem nhất trong lịch sử và được sản xuất để bán cho các đài truyền hình trên khắp nước Mỹ trong giai đoạn 1986-2011 (ND).

5. Viết tắt của National Public Radio (Đài phát thanh công cộng quốc gia Mỹ), là tổ chức truyền thông phi lợi nhuận được cả tư nhân và chính phủ tài trợ, sản xuất và cung cấp chương trình cho một mạng lưới 900 đài phát thanh công cộng ở Mỹ (ND).

1. Một loại đồ ăn vặt đóng gói của Mỹ làm từ ngô, có vị cay (ND).

1. Tác Nguyễn Hà Đông (ND).

2. Giải Pulitzer là giải thưởng dành cho các thành tựu trong lĩnh vực báo in, báo mạng, văn học và soạn nhạc ở Mỹ (ND).

3. Xprize là một tổ chức phi lợi nhuận, chuyên thiết kế và quản lý các cuộc thi dành cho công chúng, nhằm khuyến khích phát triển công nghệ có thể làm lợi cho con người (ND).

4. Tên một loại nhạc cụ có bốn dây, trông giống một chiếc ghi ta nhỏ, có xuất xứ từ Hawaii (ND).

1. Nguyên văn: big data: nghĩa là thông tin quá lớn hoặc quá phức tạp nên không thể xử lý, phân tích hay sử dụng theo các phương pháp thông thường (ND).

2. Nguyên văn: small data: nghĩa là lượng dữ liệu bạn có thể thoải mái lưu trữ và xử lý trên một máy duy nhất, nhất là máy tính xách tay hay máy chủ cao cấp (ND).

1. Ca sỹ, người viết bài hát nổi tiếng người Mỹ (ND).

2. Anthropologie là nhà bán lẻ phụ kiện và quần áo nữ của Mỹ, thuộc sở hữu của công ty Urban Outfitters, trụ sở ở thành phố Philadelphia, tiểu bang Pennsylvania, Mỹ (ND).

3. Tên đầy đủ là Beyonce Giselle Knowles-Carter, nữ ca sỹ, người viết bài hát, diễn viên nổi tiếng người Mỹ (ND).

4. Tên thật là Louis Székely, diễn viên hài kịch, nhà văn, nhà sản xuất, đạo diễn và biên tập người Mỹ.

Ông là tác giả kịch bản, ngôi sao, đạo diễn, nhà sản xuất và biên tập series hài kịch Louie (ND).

5. HBO là mạng lưới truyền hình vệ tinh và truyền hình cáp hàng đầu của Mỹ, thuộc sở hữu của công ty Home Box Office Inc., một công ty con của tập đoàn Time Warner (ND).

6. Hulu là một công ty trên mạng và nhà cung cấp dịch vụ phát sóng qua mạng có quảng cáo của Mỹ.

Dịch vụ này cung cấp miễn phí tuyển chọn các chương trình truyền hình, đoạn phim ngắn, phim truyện... trên trang Hulu.com (ND).

7. Tác Richard Price, người sáng lập trang Academia.edu (ND).

1. Tên một nhà hát dành cho các loại hình nghệ thuật biểu diễn ở thành phố Barcelona, Tây Ban Nha (ND).

2. Bitcoin là một loại tiền tệ điện tử (tiền số) được tạo ra năm 2009 bởi một người lấy bí danh là Satoshi Nakamoto. Tiền này dùng để mua, bán trên mạng, và giao dịch thanh toán được thực hiện trực tiếp giữa người mua và người bán mà không qua trung gian, tức là không thông qua ngân hàng. Tiền có thể được phát hành với bất cứ mệnh giá nào (ND).

3. Netflix là nhà cung cấp dịch vụ phát sóng trên Internet theo yêu cầu cho khán giả ở Bắc Mỹ, Úc, New Zealand, Nam Mỹ và một số nước châu Âu. Ở Mỹ, công ty này cung cấp dịch vụ gửi DVD qua bưu điện với giá đồng hạng. Công ty được thành lập năm 1997 và có trụ sở ở Los Gatos, tiểu bang California, Mỹ (ND).

1. Tên một loại ngũ cốc được làm từ bột mì và gạo, tằm quế và đường, dùng để ăn sáng với sữa tươi (ND).

2. Nguyên văn “garbage in, garbage out”, dùng để diễn tả việc nếu dữ liệu đầu vào sai hoặc kém được nhập vào máy tính thì dữ liệu đầu ra cũng sẽ sai hoặc kém (ND).

1. Nguyên văn “wall of flame”, là một cái khung lớn trong nhà hàng Thái dùng để treo ảnh những thực khách vượt qua thử thách ăn cay của nhà hàng (ND).

1. Nguyên văn: garage sale, nghĩa là một dịp người dân bán quần áo, nội thất,... đã qua sử dụng tại garage hoặc sân nhà họ (ND).

1. Nguyên văn “Tagline Roulette”. Rulet là một trò đánh bạc, trong đó người ta thả một quả bóng vào một bánh xe đang quay, trên bánh xe có các lỗ có đánh số. Người chơi đặt cược quả bóng rơi vào lỗ nào khi bánh xe ngừng quay (ND).

1. Nguyên văn: white truffle, là một loại nấm đất tiền mọc dưới đất (ND).

1. Học viện Công nghệ Massachusetts (ND).

Thanh minh' is the name of a Vietnamese holiday dedicated to tending ancestors' graves.

In some areas of Vietnam, the dead are buried twice. They are buried the first time for several years, until most of the flesh decomposes. Then the body is exhumed, the bones are lovingly washed, and the clean bones are reburied in a permanent resting place.

In 1991, when this story was written, the Vietnamese dong traded at the rate of about 14,000 dong to the US dollar.

In Vietnam, some graveyards are divided into separate areas for separate classes of people. This custom probably stems from the belief that if one's ancestors are not satisfied with their resting place, they might return to haunt the family. Area A is the area for high-ranking Party members.

In many Vietnamese folk tales, Buddha plays a role equivalent to the 'fairy godmother' of Western folktales.

The name given to an ill-planned campaign to improve irrigation networks.

The name given to another campaign, this one aimed at increasing arable land for crop production.

Unfortunately, valuable hardwood trees were cut down to make way for fields of cassava and other crops worth a fraction of the trees' value.

'Uncle' here is not meant to express actual kinship. The Vietnamese language makes wide use of familial pronouns to express relationships of respect/disrespect, familiarity/unfamiliarity, etc. The most famous example of this is, of course, 'Uncle Ho'. Here, 'uncle' simply means that Thiët was an older male acquaintance whom the narrator respects.

Referring to China's Mao Tse Tung.

During the period when the Vietnamese regularly had to queue up to buy state-subsidized goods, some creative entrepreneurs made money by arriving early to get a choice spot in line, then reserving their spot with a brick and selling it to those who came later.

At the time of this story, Party cadres were ranked on a scale from one to six, six being the highest level. Nguyễn Trãi was a famous military leader who led a successful campaign against the Ming dynasty in China. The Bình Ngô Đại Cáo is his proclamation of victory.

A reference to the fact that many Vietnamese who emigrate to other countries do so in part to make money to send home to the rest of the family.

Money given in order to encourage party cadres--who are generally pitifully underpaid-- to attend meetings. When they arrive at the meeting, they are handed an envelope with a sum of money in it as a bonus.

The Vietnamese currency, the dong, is exchanged at a rate of 11,000 dong to the US dollar.

The Vietnamese name for the prison which was immortalized here in the US as the 'Hanoi Hilton'.

'The Woman and the Little Dog'. In the story, the woman's dog plays a role in the lovers' first meeting.

The name a Vietnamese businessman who got famously rich through an illegal pyramid scheme.

Eggs that are incubated until the duck fetus is three-quarters developed, then boiled and eaten. Folk wisdom holds that they are a powerful aphrodisiac.

When, after the Japanese surrender and subsequent withdrawal from Vietnam at the end of WWII, Ho Chi Minh took up a collection of valuables from the citizenry. It is said that the money was then given as a kind of bribe to the Chinese general that had been designated by the Allied Powers to oversee North Vietnam.

A propaganda campaign during the war encouraging women to shoulder the 'Three Responsibilities' of home, production, and fighting the war.

'Renovation'. A policy of social and economic reform.

A bridge near Hanoi which was built with Russian aid.

A common phenomena under the new 'socialist market economy', government agencies have been opening businesses unrelated to their proper mission as a means of income generation.

'Wait for me'.

A form of downsizing used by bloated government enterprises. The worker is laid off but continues to receive 70 percent of his or her salary.

Soap distributed free to government employees, usually of vastly inferior quality. Normally no one would care if 21 bars of such soap was lost.

Referring to Alphonse Daudet's 'The Stars'.

1. Chuyên vùng trong suốt (seamless roaming): Là tính năng hỗ trợ người sử dụng thiết bị di động kết nối liên tục trong suốt quá trình chuyên vùng từ vùng phủ sóng này sang vùng phủ sóng khác

19. Nguyên văn: Flesch-Kincaid (F-K) grade-level algorithm.
 20. Lois Lowry là tác giả sách thiếu nhi người Mỹ, với hơn 30 tác phẩm rất được yêu thích. Bà là tác giả quyển sách ăn khách The Giver (xuất bản ở Việt Nam với tựa Người truyền ký ức) đã được dựng thành phim vào năm 2014.
 1. Nguyên văn: sound like a broken record – ý nói tác giả đã nhắc lại nhiều đến mức “nhão bạng, cong đĩa”.
 1. TED là một chuỗi các buổi hội thảo do quỹ Sapling Foundation sở hữu, được tổ chức lần đầu vào năm 1984. Kể từ năm 2006, các bài diễn thuyết TED được phát miễn phí qua mạng Internet và đến năm 2012 đã đạt 1 tỉ lượt xem. Hội nghị TED (TED Conference) là sự kiện quan trọng nhất của TED, được tổ chức thường niên tại Long Beach, California và quy tụ hơn 1.000 diễn giả trên mọi lĩnh vực (tất cả các chủ thích trong sách đều của người dịch).
 2. Tác giả của nhiều cuốn sách nổi tiếng và bán chạy như Những kẻ xuất chúng, Trong chớp mắt, David và Goliath...
 3. Sir Kenneth Robinson: Tác giả, diễn giả nổi tiếng người Anh, là cố vấn giáo dục cho nhiều tổ chức phi lợi nhuận, giáo dục và nghệ thuật. Bài diễn thuyết của ông trên TED, Do schools kill creativity? (tạm dịch: Trường học có giết chết sự sáng tạo?) đã thu hút gần 35 triệu lượt xem.
 4. Nguyên văn: technology, entertainment, design, viết tắt là TED.
 5. Carnegie Hall là hội trường nhà hát lớn tại Manhattan, thành phố New York, do kiến trúc sư William Burnet Tuthill xây dựng năm 1891 và được đặt theo tên “ông vua ngành thép” Andrew Carnegie. Đây là một trong những điểm biểu diễn âm nhạc cổ điển và đương đại danh tiếng nhất thế giới.
 6. Các nhu cầu tác giả liệt kê thuộc Tháp Nhu cầu Maslow (nguyên văn: Maslow’s hierarchy of needs), do nhà tâm lý học Maslow đề xướng vào năm 1934. Các nhu cầu này thuộc nhóm các nhu cầu bậc cao, khác với nhu cầu cơ bản (vật chất, sự an toàn...) của con người.
 7. Nguyên văn: Ecclesiastes.
 8. TEDx là các sự kiện TED quy mô nhỏ được tổ chức tại địa phương và bàn về các vấn đề trong cộng đồng, ngoại trừ chủ đề chính trị, kinh doanh và tôn giáo.
 9. Aristoteles (384 – 322 TCN) là nhà triết học và bác học thời Hy Lạp cổ đại, học trò của Plato và là thầy dạy của Alexander Đại đế. Ông được xem là người đặt nền móng cho môn lý luận học.
 10. TEDGlobal là hội nghị TED được tổ chức 6 tháng một lần tại nhiều thành phố trên thế giới (khác với hội nghị TED thường niên tại Long Beach, California). Hiện nay, TEDGlobal được tổ chức thường xuyên tại Edinburgh, Vương quốc Anh mỗi mùa hè.
 11. Nguyên văn: Meet the Press.
 12. Nguyên văn: Golden Circle.
 13. Một thể thơ trào phúng cổ của Nhật Bản, còn gọi là bài cú. Điểm độc đáo của thể thơ này là các bài thơ cực ngắn với 17 âm tiết, chia thành ba câu theo nhịp 5-7-5.
 14. Nguyên văn: stand-up comic – chỉ những diễn viên hài biểu diễn một mình trước micro trên sân khấu, không có bạn diễn hay phối cảnh. Họ chỉ sử dụng tài hoạt ngôn và điệu bộ của mình để chọc cười khán giả.
 15. Nguyên văn: Toastmasters World Champion of Public Speaking.
 16. Tác giả sách kỹ năng lừng danh, nổi tiếng với cuốn sách Bảy kỹ năng dành cho người thành đạt (7 Habits of Highly Effective People).
 17. John Francis “Jack” Welch, Jr. (1935) là giám đốc doanh nghiệp đã nghỉ hưu kiêm tác giả và kỹ sư hóa sinh. Ông từng là chủ tịch kiêm CEO của General Electric (GE) từ năm 1981 đến 2001. Trong nhiệm kỳ của ông, giá trị của GE đã tăng gấp 40 lần. Khi thôi nhiệm, khoản tiền đền bù ông nhận được từ GE là 417 triệu đô-la, con số cao nhất từng được ghi nhận trong lịch sử.
 18. Dilbert là loạt tranh biếm họa do họa sĩ người Mỹ Scott Adams sáng tác, gồm những câu chuyện trào phúng về giới văn phòng với nhân vật trung tâm là chàng kỹ sư Dilbert (do Andrews McMeel Publishing xuất bản lần đầu năm 1989).
- Boulangerie: tiệm bánh, bistro: quán rượu, magasin: hiệu tạp hóa (BT).
 Tứ đồ tường: bốn thói xấu theo quan niệm truyền thống gồm cờ bạc, rượu chè, trai gái, hút xách (BT).
 Là chiếc xe hơi đầu tiên được sản xuất hàng loạt tại miền Nam Việt Nam trước 1975 với 4 kiểu dáng khác nhau tùy theo mục đích sử dụng.
 HP: Hewlett-Packard Development Company
 door to door: Đưa đón tận cửa.

Tạp chí Cẩm nang vui đọc: là tạp chí hàng đầu về quản lý tài chính của Trung Quốc, do Cao Kiến Hoa (tác giả cuốn sách Không đánh mà thắng) đặt nền móng ban đầu.

USP: Unique Selling Point (hay Unique Selling Proposition) - là một khái niệm trong tiếp thị, chỉ ưu thế bền vững của một thương hiệu hay sản phẩm được xác định với mục đích tạo sự khác biệt rõ rệt, khiến khách hàng quyết định chọn thương hiệu/sản phẩm này thay vì thương hiệu/sản phẩm khác. (Theo wikipedia)

Trong kinh tế học, tổng sản phẩm nội địa, tức tổng sản phẩm quốc nội hay GDP (viết tắt của Gross Domestic Product) là giá trị thị trường của tất cả hàng hóa và dịch vụ cuối cùng được sản xuất ra trong phạm vi một lãnh thổ nhất định (thường là quốc gia) trong một thời kỳ nhất định (thường là một năm).

4P: một khái niệm trong marketing: tập hợp các công cụ tiếp thị được doanh nghiệp sử dụng để đạt được trọng tâm tiếp thị trong thị trường mục tiêu, các công cụ gồm có: Product (Sản phẩm), Price (Giá cả), Place (Phân phối), Promotions (xúc tiến thương mại hoặc hỗ trợ bán hàng).

Lý luận đuôi dài: Cái đuôi dài (long tail) là khái niệm mới trong marketing, ra đời khoảng năm 2004. Lý luận này chỉ ra rằng trong kỷ nguyên internet, lợi nhuận không chỉ nằm trong những sản phẩm nổi bật mà còn nằm trong những sản phẩm bình thường dành cho nhiều nhóm khách hàng có nhu cầu riêng biệt.

Theo nguyên lý “tích tiểu thành đại”, khi sản phẩm bình thường đạt mức số lượng lớn nào đó thì lợi nhuận chúng đem lại chắc chắn không ít. (Nguồn: Internet)

OEM: (Original Equipment Manufacturer): Nhà sản xuất thiết bị gốc, là những hãng thực sự sản xuất sản phẩm mặc dù sản phẩm lại mang nhãn hiệu của hãng khác. Đây là các công ty thực sự chế tạo ra một thiết bị phần cứng nào đó. Khác với những người buôn bán lại, làm tăng giá trị hàng hóa, họ là những nhà chế tạo, sửa chữa, đóng gói và bán ra thiết bị phần cứng đó. (Theo Wikipedia).

ODM: (Original Designed Manufacturer): Nhà sản xuất thiết kế gốc. Nhà sản xuất kiểu này cung cấp cho khách hàng tất cả dịch vụ liên quan đến sản phẩm như nghiên cứu và phát triển, định hướng sản phẩm cũng như sản xuất. Khách hàng chỉ cung cấp cho nhà sản xuất chức năng yêu cầu, hiệu suất hoặc thậm chí chỉ cung cấp một khái niệm và nhà sản xuất sẽ thực hiện thành sản phẩm.

Thôn Trung Quan: Khu công nghệ cao của Bắc Kinh (Trung Quốc), được mệnh danh là “Thung lũng Silicon của Trung Quốc”.

Thales: (Khoảng 624 TCN – khoảng 546 TCN), là một triết gia, một nhà toán học người Hy Lạp sống trước thời Socrates, người đứng đầu trong bảy nhà hiền triết của Hy Lạp. Ông cũng được xem là một triết gia đầu tiên trong nền triết học Hy Lạp cổ đại, là “cha đẻ của khoa học”. Tên của ông được dùng để đặt cho một định lý toán học do ông phát hiện ra.

Vicent Van Gogh: (30 tháng 3 năm 1853 – 29 tháng 7 năm 1890), là một danh họa Hà Lan thuộc trường phái hậu ấn tượng. Nhiều bức tranh của ông nằm trong số những tác phẩm nổi tiếng nhất, được yêu thích nhất và cũng đắt nhất trên thế giới.

Lực học lưu thể: Là lực có thể nâng được cơ thể.

Mark-Twain: tên thật là Samuel Langhorne Clemens (30 tháng 11 năm 1835 – 21 tháng 4 năm 1910) là một nhà văn khôi hài, tiểu thuyết gia và là nhà diễn thuyết nổi tiếng của Mỹ.

Franklin.D.Roosevelt: (1882 - 1945), Tổng thống thứ 32 của Mỹ.

Winston Churchill: (1874 - 1965), Thủ tướng Anh trong thế chiến thứ hai.

Adolf Hitler: (1889 - 1945), trùm phát xít Đức quốc xã.

Einstein: Albert Einstein (14 tháng 3 năm 1879 – 18 tháng 4 năm 1955), là nhà vật lý lý thuyết người Đức và là người đã phát hiện ra thuyết tương đối. Ông đạt giải Nobel Vật lý năm 1921 cho những công hiến của ông đối với Vật lý lý thuyết, đặc biệt cho sự khám phá ra định luật của hiệu ứng quang điện.

Napoléon: Napoléon Bonaparte (15 tháng 8 năm 1769 – 5 tháng 5 năm 1821) là một nhà quân sự và nhà chính trị kiệt xuất người Pháp.

Tru-man: Harry S. Truman (8 tháng 5 năm 1884 – 26 tháng 12 năm 1972) là Phó tổng thống thứ 34 (1945) và là Tổng thống thứ 33 của Hoa Kỳ (1945–1953), kế nhiệm Nhà Trắng sau cái chết của Franklin D. Roosevelt.

Victoria: Alexandrina Victoria , (24 tháng 5 năm 1819 – 22 tháng 1 năm 1901), Nữ vương của Vương quốc Liên hiệp Anh và Ireland từ (20 tháng 7, 1837) cho tới khi bà chết. Sự cai trị của bà kéo dài 63 năm, kéo dài hơn so với các vị quân chủ nào trước đó.

Hành Khước Tăng: Sư đi bộ không mang đồ đạc bên người, hóa độ và gieo duyên cho chúng sinh.

Darwin: Charles Robert Darwin (12 tháng 2 năm 1809 – 19 tháng 4 năm 1882) là một nhà nghiên cứu người Anh nổi tiếng trong lĩnh vực tự nhiên học. Ông là người đã phát hiện và chứng minh rằng mọi loài đều tiến hóa theo thời gian từ những tổ tiên chung qua quá trình chọn lọc tự nhiên.

Mandela: Nelson Rolihlahla Mandela (18 tháng 7 năm 1918 - 5 tháng 12 năm 2013) là tổng thống Nam Phi từ năm 1994 đến 1999, và là tổng thống Nam Phi đầu tiên được bầu cử dân chủ theo phương thức phổ thông đầu phiếu.

Dale Carnegie: Dale Breckenridge Carnegie (24 tháng 11 năm 1888 – 1 tháng 11 năm 1955) là một nhà văn, nhà thuyết trình Mỹ và là người phát triển các lớp tự giáo dục, nghệ thuật bán hàng, huấn luyện đoàn thể, nói trước công chúng và các kỹ năng giao tiếp giữa mọi người.

Peso: là tên gọi của đơn vị tiền tệ do Tây Ban Nha và một số nước, vùng lãnh thổ thuộc Tây Ban Nha phát hành.

Socrate : (469?–399 TCN), (470–399 TCN). Là một triết gia Hy Lạp cổ đại, người được mệnh danh là bậc thầy về truy vấn.

John Davison Rockefeller: (1839 – 1937) là một nhà công nghiệp người Mỹ, người đóng vai trò quan trọng trong ngành công nghiệp dầu mỏ thời sơ khai, người sáng lập công ty Standard Oil và đồng thời cũng là một nhân vật gây tranh cãi trong lịch sử nước Mỹ. Ông được xem là một trong những người giàu nhất lịch sử với tài sản tương đương khoảng hơn 663 tỷ USD so với USD năm 2007 (theo thống kê của Forbes).

Eisenhower: (A. Dwight David Eisenhower; 1890-1969), Tổng thống Mĩ thứ 34 (1953-1961).

Alexandre Dumas: (1824-1895), còn gọi là Dumas con. Tiểu thuyết gia, kịch gia nổi tiếng của Pháp thế kỷ 19.

Hegel: (Georg Wilhelm Friedrich Hegel; 1770 - 1831), nhà triết học duy tâm khách quan, đại biểu xuất sắc của triết học cổ điển Đức, người xây dựng nên phép biện chứng duy tâm. Triết học của Hegel là đỉnh cao của chủ nghĩa duy tâm Đức cuối thế kỉ 18 - đầu thế kỉ 19.

Napoleon Hill: (26 tháng 10 năm 1883 ngày 8 tháng 11 năm 1970) là một tác giả người Mỹ, một trong những người sáng lập nên môn “thành công học” (là khoa học về sự thành công của cá nhân). Tác phẩm được cho là nổi tiếng nhất của ông có tên “Nghĩ giàu làm giàu” (Think and Grow Rich) là một trong những cuốn sách bán chạy nhất mọi thời đại.

Galileo Galilei: (15 tháng 2 năm 1564 – 8 tháng 1 năm 1642) là một nhà thiên văn học, vật lý học, toán học và triết học người Ý.

Ronald Reagan: (6 tháng 2 năm 1911 – 5 tháng 6 năm 2004) là tổng thống thứ 40 của Hoa Kỳ (1981–1989). Trước đó, ông là thống đốc thứ 33 của California (1967–1975), và từng là diễn viên truyền hình.

32 triệu tích tắc: một năm nhuận có $3600 \times 24 \times 366 = 31.622.400$ giây.

Abraham Lincoln: (12 tháng 2 năm 1809 – 15 tháng 4 năm 1865), còn được biết đến với tên Abe Lincoln, tên hiệu Honest Abe, Rail Splitter, Người giải phóng vĩ đại, là Tổng thống thứ 16 của Hoa Kỳ từ tháng 3 năm 1861 cho đến khi bị ám sát vào tháng 4 năm 1865.

George Washington: (22 tháng 2 năm 1732 – 14 tháng 12 năm 1799), tổng thống đầu tiên của Mỹ, là nhà lãnh đạo chính trị và quân sự có ảnh hưởng lớn đối với quốc gia non trẻ Hoa Kỳ từ năm 1775 đến năm 1799.

ions of the competing values framework (tạm dịch : Lõi nhà xuất bản: Các ứng dụng của cấu trúc giá trị cạnh tranh). Human Resource Management 32 (1): 1-7.

1. V.M. Petrov đầu những năm 1990 di cư sang Israel. Hiện nay là chủ tịch Hiệp hội TRIZ - Israel (Association TRIZ - Israel).

2. E. Zlotina đầu những năm 1990 di cư sang Israel. Mất ngày 8.12.1998 vì bệnh ung thư.

3. V.V. Mitrofanov lúc đó là hiệu trưởng Đại học nhân dân sáng tạo khoa học - kỹ thuật Leningrad và hiện nay là Chủ tịch Đoàn chủ tịch Hiệp hội TRIZ quốc tế có trụ sở đóng tại Saint Petersburg.

4. Tạp chí 'Kỹ thuật và khoa học' được thành lập từ năm 1894, ra hàng tháng, xuất bản tại Moscova, chuyên về khoa học, kỹ thuật và sản xuất. Thời kỳ chính quyền xô viết, tạp chí trực thuộc Hội đồng liên bang các hiệp hội khoa học - kỹ thuật.

5. Đó là hai quyển sách: . V.V. Mitrofanov và T.A. Emeliantseva. 'Đào tạo các nhà sáng chế và hợp lý hóa tại Đại học nhân dân sáng tạo khoa học - kỹ thuật'. Leningrad, 1987.; . G.I. Ivanov. '... Và hãy bắt đầu sáng chế'. Nhà xuất bản Đông Xibiri, Irkutsk, 1987. BTKS số 3/1999, trang 16 có tóm tắt chuyến đi dạy TRIZ của G.I. Ivanov tại thành phố Cáp Nhĩ Tân, Trung Quốc.

* Cô Valentina Nihkolaevna Zhuravliova – vợ Thầy Altshuller đã từ trần cũng tại thành phố Petrozavodsk, Liên bang Nga ngày 12/3/2004, thọ 71 tuổi. Sau khi Thầy Altshuller mất năm 1998, Cô dành toàn bộ thời gian còn lại của cuộc đời mình cho việc thu thập, hệ thống hóa lại và xuất bản các tư liệu, tài liệu và tác

phẩm của Thầy Altshuller.

Có ghi rõ trong Dự Am văn tập của Phan Huy Ích.

Lúc ở Quy Nhơn bà chỉ có 2.000 nữ binh, ra Phú Xuân mới tổ chức thêm. Số voi này là voi mới. Voi bà đã luyện tập ở Quy Nhơn, đều phân phát cho các trấn. Bà chỉ đem ra Phú Xuân thốt voi đầu đàn bà thường cưỡi.

Núi Thị Dã thuộc về Tuy Phước, phía tây nam có núi Bà Thanh, có đường đi đến suối Nam Thủy ở Phú Yên. Người Thượng dùng đường này để qua lại Phú Yên và Quy Nhơn.

Cù Lao Xanh, Chàm gọi là Poulo Gambia, nằm giữa hải phận Phú Yên và Quy Nhơn.

Lúc bấy giờ Cách Thử chưa bị lấp, đường nước thông thương với đường Thị Nại ở phía nam thuộc về Tuy Phước.

Núi Hương An ở phía đông, núi An Tượng ở phía tây, có đường liên lạc xuyên qua các ngọn núi liền dãy. Em rể vua Cảnh Thịnh, chồng công chúa là con gái Bùi Thái hậu.

Trương Đăng Đồ người làng Mỹ Khê, quận Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi (chú ruột Trương Đăng Quế). Văn võ toàn tài. Bà phu nhân sắc đẹp, võ giỏi, cùng nữ tướng Bùi Thị Xuân và bà họ Trần vợ Đô Đốc Tuyết là chỗ thâm giao.

Thơ của Nguyễn Bá Thuận đề sách Tây Sơn lương tướng ngoại truyện của Nguyễn Trọng Tri. Thơ 8 câu, đây là cặp luận. Câu thơ đại ý nói: Đèn on nước, một tấm thân đây cả mặt (can đảm đây mình). Nghìn năm giao tình với nhau, chỉ lấy tấm lòng mà luận thị phi.

Chắc có lỗ thông hơi trong đá nên đèn không tắt. Khoảng 1929-1930, Tân Đà tiên sinh có đến viếng mộ. Lúc ấy hai tảng đá vẫn còn. Cuộc viếng mộ có đăng trên báo. Nay không còn thấy.

Những vôi đá của ba ngôi mộ bị quật vẫn còn sót ít nhiều. Ba ngôi mộ không bị phá vẫn còn, nhưng nắng mưa làm hư nhiều lắm. Một ngôi ở trong vườn họ Từ, một ngôi nằm ở trước ngõ họ Phan, một ngôi nằm ở nơi gò Vườn Xoài, cạnh con đường liên hương từ Kiên Mỹ đi xuống. Không ai dám nhận những ngôi mộ này là của gia đình, vì hình phạt của nhà Nguyễn rất tàn khốc.

Câu này thường nghe hát ở nhiều nơi rằng: Ruộng đồng mặc sức chim bay, Biển hồ lai láng mặc tài cá đua. Câu này có tính cách phổ thông. Câu kia, màu sắc địa phương đậm thắm. Đá Hàng là phụ lưu của sông Côn, chảy từ Nam ra Bắc, ở giữa làng Trinh Tường và Phú Phong. Từ chỗ giao thủy Đá Hàng và sông Côn thì sông chia làm hai chảy xuống phía đông, một gọi là sông Trước chảy sát địa phận làng Phú Phong, Xuân Hòa, một gọi là sông Sau chảy xuyên qua Phú Lạc, Kiên Mỹ, Thuận Nghĩa. Nơi sông Sau từ Phú Lạc xuống Kiên Mỹ nước rất sâu, khoảng đó gọi là Hàng Thuyền. Trên bờ có miếu, miếu ấy là miếu của làng Phú Lạc lập để thờ ba anh em nhà Tây Sơn. Có người làm tượng trong miếu này để sắc thần làng Kiên Mỹ. Sự thật thì sắc thần để tại nhà viên thủ chỉ. Còn miếu thờ thần ở phía sau đình Kiên Mỹ.

Hý là tên tộc của Tạo.

Quân Tây Sơn áo đỏ. Dẫn chứng: Quân dung đầu mới lạ thường, Mũ mao, áo đỏ chật đường kéo ra. (Đại Nam quốc sử diễn ca – Lê Ngô Cát và Phạm Đình Toái)

TripBarometer: chuyên trang thống kê của trang web TripAdvisor. (BT)

Check-in: từ tiếng Anh, có nghĩa là đăng ký phòng ở khách sạn. (BT)

Bán chéo: tiếng Anh là cross-sale, là một phương pháp bán hàng khiến người mua trả nhiều tiền hơn để mua thêm sản phẩm hoặc dịch vụ khác loại với sản phẩm và dịch vụ đã chọn mua. (B.T)

Jonas M. Luster: cựu đầu bếp, chuyên gia ẩm thực người Mỹ. (BT)

Table of Contents

<u>LỜI GIỚI THIỆU</u>	
<u>INTRODUCTION</u>	
<u>THANH MINH</u>	
<u>THANH MINH(1)</u>	
<u>CHÂN DUNG</u>	
<u>A PORTRAIT</u>	
<u>GIÓ HEO MÂY</u>	
<u>AUTUMN WIND</u>	
<u>NGƯỜI ĐÀN BÀ ĐOI Ở BÊN XE</u>	
<u>THE WOMAN AT THE BUS STOP</u>	
<u>Vũ điệu cái bô</u>	
<u>THE WALTZ OF THE CHAMBER POT</u>	